PGS. TS TRỊNH ĐÌNH TÙNG (Chủ biên)
ThS . NGUYỄN MẠNH HƯỞNG - ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH

HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP
LỊCH SỬ 12

(CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO)

Tay Ninh
Bien Hoa
Phan Thiet
Saigon
Chau Phu
My Tho
Rach Gia
Can Tho
Phu
Soc Trang
Bac Lieu
Quan Long

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

PGS.TS. TRỊNH ĐÌNH TÙNG (Chủ biên)
ThS. NGUYỄN MẠNH HƯỞNG – ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH

Hướng dẫn giải bài tập

LỊCH SỬ 12

(Chương trình nâng cao)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI MỞ ĐẦU

Mấy năm gần đây, cùng với sách giáo khoa, sách bài tập đã trở thành tài liệu quan trọng, hỗ trợ cho quá trình dạy và học các bộ môn nói chung, môn Lịch sử nói riêng ở trường phổ thông. Nhiều giáo viên đã sử dụng cuốn sách bài tập trong quá trình giảng dạy trên lớp và hướng dẫn học sinh học ở nhà. Học sinh bước đầu có thói quen sử dụng sách bài tập để tự học và kiểm tra kiến thức lịch sử của mình. Tuy nhiên vì sách bài tập lịch sử chỉ nêu những câu hỏi bài tập mà không có phần ***Đáp án****, hướng dẫn trả lời nên đã gây khó khăn ít nhiều cho các em trong quá trình học lịch sử. Nhiều em không biết mình trả lời, giải bài tập có đúng hay không.* ***Hướng dẫn giải bài tập lịch sử 12*** *(Chương trình nâng cao) được biên soạn với mong muốn giúp các em khắc phục những khó khăn trên.*

Biên soạn cuốn sách này, chúng tôi căn cứ vào cuốn "Bài tập lịch sử lớp 12" của các tác giả Trịnh Đình Tùng (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Cơ, Bùi Tuyết Hương, Nguyễn Hồng Liên của Nhà xuất bản Giáo dục. Khi biên soạn chúng tôi tuân thủ trình tự theo chương, bài và hệ thống bài tập trong sách "Bài tập lịch sử 12" và hướng dẫn giải ngay sau mỗi bài tập.

Trong quá trình sử dụng các em chỉ xem hướng dẫn trả lời sau khi đã tự mình giải bài tập và cũng chỉ sử dụng hướng dẫn để kiểm tra cách giải của mình đúng hay không.

Chúc các em thành công khi sử dụng cuốn sách này.

CÁC TÁC GIẢ

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Chương I

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU Chiến tranh thế giới thứ hai

(1945 – 1949)

Bài 1

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU Chiến tranh thế giới thứ hai

(1945 – 1949)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Hội nghị I-an-ta được họp vào tháng:

Đáp án – C: 2 – 1945.

2. I-an-ta là địa danh thuộc lãnh thổ của:

Đáp án – A: Liên Xô.

3. Tham dự Hội nghị I-an-ta gồm có các vị:

Đáp án – D: Xta-lin, Sớc-xin, Ru-dơ-ven.

4. Vấn đề nào dưới đây **không phải** là vấn đề cấp bách đặt ra trước Hội nghị I-an-ta của các nước Đồng minh?

Đáp án – D: Nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.

5. Tại Hội nghị I-an-ta, các nước thắng trận đã thỏa thuận nhiều vấn đề liên quan đến nước Đức, **ngoại trừ** vấn đề:

Đáp án – C: Tiến tới thành lập hai nhà nước Đức thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô.

6. Hội nghị I-an-ta chấp nhận các điều kiện để Liên Xô tham chiến chống phát xít Nhật là:

Đáp án – D: Tất cả các điều kiện trên.

7. Liên hợp quốc được thành lập vào năm:

   Đáp án – C: 1945.

8. Liên hợp quốc được thành lập **không** nhằm mục đích:

   Đáp án – D: Duy trì trật tự thế giới mới hình thành có lợi cho Mĩ

9. Hai nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức được ra đời vào năm:

   Đáp án – C: 1949.

10. "Kế hoạch phục hưng châu Âu" (còn gọi là "Kế hoạch Mác-san") của Mĩ nhằm mục đích quan trọng nhất là:

    Đáp án – D: Tất cả các ý trên.

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Đúng
2. Đúng
3. Sai
4. Sai
5. Đúng
6. Sai
7. Sai
8. Đúng
9. Đúng
10. Đúng

BÀI TẬP 3

Hãy nêu những thỏa thuận của các cường quốc Đồng minh về Trung Quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Đáp án

- Quốc tế hóa thương cảng Đại Liên.
- Khôi phục việc Liên Xô thuê cảng Lữ Thuận làm căn cứ hải quân.
- Liên Xô cùng Trung Quốc khai thác đường sắt Nam Mãn Châu – Đại Liên.
- Trung Quốc cần trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ, quân đội nước ngoài (Mĩ, Liên Xô) rút khỏi Trung Quốc.
- Chính phủ Trung Hoa Dân quốc cần cải tổ với sự tham gia của Đảng Cộng sản và các đảng phái dân chủ.
- Trả lại cho Trung Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hổ.

BÀI TẬP 4

Hãy nêu những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc

Đáp án – Gồm có năm nguyên tắc:

+ Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc
+ Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước
+ Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào
+ Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình
+ Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc)

BÀI TẬP 5

Đáp án

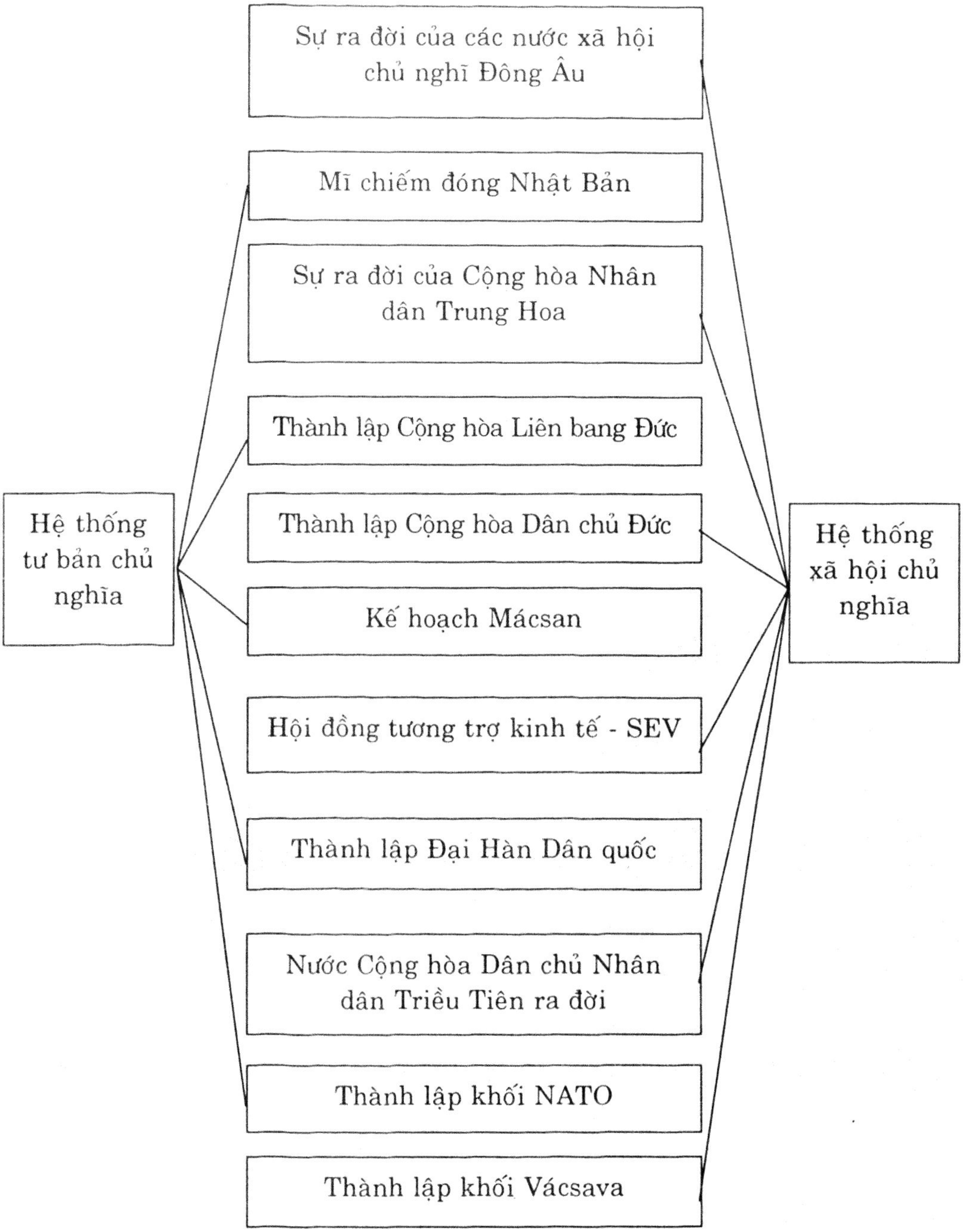
Sự ra đời của các nước xã hội chủ nghĩ Đông Âu
Mĩ chiếm đóng Nhật Bản
Sự ra đời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa
Thành lập Cộng hòa Liên bang Đức
Hệ thống tư bản chủ nghĩa
Thành lập Cộng hòa Dân chủ Đức
Hệ thống xã hội chủ nghĩa
Kế hoạch Mácsan
Hội đồng tương trợ kinh tế - SEV
Thành lập Đại Hàn Dân quốc
Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời
Thành lập khối NATO
Thành lập khối Vácsava

Chương II
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

Bài 2
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Ý nào dưới đây **không** phải là khó khăn nhất của Liên Xô khi bước vào thời kì khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

   Đáp án – D: Liên Xô thiếu đội ngũ công nhân lành nghề, thiếu cán bộ quản lí có kinh nghiệm.

2. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm:

   Đáp án – D: 1949.

3. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử là:

   Đáp án – C: Phá thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ, đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học – kĩ thuật Xô viết.

4. Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô là:

   Đáp án – A. Cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).

5. Nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo là:

   Đáp án – B: Liên Xô.

6. Sự kiện mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người là:

   Đáp án – C: năm 1961, tàu vũ trụ Phương Đông cùng với nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất.

7. Nét nổi bật của tình hình các nước Đông Âu trước Chiến tranh thế giới thứ hai là:

   Đáp án – C: Hầu hết là những nước tư bản lạc hậu.

8. Trong những năm 1944 – 1945, sau khi chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, ở các nước Đông Âu đều thành lập:

   Đáp án – A: Nhà nước dân chủ nhân dân.

9. Sau khi đất nước được giải phóng khỏi ách phát xít, chính phủ ở các nước Đông Âu được thành lập là:

Đáp án – A: Chính phủ liên hiệp bao gồm nhiều giai cấp, nhiều đảng phái.

10. Các nước Đông Âu lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội vào những năm:

Đáp án – D: 1948 – 1949.

11. Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập vào ngày:

Đáp án – A: 8 – 1 – 1949.

12. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va được thành lập vào ngày 14 – 5 – 1955 bao gồm các nước:

Đáp án – B: An-ba-ni, Ba Lan, Bungari, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hung-ga-ri, Liên Xô, Rumani, Tiệp Khắc.

13. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng vấn đề mà cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đặt ra:

Đáp án – C: Sự mất cân đối giữa cung và cầu trong nền kinh tế.

14. Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng chung toàn thế giới được bắt đầu từ cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, Đảng và Nhà nước Liên Xô cho rằng:

Đáp án – A: Chủ nghĩa xã hội không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng này.

15. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng mục đích của cuộc cải tổ của Goóc-ba-chốp?

Đáp án – D: Để củng cố quyền lực của mình.

16. Cuộc đảo chính Goóc-ba-chốp diễn ra ngày:

Đáp án – A: 19 – 8 – 1991.

17. Ngày 25 – 12 – 1991, Goóc-ba-chốp từ chức Tổng thống, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Cremli bị hạ xuống đánh dấu:

Đáp án– C: Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và sự tan rã của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

18. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động vào tháng:

Đáp án – C: 7 – 1991

19. Hậu quả nặng nề nhất do chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã là:

Đáp án – B: Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn nữa.

20. Trong những năm 1992 – 1993, Liên bang Nga theo đuổi chính sách đối ngoại:

Đáp án – A: ngả về các cường quốc phương Tây.

21. Từ năm 1994, Liên bang Nga chuyển sang chính sách đối ngoại:

Đáp án – B: định hướng Âu – Á.

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Đúng	3. Sai	5. Đúng	7. Sai	9. Sai
2. Đúng	4. Sai	6. Sai	8. Đúng	10. Đúng

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
1949	Nhân dân Liên Xô đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế trước thời hạn 9 tháng.
10–1949	Nước Cộng hòa Dân chủ Đức được thành lập.
1948 – 1949	Các nước Đông Âu lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.
1978	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được kết nạp vào Hội đồng tương trợ kinh tế.
24–8–1991	Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức và yêu cầu giải tán Ủy ban Trung ương Đảng.
29–8–1991	Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.
3–10–1990	Cộng hòa Dân chủ Đức sát nhập vào Cộng hòa Liên bang Đức.
1992 – 1993	Nước Nga theo đuổi chính sách đối ngoại “Định hướng Đại Tây Dương”.
1994	Nước Nga chuyển sang chính sách đối ngoại “Định hướng Âu – Á”.

BÀI TẬP 4

1. Hãy trình bày những nét lớn về bối cảnh thế giới và trong nước khi nhân dân Liên Xô bước vào khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Đáp án

a. Thuận lợi:

- Liên Xô bước ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế của người chiến thắng, uy tín chính trị và địa vị quốc tế của Liên Xô đã được nâng cao.
- Cao trào cách mạng trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ.

b. Khó khăn

- Liên Xô là nước chịu tổn thất nặng nề nhất về người và của trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Các nước phương Tây do Mĩ cầm đầu tiến hành cuộc "Chiến tranh lạnh" bao vây Liên Xô về kinh tế, chạy đua vũ trang, chuẩn bị cuộc chiến tranh tổng lực nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Liên Xô vừa phải thực hiện nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế, vừa phải chú ý đến nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh và ủng hộ vật chất, tinh thần cho phong trào cách mạng thế giới cũng như các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

2. Hãy phân tích bối cảnh thế giới và tình hình kinh tế – xã hội của Liên Xô từ nửa sau những năm 70 đến năm 1991.

Đáp án

a. Bối cảnh thế giới

Cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới năm 1973, sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã tác động vào tình hình kinh tế – xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới, đặt ra một thử thách khắc nghiệt với tất cả các nước là phải tiến hành cải cách để thích nghi với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học – kĩ thuật và sự giao lưu, hợp tác quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ, nếu không sẽ bị tụt hậu

b. Tình hình kinh tế – xã hội của Liên Xô từ nửa sau những năm 70 đến năm 1991

– Trước bối cảnh lịch sử mới, các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô cho rằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chịu tác động của cuộc khủng hoảng này. Tuy nhiên, trên thực tế, nền kinh tế – xã hội Liên Xô vốn chứa đựng nhiều khiếm khuyết đã lâm vào tình trạng trì trệ. Biểu hiện:

+ Nền kinh tế lạm phát, mất cân đối, trình độ kĩ thuật lạc hậu...

+ Xã hội thiếu dân chủ, đời sống nhân dân khó khăn

+ Xuất hiện một số nhóm đối lập chống lại Đảng Cộng sản và Nhà nước Xô viết.

– Tháng 3 – 1985, M.Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô đã đề ra đường lối tiến hành công cuộc cải tổ đất nước.

+ Mục đích cải tổ: đổi mới mọi mặt đời sống xã hội, xây dựng một chủ nghĩa xã hội đúng như bản chất của nó.

+ Nội dung:

Về kinh tế: Chủ trương ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật, phát triển kinh tế theo chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, xây dựng nền kinh tế thị trường có điều tiết

Về chính trị: Mở rộng chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân, củng cố kỉ luật lao động, thực hiện đa nguyên chính trị.

Về xã hội: Nâng cao phúc lợi cho nhân dân, thực hiện phân phối theo lao động.

– Kết quả: Do sai lầm trong đường lối và phương pháp thực hiện (xa rời những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, chỉ nhấn mạnh vào cải tổ chính trị...), công cuộc cải tổ về kinh tế đã thực sự thất bại, đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng, xã hội mất ổn định, nổi lên những cuộc xung đột gay gắt giữa các dân tộc và các phe phái trong toàn Liên bang, Đảng Cộng sản bị đình chỉ hoạt động, chính quyền Xô viết trong toàn Liên bang bị tê liệt

– Ngày 25–12–1991, M.Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại

BÀI TẬP 5

Hãy phân tích những thành tựu trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 và ý nghĩa của những thành tựu đó đối với Liên Xô và thế giới

Đáp án

a. Những thành tựu chính:

- Về kinh tế:

+ Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp tăng 73%; sản xuất nông nghiệp tăng trung bình hằng năm là 16%.

+ Trong những thập kỉ 50, 60 và nửa đầu 70, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới sau Mĩ. Liên Xô đi đầu trong một số ngành công nghiệp mới: công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân...

– Về khoa học – kĩ thuật:

+ Năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử.

+ Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

+ Năm 1961, phóng tàu vũ trụ "Phương Đông" đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

– Về văn hóa, giáo dục, xã hội:

+ Công nhân chiếm hơn 55% số người lãnh đạo trong cả nước. Xã hội luôn ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

+ Trình độ học vấn của người dân được nâng cao, 3/4 số dân ở độ tuổi thành niên có trình độ trung học và đại học.

– Về quân sự:

+ Năm 1972, chế tạo thành công tên lửa hạt nhân.

+ Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược quân sự nói chung và tiềm lực hạt nhân nói riêng so với các nước phương Tây.

– Về chính trị:

+ Trong 30 năm đầu sau chiến tranh, tình hình chính trị Liên Xô ổn định, khối đoàn kết trong nội bộ Đảng Cộng sản và giữa các dân tộc trong Liên bang được duy trì, củng cố.

+ Về đối ngoại: Liên Xô trở thành chỗ dựa của phong trào đấu tranh cách mạng vì hòa bình trên thế giới.

– Ý nghĩa của những thành tựu:

+ Thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở mọi lĩnh vực xây dựng kinh tế, nâng cao đời sống, củng cố quốc phòng.

+ Làm đảo lộn toàn bộ "chiến lược toàn cầu" của đế quốc Mĩ và các nước đồng minh.

+ Củng cố nền hòa bình, góp phần ủng hộ và tăng thêm sức mạnh của lực lượng cách mạng thế giới.

+ Liên Xô đạt được thế cân bằng chiến lược về quân sự, về sức mạnh lực lượng hạt nhân với các nước đế quốc, trở thành thành trì của hòa bình, an ninh và là chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới.

BÀI TẬP 6

Đáp án

Nội dung so sánh	**Mục đích cải tổ**	**Kết quả của cải tổ**
Mục đích chung (về chủ nghĩa xã hội và đời sống xã hội)	– Nhằm đổi mới mọi mặt đời sống của xã hội Xô viết. – Sửa chữa những thiếu sót, sai lầm trước đây. – Đưa đất nước thoát khỏi sự trì trệ và xây dựng CNXH đúng như bản chất của nó.	– Do sai lầm trong đường lối và phương pháp thực hiện công cuộc cải tổ đã thất bại. – Ngày 25 – 12 – 1991, M.Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Cremli bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại.
Kinh tế	Đẩy nhanh việc ứng dụng thành tựu mới về khoa học – kĩ thuật. – Đưa nền kinh tế phát triển theo chiều sâu. – Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.	12 – 1990, công cuộc cải tổ về kinh tế thực sự thất bại.

	– Xây dựng nền kinh tế thị trường có điều tiết của Nhà nước. – Đảm bảo tính cân đối của nền kinh tế.	
Chính trị	– Mở rộng chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân. – Củng cố kỉ luật và trật tự lao động. – Mở rộng tính công khai phê bình và tự phê bình.	Thiết lập quyền lực của Tổng thống và chuyển sang chế độ đa đảng. Đảng Cộng sản mất vai trò độc quyền lãnh đạo và bị đình chỉ hoạt động. Chính quyền Xô viết trong toàn Liên bang bị tê liệt.
Xã hội	– Nâng cao phúc lợi nhân dân – Thực hiện triệt để nguyên tắc phân phối theo lao động.	Xã hội rối loạn, xung đột gay gắt giữa các dân tộc và các phe phái trong toàn Liên bang.

BÀI TẬP 7

Đáp án

Mốc thời gian	Nội dung lịch sử
Năm 1949	Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
Năm 1947	Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
Năm 1961	Liên Xô phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành Ga-ga-rin bay vòng quang Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.
Năm 1985	M. Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô.
Tháng 12 – 1990	Công cuộc cải tổ về kinh tế thực sự thất bại.
Ngày 19 – 8 – 1991	Cuộc đảo chính Goóc-ba-chốp do một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Xô viết tiến hành.
Ngày 21 – 8 – 1991	Cuộc đảo chính thất bại.
Ngày 29 – 8 – 1991	Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.
Ngày 21 – 12 – 1991	Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) thành lập.
Ngày 25 – 12 – 1991	M.Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Cremli bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại.

BÀI TẬP 8

Hãy trình bày về chính sách đối ngoại và vị thế quốc tế của Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70.

Đáp án

Đảng và Nhà nước Liên Xô luôn thi hành chính sách đối ngoại hòa bình và tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

- Luôn đấu tranh cho hòa bình, chống chính sách gây chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.
- Giúp đỡ tích cực các nước xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước.
- Đi đầu trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô trở thành trụ cột của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, chỗ dựa cho hòa bình và phong trào cách mạng thế giới. Vị thế của Liên Xô được đề cao trên trường quốc tế.

BÀI TẬP 9

Hãy trình bày ngắn gọn những nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu

Đáp án

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong những năm 1989–1991 đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất chưa từng có trong lịch sử phong trào, công nhân quốc tế và chủ nghĩa xã hội trên thế giới, dẫn đến hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới không còn tồn tại. Có thể nêu lên 5 nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụp đổ này như sau:

– Liên Xô và các nước Đông Âu đã xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử. Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu xây dựng đã mắc nhiều khuyết tật và thiếu sót, như: thiếu công bằng, dân chủ, nhiều nhà lãnh đạo cao cấp duy ý chí, đã thực hiện cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thay cho cơ chế thị trường, làm cho nền kinh tế thiếu tính năng động và mềm dẻo, không có điều kiện phát triển. Những sai lầm này lại chậm được khắc phục, sửa đổi. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

– Liên Xô và các nước Đông Âu chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động lớn của tình hình thế giới, và khi đã sửa chữa thay đổi lại rời bỏ những nguyên lí đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

– Ở Liên Xô, năm 1985, Goóc-ba-chốp lên làm Tổng thống và tiến hành công cuộc cải tổ. Nhưng cuộc cải tổ của Goóc-ba-chốp lại mắc nhiều sai lầm:

thực hiện đa nguyên đa đảng (cùng một lúc cho nhiều đảng tham gia công việc chính trị của đất nước), tuyên bố dân chủ và công khai mọi mặt, đẩy mạnh mối quan hệ và quá thân thiết với Mĩ, phương Tây,... làm cho đất nước Liên Xô càng lâm vào tình thế khủng hoảng, trì trệ.

– Những sai lầm, sự tha hoá về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng của một số nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, Đông Âu. Nhiều nhà lãnh đạo khi lên cầm quyền đã xa rời chủ nghĩa cộng sản để đi theo con đường tư bản hoặc chủ nghĩa xã hội dân chủ.

– Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội ở trong và ngoài nước do Mĩ cầm đầu được che đậy dưới hình thức của một cuộc "cách mạng nhung", nhưng thực chất là đẩy mạnh âm mưu "diễn biến hoà bình" nhằm phá hoại hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Trải qua nhiều năm dưới chế độ tư bản chủ nghĩa nên lực lượng chống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu còn rất mạnh (công chức, sĩ quan, binh lính của chế độ cũ, các giai cấp bóc lột tư sản, địa chủ, các lực lượng nhà thờ Thiên chúa giáo, Đảng xã hội dân chủ,...), lại được Mĩ hậu thuẫn và giúp đỡ, cùng câu kết với nhau và ra sức phá hoại.

– Khi các nước Đông Âu đang gặp khủng hoảng nặng nề, các tổ chức Đảng Cộng sản đang bị nguy kịch thì chính sách "không can thiệp" của Chính phủ Liên Xô do Goóc-ba-chốp cầm đầu đã tạo thêm điều kiện thuận lợi cho các thế lực trong và ngoài nước ra sức phá hoại.

– Tháng 12 – 1991 chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ sau 74 năm tồn tại (1917 – 1991), đồng thời cũng đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LA-TINH

(1945 – 2000)

Bài 3

TRUNG QUỐC VÀ BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Các nước Đông Bắc Á gồm:

   Đáp án – C: Hàn Quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Nhật Bản và Trung Quốc

2. Những nước ở Đông Bắc Á bị thực dân nô dịch trước Chiến tranh thế giới thứ hai là:

   Đáp án – B: Hàn Quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Trung Quốc

3. Những sự kiện nào thể hiện sự biến đổi về chính trị của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

   Đáp án – A: Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, sự xuất hiện của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên

4. Trong bốn "con rồng kinh tế" ở châu Á, thì ở Đông Bắc Á có các "con rồng kinh tế":

   Đáp án – C: Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Công

5. Trong cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 – 1949), Quân giải phóng thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực trong giai đoạn:

   Đáp án – A: Từ tháng 7 – 1946 đến tháng 6 – 1947

6. Trong cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 – 1949), Quân giải phóng chuyển sang phản công:

   Đáp án – D. Từ tháng 6 – 1947 đến tháng 10 – 1949

7. Ý nào dưới đây **không** phải là kết quả của cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc với Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch?

   Đáp án – D: Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản thỏa hiệp thành lập chính phủ chung, chia sẻ quyền lực

8. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập?

   Đáp án – B: Đánh dấu cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Trung Quốc hoàn thành, đưa Trung Quốc vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
LC/ 2536

9. Cuộc nội chiến cách mạng ở Trung Quốc (1946 – 1949) do Đảng Cộng sản tiến hành được coi là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ vì:

   Đáp án – C: Đánh đổ tập đoàn Tưởng Giới Thạch, đại diện cho thế lực tư sản mại bản có sự giúp đỡ của Mĩ

10. Nhiệm vụ trọng tâm của nhân dân Trung Quốc trong 10 năm đầu (1949 – 1959) xây dựng chế độ mới là:

    Đáp án – B: Đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế – xã hội, văn hóa và giáo dục

11. Những sự kiện nào thể hiện đầy đủ nhất sự không ổn định của Trung Quốc trong những năm 1959 – 1978?

    Đáp án – C: Đường lối "Ba ngọn cờ hồng", "Đại cách mạng văn hóa vô sản", cuộc đấu tranh chống "bè lũ bốn tên"

12. Cuộc "Đại cách mạng văn hóa vô sản" diễn ra trong những năm:

    Đáp án – D: 1966 – 1976

13. Người khởi xướng đường lối cải cách – mở cửa ở Trung Quốc là:

    Đáp án – C: Đặng Tiểu Bình

14. Đường lối đổi mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế – xã hội, được Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua vào tháng:

    Đáp án – A. 12 – 1978

15. Đường lối đổi mới, mở đầu cho công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc được nâng lên thành đường lối chung qua các đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc là:

    Đáp án – B: Đại hội XII, Đại hội XIII

16. Đường lối chung của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kì cải cách – mở cửa lấy nội dung gì làm trung tâm:

    Đáp án – A: Phát triển kinh tế

17. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng sự đổi mới đường lối đối ngoại của Trung Quốc trong thời kì cải cách – mở cửa?

    Đáp án – B: Tìm cách vươn lên đứng đầu phe xã hội chủ nghĩa, đứng đầu các nước đang phát triển

18. Trung Quốc thu hồi Hồng Công tháng:

    Đáp án – C: 7 – 1997

19. Trung Quốc thu hồi Ma Cao tháng:

    Đáp án – B: 12 – 1999

20. Cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam – Bắc Triều Tiên bùng nổ ngày:

    Đáp án – B: 25 – 6 – 1950

21. Hiệp định đình chiến giữa hai miền Nam – Bắc Triều Tiên được kí ngày:

Đáp án – B: 27 – 7 – 1953

22. Đặc điểm của sự phát triển kinh tế của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên là:

Đáp án – A: Nền kinh tế mang tính kế hoạch hóa và tập trung cao độ, tập thể hóa nông nghiệp, công nghiệp do Nhà nước quản lí, công nghiệp quốc phòng không được chú trọng

23. Các nhà lãnh đạo cấp cao của hai miền Triều Tiên đã đi đến nhất trí "xóa bỏ tình trạng đối lập về chính trị và quân sự giữa hai miền Nam – Bắc, tiến hành giao lưu và hợp tác nhiều mặt" vào năm:

Đáp án – B: 1990

24. Ngày 13 – 6 – 2000, hai nhà lãnh đạo cấp cao: Tổng thống Kim Tê Chung (Hàn Quốc) và Chủ tịch Kim Châng In (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên) đã kí:

Đáp án – D: Hiệp định hòa hợp giữa hai quốc gia

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Đúng
2. Đúng
3. Sai
4. Đúng
5. Đúng
6. Sai
7. Sai
8. Đúng
9. Đúng
10. Đúng

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
1946 – 1949	Cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản.
7–1946 – 6–1947	Quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực.
6–1947 – 10–1949	Quân giải phóng Trung Quốc chuyển sang phản công.
1–10–1949	Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập.
1952	Công cuộc khôi phục kinh tế kết thúc thắng lợi.
1953 – 1957	Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên.
14–2–1950	Trung Quốc kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung – Xô".
1966 – 1976	Cuộc "Đại cách mạng văn hóa vô sản" diễn ra.
1978	Trung Quốc khởi đầu công cuộc cải cách – mở cửa.

BÀI TẬP 4

1. Vì sao cuộc nội chiến cách mạng do Đảng Cộng sản chống lại lực lượng của Quốc dân đảng, đứng đầu là Tưởng Giới Thạch, ở Trung Quốc (1946 – 1949) lại được coi là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ?

Đáp án

Vì cuộc cách mạng này đã kết thúc sự thống trị của đế quốc, phong kiến và tư sản mại bản (do Tưởng Giới Thạch cầm đầu) ở Trung Quốc, đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

2. Nêu nét chính về sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự kiện này.

Đáp án

a. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa:

– Sau khi kết thúc kháng chiến chống Nhật, nhân dân Trung Quốc dướ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản lại tiến hành cuộc đấu tranh chống lại bọ Quốc dân Đảng do Tưởng Giới Thạch cầm đầu.

– Được sự giúp đỡ và ủng hộ của Liên Xô, cuối 1949, lực lượng của Đản Cộng sản giành được thắng lợi lớn, Tưởng Giới Thạch bị thua phải chạy r Đài Loan. Cuộc nội chiến kết thúc

– Ngày 1–10–1949, Mao Trạch Đông trịnh trọng tuyên bố trước nhâ dân và thế giới nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, do Mao Trạc Đông làm Chủ tịch.

b. Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 1–10–194 có ý nghĩa lịch sử to lớn:

– Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch, thống trị của đế quốc, xóa bỏ tàn d phong kiến; đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên mới – độc lập, t do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

– Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa góp phần tăn cường cho hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, kéo dài từ châu Âu san châu Á, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

BÀI TẬP 5

Đáp án

Thời gian bắt đầu	**Người khởi xướng**	**Trọng tâm của công cuộc cải cách – mở cửa**	**Mục tiêu**
1978	Đặng Tiểu Bình	Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm	Nhằm hiện đại hóa và xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

BÀI TẬP 6

Hãy trình bày đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và đường lối đối ngoại của Trung Quốc trong thời kì cải cách – mở cửa.

Đáp án

– Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội:

+ Tháng 12–1978, Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới, sau được nâng lên thành Đường lối chung của Đại hội Đảng XII (9–1982) và Đại hội Đảng XIII (10–1987).

+ Nội dung chính của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc là: Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản (con đường xã hội chủ nghĩa, chuyên chính dân chủ nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông).

+ Đường lối đối ngoại: Trung Quốc có nhiều thay đổi.

+ Từ những năm 80 của thế kỉ XX: Trung Quốc đã bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ...

+ Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhiều nước trên thế giới, có đóng góp trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.

+ Thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (7–1997), Ma Cao (1999).

BÀI TẬP 7

1. Vì sao việc thành lập chính phủ chung ở bán đảo Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai không được thực hiện?

Đáp án

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Triều Tiên bị chia thành hai miền, quân đội Liên Xô đóng ở phía Bắc Triều Tiên, quân đội Mĩ đóng ở phía Nam Triều Tiên. Việc thành lập chính phủ chung ở bán đảo Triều Tiên không thực hiện được do trong quan hệ quốc tế sau Thế chiến hai chia làm hai cực Xô – Mĩ, cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai cường quốc và hai khối Đông – Tây hết sức căng thẳng, Nam – Bắc Triều Tiên luôn ở trong tình trạng đối đầu không có đối thoại.

2. Trình bày những sự kiện nói lên bước đột phá mới trong quan hệ giữa hai miền Nam – Bắc Triều Tiên từ năm 1990 đến năm 2000.

Đáp án

Từ năm 1990 trở đi, vấn đề đối thoại giữa hai miền của Triều Tiên đã có bước đột phá mới:

– Sau nhiều cuộc gặp gỡ, các nhà lãnh đạo của hai bên đã đi đến nhất trí: "xóa bỏ tình trạng đối lập về chính trị và quân sự giữa hai miền Nam – Bắc, tiến hành giao lưu và hợp tác nhiều mặt".

– Ngày 13 – 6 – 2000: hai nhà lãnh đạo cao nhất là Tổng thống Kim Tê Chung (Hàn Quốc) và Chủ tịch Kim Châng In (Công hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên) đã gặp gỡ ở Bình Nhưỡng và kí hiệp định hòa hợp giữa hai quốc gia, mở ra một trang mới trong quan hệ giữa hai miền.

– Quá trình hòa hợp và thống nhất bản đảo Triều Tiên tuy có tiến triển nhưng còn lâu dài, khó khăn và phức tạp.

BÀI 4

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, thuộc địa của thực dân Âu – Mĩ gồm

   Đáp án – D: Tất cả các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan):

2. Một số nước ở Đông Nam Á đã chớp thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền và tuyên bố độc lập vào thời điểm năm 1945 gồm:

   Đáp án – B: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào

3. Mĩ tuyên bố trao trả độc lập cho Phi-líp-pin ngày:

   Đáp án – C: 4 – 7 – 1946

4. Anh kí Hiệp ước Anh – Miến, công nhận Miến Điện là nước độc lập, tự chủ vào tháng:

   Đáp án – B: 10 – 1947

5. Năm 1963, Liên bang Ma-lai-xi-a ra đời bao gồm:

   Đáp án – C: bán đảo Mã Lai, Xaraoắc, Xaba, Xin-ga-po

6. Năm 1956, Xin-ga-po được Anh:

   Đáp án – C: trao trả quyền tự trị nhưng thuộc Liên bang Ma-lai-xi-a

7. Xin-ga-po tách khỏi Liên bang Ma-lai-xi-a và trở thành nước Cộng hòa độc lập năm:

   Đáp án – B: 1965

8. Đông Ti-mo trở thành quốc gia độc lập ngày:

   Đáp án – D: 20 – 5 – 2002

9. Tổ chức Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO) giải thể ngày:

   Đáp án – D. 30 – 6 – 1977

10. Đặc điểm lớn nhất của In-đô-nê-xi-a về địa lí:

    Đáp án – A: là quốc đảo lớn nhất thế giới và đông dân nhất Đông Nam Á

11. Tổng thống đầu tiên của nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a vào năm 1945 là:

    Đáp án – B: Xu-các-nô

12. Hiệp ước La Hay (11 – 1949) đã dẫn tới:

Đáp án – A: Thành lập Cộng hòa Liên bang In-đô-nê-xi-a nằm trong khối Liên hiệp Hà Lan – In-đô-nê-xi-a

13. Ý nào dưới đây **không** phải là biện pháp củng cố độc lập của Xu-các-nô?

Đáp án – A: Tạm thời hòa hoãn với Hà Lan, để In-đô-nê-xi-a có thời gian phát triển kinh tế, củng cố lực lượng

14. Tướng Xu-hác-tô lên làm Tổng thống In-đô-nê-xi-a năm:

Đáp án – C: 1967

15. Ngày 12 – 10 – 1945,

Đáp án – D: Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập

16. Ngày 20 – 1 – 1949, Quân giải phóng Lát-xa-vông được thành lập do:

Đáp án – B: Cayxỏn Phômvihản chỉ huy

17. "Chiến tranh đặc biệt tăng cường" ở Lào được Mĩ tiến hành từ năm:

Đáp án – B: 1969

18. Tháng 2 – 1973, Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc được kí kết giữa

Đáp án – B: Mặt trận Lào yêu nước với phái hữu Viêng Chăn

19. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập ngày:

Đáp án – C: 2 – 12 – 1975

20. Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, Pháp đã kí Hiệp định Giơ-ne-vơ công nhận:

Đáp án – C: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia

21. Từ năm 1954 – 1970, N. Xi-ha-núc thực hiện đường lối:

Đáp án – B: hòa bình trung lập

22. Xi-ha-núc bị thế lực tay sai của Mĩ lật đổ ngày:

Đáp án – B: 18 – 3 – 1970

23. Sau cuộc Tổng tuyển cử tháng 9 – 1993, Quốc hội mới của Cam-pu-chia đã tuyên bố thành lập:

Đáp án – C: Vương quốc Cam-pu-chia

24. Sau khi giành độc lập, các nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin và Thái Lan đều thực hiện chiến lược:

Đáp án – A: Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu

25. Nội dung của chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu là:

Đáp án – A: Mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn, kĩ thuật nước ngoài; tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương

26. ASEAN được thành lập ngày:

Đáp án – C: 8 – 8 – 1967

27. Năm nước thành viên ban đầu của ASEAN là:

Đáp án – C: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan và Philippin

28. Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Bali) được kí tháng:

Đáp án – A: 2 – 1976

29. Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Bali và trở thành quan sát viên của ASEAN tháng:

Đáp án – B: 7 – 1992

30. Năm 1995, ASEAN kết nạp thêm:

Đáp án – C: Việt Nam

31. ASEAN chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định,... từ:

Đáp án – A: ASEAN 6

32. ASEAN đưa ra sáng kiến thành lập Diễn đàn khu vực (ARF) vào năm:

Đáp án – B: 1993

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Sai
2. Sai
3. Sai
4. Đúng
5. Sai
6. Đúng
7. Đúng
8. Sai
9. Đúng
10. Đúng

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
17–8–1945	Xu-các-nô đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a
12–10–1945	Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập
4–7–1946	Mĩ tuyên bố trao trả độc lập cho Phi-líp-pin
4–1–1948	Liên bang Miến Điện tuyên bố độc lập
31–8–1957	Mã Lai tuyên bố độc lập
3–6–1959	Xin-ga-po được Anh trao tra quyền tự trị

9-8-1965	Xin-ga-po tách ra khỏi Liên bang Ma-lai-xi-a thành nước cộng hòa độc lập
9-11-1953	Sau cuộc vận động ngoại giao của Xi-ha-núc, Chính phủ Pháp kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Cam-pu-chia"
1984	Bru-nây tuyên bố độc lập, nằm trong khối Liên hiệp Anh
20-5-2002	Đông Ti-mo trở thành quốc gia độc lập

BÀI TẬP 4

1. Vì sao trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi như nhau vào giữa tháng 8 – 1945, chỉ có ba nước trong khu vực (In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào) tuyên bố độc lập, còn các nước khác giành thắng lợi ở những mức độ thấp hơn?

Đáp án

– Nhật đầu hàng Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai là thời cơ thuận lợi để các quốc gia Đông Nam Á đứng lên giành độc lập, tuy nhiên do phụ thuộc và điều kiện chủ quan, hoàn cảnh riêng của mỗi quốc gia mà thời cơ giành độc lập đã chín muồi hay chưa.

– Vào giữa tháng 8 – 1945, thời cơ giành độc lập của In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào đã chín muồi, nên chỉ có ba nước nói trên tuyên bố độc lập, còn các nước khác giành thắng lợi ở những mức độ thấp hơn

2. Nội dung đường lối hòa bình trung lập của Xi-ha-núc là như thế nào?

Đáp án

Từ năm 1954 đến năm 1970, Chính phủ Xi-ha-núc ở Cam-pu-chia thực hiện đường lối hòa bình, trung lập, không tham gia bất cứ một khối liên minh quân sự hoặc chính trị nào, tiếp nhận viện trợ từ mọi phía, không có điều kiện ràng buộc

BÀI TẬP 5

Đáp án

Giai đoạn	Nội dung lịch sử
1945 – 1954	– 10–1945: Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược và thống trị Cam-pu-chia. – 1951: Đảng Nhân dân Cách mạng Cam-pu-chia lãnh đạo nhân dân Cam-pu-chia kháng chiến chống Pháp. – 1953: Pháp kí hiệp ước trao trả độc lập cho Cam-pu-chia. – 1954: Pháp kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam.

1954 – 1970	Chính phủ Xi-ha-núc thực hiện đường lối hòa bình, trung lập, không tham gia bất cứ một khối liên minh quân sự hoặc chính trị nào, tiếp nhận viện trợ từ mọi phía, không có điều kiện ràng buộc. Ngày 18–3–1970: Mĩ điều khiển tay sai lật đổ Xi-ha-núc, Cam-pu-chia bị kéo vào quỹ đạo của cuộc chiến tranh thực dân mới của Mĩ ở Đông Dương.
1970 – 1975	Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia Ngày 17–4–1975: Thủ đô Phnômpênh được giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi.
1975 – 1979	Nhân dân Cam-pu-chia đấu tranh chống lại tập đoàn phản cách mạng Khơme đỏ do PônPốt cầm đầu. Ngày 7–1–1979: Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng khỏi chế độ Khơme đỏ diệt chủng, Cam-pu-chia bước vào thời kì hồi sinh, xây dựng lại đất nước.
1979 – 1991	Cuộc nội chiến giữa lực lượng của Đảng Nhân dân Cách mạng với các phe phái đối lập Ngày 23–10–1991: Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia được kí kết tại Pa-ri.
1991 – 2000	1993: Vương quốc Cam-pu-chia do Xi-ha-núc làm Quốc vương được thành lập. Cam-pu-chia bước sang thời kì mới.

BÀI TẬP 6

Đáp án

Nội dung so sánh	**Chiến lược hướng nội**	**Chiến lược hướng ngoại**
Thời gian	Những năm 50 – 60 của thế kỉ XX.	Những năm 60 – 70 của thế kỉ XX.
Mục tiêu	Nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.	Khắc phục những hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội, thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển nhanh.
Nội dung	Chủ yếu lã đẩy mạnh phát triển các nghành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dung nội địa	Thu hút vốn, kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu.

	thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa chủ yếu.	
Thành tựu	Đáp ứng được nhu cầu của nhân dân; phát triển một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; bước đầu giải quyết được nạn thất nghiệp.	Tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng nhanh, vấn đề tăng trưởng với công bằng xã hội được cải thiện.
Hạn chế	Thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ; chi phí cao dẫn đến làm ăn thua lỗ, tệ tham nhũng, quan liêu phát triển, đời sông người lao động còn khó khăn; chưa giải quyết được vấn đề tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.	Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá nhiều, đầu tư bất hợp lí... Biểu hiện của hạn chế này là cuộc khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997.

BÀI TẬP 7

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh thế giới và khu vực như thế nào?

Đáp án

– Bối cảnh thế giới:

+ Sự bành trướng phạm vi ảnh hưởng của các nước lớn đối với các quốc gia Đông Nam Á ngày càng mạnh mẽ.

+ Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của các tổ chức hợp tác mang tính chất khu vực, đặc biệt là khối thị trường chung châu Âu đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết lại với nhau.

– Bối cảnh khu vực:

+ Sau khi giành được độc lập và đứng trước những khó khăn, yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, nhiều nước Đông Nam Á có nhu cầu thành lập một tổ chức liên minh khu vực, nhằm: cùng nhau hợp tác, đưa nền kinh tế khu vực phát triển đi lên; chống lại âm mưu và ảnh hưởng của các nước lớn, hạn chế ảnh hưởng của bên ngoài.

+ Ngày 8–8–1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) chính thức được thành lập tại thủ đô Băng Cốc Thái Lan), ban đầu gồm 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po,Thái Lan.

BÀI TẬP 8

1. Vì sao Hiệp ước Bali được coi là mốc đánh dấu bước phát triển mới của ASEAN?

Đáp án

– Từ 1976 trở đi, ASEAN hoạt động có nhiều khởi sắc, có ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế, trở thành tổ chức liên minh khu vực lớn thứ hai thế giới (sau liên minh châu Âu – EU).

– Hội nghị cấp cao ở Ba–li (In-đô-nê-xi-a) năm 2–1976 được coi là mốc đánh dấu bước phát triển mới của ASEAN, bởi Hội nghị đã thông qua Hiệp ước hữu nghị hợp tác, đưa ASEAN trở thành liên minh kinh tế, chính trị vì mục tiêu hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Hội nghị cũng đưa ra 6 nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên.

2. Trong quá trình phát triển kinh tế, vì sao các nước sáng lập ASEAN phải chuyển sang chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo?

Đáp án

– Trong những năm 50 – 60 của thế kỉ XX, các quốc gia sáng lập ASEAN đã thực hiện chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. Tuy đạt được một số thành tựu đáng kể nhưng chiến lược này cũng bộc lộ nhiều hạn chế như: thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ; chi phí cao dẫn đến làm ăn thua lỗ, tệ tham nhũng, quan liêu phát triển, đời sống người lao động còn khó khăn; chưa giải quyết được vấn đề tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội...

– Sự hạn chế của chiến lược này buộc chính phủ 5 nước In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan, từ thập kỉ 60 – 70 trở đi chuyển sang chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo

BÀI 5

ẤN ĐỘ VÀ KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Theo “Phương án Mao-bát-tơn”, Ấn Độ bị chia thành:

   Đáp án – A: Hai quốc gia: Ấn Độ và Pa-kix-tan

2. Theo “Phương án Mao-bát-tơn”, Ấn Độ bị chia cắt vào ngày:

   Đáp án – A: 15 – 8 – 1947

3. Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa ngày:

   Đáp án – C: 26 – 1 – 1950

4. Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Ấn Độ độc lập là:
Đáp án – B: G. Nê-ru

5. Từ giữa những năm 70, nhân dân Ấn Độ thực hiện:
Đáp án – C: Cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp

6. Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử vào năm:
Đáp án – B: 1974

7. Ấn Độ luôn thi hành chính sách đối ngoại:
Đáp án – A: Hòa bình, trung lập, tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc

8. Ấn Độ là một trong những nước sáng lập ra:
Đáp án – B: Phong trào không liên kết

9. Khu vực Trung Đông là nơi tiếp giáp giữa:
Đáp án – D: Ba châu: châu Á – châu Âu – châu Phi

10. Nhà nước Do Thái lấy tên là I-xa-ren được thành lập ngày:
Đáp án – B: 14 – 5 – 1948

11. Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) được thành lập ngày:
Đáp án – A: 28 – 5 – 1964

12. Năm 1975, Liên hợp quốc đã công nhận:
Đáp án – C: quyền bất khả xâm phạm của nhân dân Pa-le-xtin

13. Tổng thống đầu tiên của Nhà nước Pa-le-xtin là:
Đáp án – A: Y. Araphát

14. Hiệp định hòa bình giữa I-xa-ren và Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) còn gọi là Hiệp định Ga-da – Giê-ri-cô được kí kết ngày:
Đáp án – B: 13 – 9 – 1993

15. Hiệp định hòa bình giữa I-xa-ren và PLO được coi là một bước đột phá tích cực trong tiến trình dàn xếp hòa bình ở Trung Đông vì:
Đáp án – B: Hiệp định quy định PLO được quyền quản lí dải Ga-da và thành phố Giê-ri-cô, I-xa-ren rút quân khỏi hai khu vực này, chính quyền tự trị của người Pa-le-xtin được thành lập ở hai khu vực đó

16. Bản ghi nhớ Oai Ri-vơ giữa I-xa-ren và Pa-le-xtin được kí ngày:
Đáp án – B: 23 – 10 – 1998

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Đúng
2. Sai
3. Sai
4. Sai
5. Đúng
6. Đúng
7. Sai
8. Đúng
9. Đúng
10. Sai

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
15–8–1947	Theo "phương án Mao-bát-tơn", Ấn Độ đã tách thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pa-kix-tan.
30–1–1948	Vị lãnh tụ kiệt xuất của phong trào dân tộc Ấn Độ đã bị bọn phản động cực đoan ám sát.
26–1–1950	Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa.
Những năm 70 của thế kỉ XX	Nhờ cuộc "cách mạng xanh", Ấn Độ đã tự túc được lương thực và bắt đầu xuất khẩu.
Những năm 90 của thế kỉ XX	Bằng cuộc "cách mạng chất xám" đã đưa Ấn Độ thành một trong những nước sản xuất phầm mềm lớn nhất thế giới.
1974	Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử.
1975	Ấn Độ phóng vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất bằng tên lửa của mình.
7–1–1972	Ấn Độ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
29–11–1947	Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc đã chia lãnh thổ Pa-le-xtin thành hai quốc gia: một của người A Rập Pa-le-xtin, một của người Do Thái..
13–9–1993	Sau 45 năm chiến tranh, lần đầu tiên một hiệp định hòa bình, gọi là Hiệp định Gada – Giê-ri-cô được kí kết giữa I-xa-ren và Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO).

BÀI TẬP 4

Hãy chứng minh sự phát triển của cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai và nêu nhận xét về cuộc đấu tranh này

Đáp án

– Từ năm 1945 – 1947, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại phát triển mạnh mẽ.

– Năm 1946: có 848 cuộc bãi công, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của 2 vạn thủy binh trên 20 chiến hạm ở Bom Bay (19–2–1946). Ngày 22–2, Ở Bom Bay bắt đầu cuộc bãi công, tuần hành và mít tinh của quần chúng, thu hút 20 vạn công nhân, học sinh... tham gia. Cuộc đấu tranh này đã kéo theo nhiều vụ nổi dậy của nhân dân Can-cút-ta, Ma-đrát, Ca-ra-si...

– Đầu năm 1947, cao trào bãi công của công nhân tiếp tục bùng nổ ở nhiều thành phố lớn như cuộc bãi công của hơn 40 vạn công nhân ở Can-cút-ta (2–1947).

– Nhận xét: Cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp, lực lượng tham gia với quy mô lớn, nhiều hình thức đấu tranh phong phú đã buộc thực dân Anh phải nhượng bộ, đề ra phương án độc lập cho Ấn Độ.

BÀI TẬP 5

Trước cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Ấn Độ những năm 1946 – 1947, thực dân Anh đã có thái độ hành động như thế nào? Hệ quả việc làm của thực dân Anh đối với Ấn Độ ra sao?

Đáp án

– Trước sức mạnh của phong trào đấu tranh đòi độc lập mạnh mẽ của nhân dân Ấn Độ, thực dân Anh đã phải nhượng bộ, đưa ra "Phương án Mao-bát-tơn" trao trả quyền tự trị cho Ấn Độ và sẽ rời khỏi Ấn Độ trước tháng 7 – 1948.

– Thực hiện theo "Phương án Mao-bát-tơn", ngày 15–8–1947, Ấn Độ bị chia thành hai nước tự trị dựa trên cơ sở tôn giáo: Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pa-kix-tan của những người theo Hồi giáo.

– Việc làm của thực dân Anh đã dẫn đến hậu quả Ấn Độ đất nước Ấn Độ thống nhất bị chia cắt thành nhiều quốc gia cho đến ngày hôm nay, và nhân dân Ấn Độ vẫn phải tiếp tục đấu tranh để giành quyền độc lập thực sự của mình.

BÀI TẬP 6

1. Vì sao Trung Đông là mục tiêu nhòm ngó, tranh giành của các đế quốc phương Tây?

Đáp án

Trung Đông là khu vực có nguồn dầu mỏ chiếm 2–3 trữ lượng toàn thế giới; là nơi tiếp giáp với ba châu lục Á – Phi – Âu, cùng với kênh đào Xuy-ê, nơi này đã trở thành đầu mối giao thông quan trọng của thế giới. Vì vậy, Trung Đông luôn là mục tiêu nhòm ngó, tranh giành của các đế quốc phương Tây

2. Những số liệu nào thể hiện những thành tựu mà nhân dân Ấn Độ đạt được trong thời kì xây dựng đất nước?

Đáp án

Sau khi tuyên bố độc lập, từ năm 1950, nhân dân Ấn Độ bắt tay vào xây dựng đất nước và đạt nhiều thành tựu:

+ Về nông nghiệp: Ấn Độ thực hiện cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp và tự túc được lương thực trong nước. Từ năm 1995 Ấn Độ trở thành nước xuất khẩu gạo thứ ba trên thế giới.

+ Về công nghiệp: Ấn Độ sử dụng năng lượng hạt nhân vào sản xuất điện, trở thành nước công nghiệp đứng thứ 10 thế giới, chế tạo được nhiều loại máy móc trong sản xuất, máy bay, xe lửa,...

+ Về khoa học – kĩ thuật, văn hóa, giáo dục cũng đạt nhiều thành tựu rực rỡ: năm 1974, Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử; năm 1975 phóng thành công vệ tinh nhân tạo (tính đến năm 2002, Ấn Độ đã phóng 7 vệ tinh nhân tạo hoạt động trong vũ trụ).

+ Nhờ thực hiện cuộc "cách mạng chất xám", Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

+ Về đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chính sách hòa bình, trung lập tích cực, ủng hộ phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc.

BÀI TẬP 7

Hãy trình bày các mốc phát triển của cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-xtin.

Đáp án

– Theo Nghị quyết 181 (29 – 11 – 1947) của Liên hợp quốc, đã bị hủy bỏ sự thống trị của thực dân Anh ở Pa-le-xtin được chia và lãnh thổ Pa-le-xtin thành hai quốc gia: một của người Ả Rập Pa-le-xtin, một của người Do Thái

– Ngày 14–5–1948, Nhà nước Do Thái thành lập, lấy tên là I-xa-ren. Không tán thành nghị quyết 181 của Liên hợp quốc, ngày 15–5–1948, bảy nước Ả Rập đã tấn công I-xa-ren, từ đó xung đột giữa I-xa-ren và Pa-le-xtin diễn ra liên miên

– Sự phát triển của cuộc kháng chiến của nhân dân Pa-le-xtin:

+ 28–5–1964, *Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin* (PLO) được thành lập đã đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giả phóng Pa-le-xtin

+ Năm 1975, Liên hợp quốc công nhận quyền bất khả xâm phạm củ nhân dân Pa-le-xtin

+ Ngày 15–11–1988, Nhà nước Pa-le-xtin ra đời, Y. Araphát được bầ làm Tổng thống đầu tiên của nước này (3–1989)

+ Ngày 13–9–1993: Sau 45 năm chiến tranh, lần đầu tiên một hiệp địn hòa bình (*Hiệp định Ga-da – Giê-ri-cô*) được kí kết giữa I-xa-ren và PLO

+ Ngày 28–9–1945, chủ tịch PLO Y. Ara phát kí và Thủ tướng I-xa-re I. Rabin đã chính thức kí *Hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Pa-le xtin ở bờ Tây sông Gioóc-đan*

+ Ngày 23 – 10 – 1998, I-xa-ren và PLO đã kí *Bản ghi nhớ Oai Ri-vo* theo đó I-xa-ren sẽ chuyển giao 27,2% lãnh thổ bờ Tây sông Gioóc-đan ch Pa-le-xtin. Tiến trình hòa bình ở Trung Đông đến đây đã hoàn tất

BÀI TẬP 8

Vì sao giữa I-xa-ren và Pa-le-xtin đã đạt được nhiều thỏa thuận tích cực nhưng việc thực hiện những thỏa thuận ấy còn khó khăn, tiến trình hòa bình ở Trung Đông còn tiến triển chậm?

Đáp án

Sau chiến tranh I-rắc, nhóm "bốn bên" (Liên hợp quốc, Liên minh châu Âu, Nga và Mĩ) đưa ra "Lộ trình hòa bình" Trung Đông để giải quyết cuộc xung đột giữa I-xa-ren và Plex-tin, nhưng việc thực thi còn nhiều khó khăn, tiến trình hòa bình ở Trung Đông còn tiến triển chậm do hai phía I-xa-ren và Plextin chưa đạt được nhiều thỏa thuận trong nhiều vấn đề cơ bản, các phần tử cực đoan của hai bên phá hoại tiến trình này

BÀI 6

CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA-TINH

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi bùng nổ sớm nhất ở:

   Đáp án – D: Bắc Phi

2. Hệ thống thuộc địa của thực dân châu Âu ở châu Phi nối tiếp nhau tan rã, các quốc gia độc lập lần lượt xuất hiện từ:

   Đáp án – C: nửa sau những năm 50 của thế kỉ XX

3. Lịch sử ghi nhận "Năm châu Phi" là năm:

   Đáp án – C: 1960

4. Tại Nam Phi, bản Hiến pháp tháng 11 – 1993 đã chính thức xóa bỏ:

   Đáp án – A: chế độ phân biệt chủng tộc ở nước này

5. Sau cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên ở Nam Phi (4 – 1994), Tổng thống da đen đầu tiên là

   Đáp án – D: Nen-xơn Man-đê-la

6. Năm 1997, trong số 43 nước nghèo nhất thế giới mà Liên hợp quốc thống kê thì châu Phi có tới:

   Đáp án – B: 29 nước

7. Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) thành lập tháng:

   Đáp án – A: 5 – 1963

8. Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) được các nước châu Phi đổi thành Liên minh châu Phi (AU) năm:

   Đáp án – C: 2002

9. Khu vực Mĩ La-tinh bao gồm:

   Đáp án – C: toàn bộ Nam Mĩ, Trung Mĩ, vùng biển Ca-ri-bê và một phần Bắc Mĩ (Mê-hi-cô)

10. So với cuộc đấu tranh giành độc lập ở các nước châu Á và châu Phi, nhiều nước Mĩ La-tinh đã giành được độc lập từ:

    Đáp án – A: đầu thế kỉ XIX

11. Với sự giúp đỡ của Mĩ, Ba-ti-xta thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba vào tháng:

    Đáp án – A: 3 – 1952

12. Cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Cu Ba chống chế độ độc tài Ba-ti-xta được mở đầu bằng cuộc tấn công ngày 26 – 7 – 1953 của 135 thanh niên yêu nước do Phi-đen Cát-xtơ-rô chỉ huy vào:

    Đáp án – B: Trại lính Mô-ca-đa ở Xan-chi-a-gô

13. Chế độ độc tài Ba-ti-xta sụp đổ, nước Cộng hòa Cu Ba ra đời ngày:

    Đáp án – B: 1 – 1 – 1959

14. Tháng 8 – 1961, Mĩ tập hợp các nước Mĩ La-tinh và đề xướng thành lập tổ chức "Liên minh vì tiến bộ" với mục đích:

    Đáp án – C: ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Cu Ba

15. Kinh tế nhiều nước Mĩ La-tinh rơi vào rình trạng suy thoái trong:

    Đáp án – C: Thập kỉ 80 của thế kỉ XX

16. Trong quá trình phát triển kinh tế, một số nước Mĩ La-tinh trở thành nước công nghiệp mới (NICs) là:

    Đáp án – D: Mê-hi-cô, Braxin và Áchentina

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Sai
2. Sai
3. Sai
4. Sai
5. Đúng
6. Đúng
7. Sai
8. Đúng
9. Đúng
10. Đúng

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
1952	Mở đầu cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân châu Âu là cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập, lật đổ Vương triều Pha-rúc, chỗ dựa của thực dân Anh

1954 – 1962	Nhân dân An-giê-ri tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp và giành thắng lợi
1960	Lịch sử ghi nhận là "Năm châu Phi" với 17 nước giành được độc lập
1975	Với thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la trong cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha, về cơ bản đã chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng với hệ thống thuộc địa của nó
1993	Hiến pháp mới của Nam Phi được thông qua, đã chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) trên đất nước này
1994	Cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc đã diễn ra ở Nam Phi và kết quả là Nen-xơn Man-đê-la trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của nước này
1952	Chế độ độc tài quân sự do Ba-ti-xta đứng đầu đã được thiết lập ở Cu Ba
1953	Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa của 135 thanh niên yêu nước do Phi-đen Cát-xtơ-rô chỉ huy đã diễn ra
1983	Trong vùng biển Ca-ri-bê đã có 13 quốc gia giành được độc lập
1999	Mĩ đã phải từ bỏ quyền chiếm hữu kênh đào và trả lại cho Pa-na-ma

BÀI TẬP 4

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã diễn ra trong những điều kiện quốc tế thuận lợi nào?

Đáp án

– Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, những thay đổi của tình hình quốc tế sau chiến tranh đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc giành độc lập ở châu Phi.

– Chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, các nước đế quốc phương Tây (Anh, Pháp...) suy yếu sau chiến tranh tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân châu Phi.

– Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, trước hết là của Việt Nam và Trung Quốc đã cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi.

BÀI TẬP 5

Hãy chứng minh: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã giành được những thắng lợi to lớn. Vì sao cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc?

Đáp án

– Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi phát triển mạnh, được coi là "đại lục mới trỗi dậy" với 4 giai đoạn chính:

– Từ 1945 – 1954: phong trào bùng nổ ở Bắc Phi và nước Cộng hòa Ai Cập ra đời (6–1953).

– Từ 1954 – 1960: là sự trỗi dậy của nhân dân các thuộc địa Pháp ở Tây Phi, Bắc Phi. Nhiều nước giành được độc lập như Tuy-ni-di, Ma-rốc, Xu-đăng (1956), An-giê-ri (1962).

– Từ 1960 – 1975: năm 1960 có 17 nước châu Phi giành được độc lập, lịch sử ghi nhận là "năm châu Phi". Năm 1975, nhân dân Ăng-gô-la và Mô-dăm-bích giành được độc lập, thoát khỏi sự thống trị của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, đánh dấu sự sụp đổ về cơ bản hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ở châu Phi.

– Từ 1975 – 1991: nhân dân các nước thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh chống ách thống trị của thực dân cũ: Dim-ba-bu-ê (1980), Na-mi-bi-a (1990). Đặc biệt, trước áp lực đấu tranh của người da màu, tháng 2–1990, chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) ở Nam Phi bị xóa bỏ. Tháng 4–1994, nhân dân Nam Phi tổ chức cuộc bầu cử đa chủng tộc và Nen-xơn Man-đê-la trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi.

– Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi là một hình thái của chủ nghĩa thực dân, đánh đổ chế độ này là đánh đổ một hình thái áp bức, bóc lột thực dân.

BÀI TẬP 6

Đáp án

Nội dung so sánh	Châu Phi	Khu vực Mĩ La-tinh
Thời gian giành độc lập	Chủ yếu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	Chủ yếu từ đầu thế kỉ XIX.
Đối tượng đấu tranh	Chống lại ách cai trị của các nước đế quốc phương Tây.	Chống chế độ độc tài thân Mĩ.
Mục tiêu đấu tranh	Giành độc lập và quyền sống của con người.	Bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc, thành lập các chính phủ tiến bộ.
Nội dung đấu tranh	Chống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và những tàn dư của nó.	Chủ yếu chống chủ nghĩa thực dân mới.

Phương pháp đấu tranh	Chủ yếu đấu tranh bằng phương pháp hòa bình, thương lượng, đàm phán.	Đấu tranh vũ trang, bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân, đấu tranh nghị trường.

BÀI TẬP 7

Đáp án

Mốc thời gian	Nội dung lịch sử
	Châu Phi
Ngày 3–7–1952	Cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập, lật đổ Vương triều Pha-rúc.
Năm 1956	Các quốc gia Tuy-ni-di, Ma-rốc, Xu-đăng giành được độc lập.
Những năm 1954 – 1962	Nhân dân An giê ri tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp và giành thắng lợi.
Năm 1960	Lịch sử ghi nhận là “Năm châu Phi” với 17 nước giành được độc lập.
Tháng 11–1993	Hiến pháp của Nam Phi được thông qua.
Tháng 4–1994	Cuộc bầu cử đa chủng tộc lần đầu tiên ở Nam Phi giành thắng lợi.
	Khu vực Mĩ La-tinh
Tháng 3–1952	Mĩ thiết lập ở Cu Ba chế độ độc tài quân sự do Ba-ti-xta đứng đầu.
Ngày 26–7–1953	135 thanh niên yêu nước do Phiđen Cát-xtơ-rô chỉ huy đã tấn công vào trại lính Môn-ca-đa.
Cuối năm 1956	Phiđen Cát-xtơ-rô cùng 81 chiến sĩ cách mạng yêu nước từ Mê-hi-cô trở về nước phát động nhân dân đấu tranh vũ trang lật đổ chế độ độc tài.
Ngày 1–1–1959	Nước Cộng hòa Cu Ba ra đời.

BÀI TẬP 8

Em có nhận xét gì về hình ảnh của châu Phi trong thời kì xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội? Một đất nước muốn phát triển, đời sống nhân dân ấm no... thì trước hết phải có điều kiện gì?

Đáp án

– Sau khi giành độc lập, các nước châu Phi bước vào công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế – xã hội. Tuy đã đạt được những thành tựu bước đầu nhưng chưa đủ để thay đổi căn bản bộ mặt của châu lục này.

– Muốn đất nước phát triển, đời sống nhân dân ấm no thì điều kiện tiên quyết là phải có độc lập, thống nhất, tình hình chính trị – xã hội ổn định. Nhưng châu Phi hiện nay vẫn là lục địa nghèo đói, lạc hậu, không ổn định. Các cuộc xung đột, đảo chính, nội chiến diễn ra liên miên, đói nghèo, dịch bệnh, mù chữ, sự bùng nổ về dân số, nợ nần và sự phụ thuộc vào nước ngoài... đã và đang là những thách thức lớn đối với nhân dân các nước châu Phi.

BÀI TẬP 9

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình Mĩ La-tinh có điểm gì khác với khu vực châu Á, châu Phi?

Đáp án

– Khác với khu vực châu Á, châu Phi, nhiều nước ở Mĩ La-tinh sớm giành được độc lập từ đầu thế kỉ XIX sau khi thoát khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ba Nha. Về hình thức, đây đều là những quốc gia độc lập.

– Nhưng sau đó Mĩ bằng ưu thế và sức mạnh kinh tế, quân sự đã biến khu vực Mĩ La-tinh thành sân sau, thuộc địa kiểu mới của mình và dựng lên ở đây những chính quyền độc tài thân Mĩ.

– Vì vậy, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ của nhân dân Mĩ La-tinh bùng nổ và phát triển, tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba dưới sự lãnh đạo của Phiđen Cát-xtơ-rô.

Chương IV

MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000)

Bài 7

NƯỚC MĨ

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Trong khoảng 20 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành:
   Đáp án – D: Trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới
2. Trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ, Mĩ đã đưa người lên Mặt Trăng vào năm:
   Đáp án – B: 1969
3. Điều **không** nằm trong nguyên nhân dẫn đến sự phát triển nhanh chóng về khoa học – kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
   Đáp án – B: Chính phủ Mĩ đầu tư nhiều cho giáo dục để đào tạo nhân tài

4. Hai đảng thay nhau cầm quyền ở Mĩ là:

Đáp án – A: Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa

5. Vụ Oa-tơ-ghết đã buộc Tổng thống Ních-xơn phải từ chức vào năm:

Đáp án – B: 1974

6. Ý nào dưới đây **không** phải là mục tiêu trong chiến lược toàn cầu của Mĩ?

Đáp án – D: Mĩ trở thành cường quốc về kinh tế, tài chính, từ đó buộc các nước khác phải phụ thuộc vào mình

7. Để thực hiện mục tiêu trong chiến lược toàn cầu, Mĩ đã dựa vào:

Đáp án – D: Sức mạnh quân sự và kinh tế của mình

8. Cuộc Chiến tranh lạnh do:

Đáp án – B: Mĩ khởi xướng

9. Quan hệ Mĩ – Trung Quốc được cải thiện sau khi:

Đáp án – B: Tổng thống Nichxơn sang thăm Trung Quốc tháng 2 – 1972

10. Sau cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973, nền kinh tế Mĩ lâm vào khủng hoảng và suy thoái kéo dài tới năm:

Đáp án – D: 1982

11. Sau cuộc khủng hoảng và suy thoái, đến đầu những năm 80 của thế kỉ XX, nền kinh tế và tài chính Mĩ:

Đáp án – D: Vẫn đứng đầu thế giới tư bản, nhưng tỉ trọng của nền kinh tế đã giảm sút nhiều so với trước

12. Sau thất bại ở Việt Nam năm 1975, các chính quyền Mĩ:

Đáp án – A: vẫn tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu và theo đuổi Chiến tranh lạnh

13. Khi Tổng thống Ri-gân nắm chính quyền, Mĩ đã:

Đáp án – D: Tăng cường chạy đua vũ trang, can thiệp vào các công việc quốc tế ở hầu hết các địa bàn chiến lược và điểm nóng trên thế giới

14. Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh tháng:

Đáp án – B: 12 – 1989

15. Trong những năm cầm quyền của Tổng thống B. Clintơn (từ 1 – 1993 đến 1 – 2001), kinh tế Mĩ:

Đáp án – D: Có sự phục hồi và phát triển liên tục

16. Tổ chức nào dưới đây không phải là tổ chức mà Mĩ có thể chi phối bằng sức mạnh kinh tế – tài chính của mình:

Đáp án – D: Liên minh châu Âu (EU)

17. Ý nào dưới đây **không** phải là trụ cột chính trong chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Tổng thống Clin-tơn trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX?

Đáp án – D: Tìm cách khống chế các nước đang phát triển bằng viện trợ kinh tế

18. Mĩ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào năm

Đáp án – C: 1995

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Sai
2. Đúng
3. Sai
4. Sai
5. Sai
6. Sai
7. Đúng
8. Sai
9. Sai
10. Đúng

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
1945	Mĩ chế tạo thành công bom nguyên tử
1947	Tổng thống Tru-man đọc diễn văn trước Quốc hội, nêu lên "sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản"
1963	Tổng thống Ken-nơ-đi bị ám sát
1963	Phong trào đấu tranh của người da đen chống phân biệt chủng tộc bùng lên mạnh mẽ, thu hút 25 triệu người tham gia, lan rộng 125 thành phố
1969	Mĩ là nước đầu tiên đưa người lên Mặt Trăng
2–1972	Tổng thống Mĩ Ních-xơn sang thăm Trung Quốc
5–1972	Tổng thống Mĩ Ních-xơn sang thăm Liên Xô
1974	Vụ Oa-tơ-ghết dẫn đến Tổng thống Ních-xơn phải từ chức
12–1989	Tổng thống Mĩ G. Bu-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh giữa hai bên
1990 – 1991	Mĩ cùng các nước đồng minh tiến hành cuộc chiến tranh vùng Vịnh chống I-rắc lần thứ nhất
11–9–2001	Nước Mĩ bị bọn khủng bố tấn công bằng máy bay vào Trung tâm Thương mại

BÀI TẬP 4

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh là do những nhân tố nào?

Đáp án

Sau khi chiến tranh kết thúc, Mĩ trở thành nước có nền kinh tế phát triển, hùng mạnh nhất thế giới vì:

– Mĩ tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai trong điều kiện an toàn và thuận lợi cho mình nên đã làm giàu lên nhờ cuộc chiến tranh. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ từ tháng 9 – 1939, nhưng đến tận tháng 12 – 1942 Mĩ mới nhảy vào tham chiến (sau sự kiện Nhật Bản tấn công hạm đội Mĩ ở Trân Châu Cảng). Nước Mĩ lại cách xa trung tâm chiến tranh, được hai đại dương bao bọc là Đại Tây Dương và Thái Bình Dương nên không phải gánh chịu những thiệt hại về cơ sở vật chất, về dân thường... Chính sách của Mĩ trong suốt cuộc chiến tranh là lợi dụng hai phe đánh nhau, Mĩ đóng vai trò làm tên "lái súng", bán vũ khí cho cả hai bên, khi nào một trong hai bên suy yếu, Mĩ sẽ nhảy vào để sớm kết thúc chiến tranh và thu lợi nhuận (tọa sơn quan hổ đấu). Cuộc chiến tranh kết thúc, Mĩ chỉ có 30 vạn người chết trong khi Liên Xô gần 27 triệu người, toàn thế giới là 56 triệu người, Mĩ lại thu được 114 tỉ đô la nhờ buôn bán vũ khí. Như vậy, Mĩ đã làm giàu trên sự đổ nát của châu Âu và thế giới.

– Mĩ có lãnh thổ rộng lớn đứng hàng thứ tư thế giới (sau Liên Xô, Canada và Trung Quốc), có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và nguồn nhân lực dồi dào với trình độ kĩ thuật tay nghề cao, năng động và sáng tạo.

– Mĩ áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng xuất lao động, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, rất nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới chạy sang Mĩ, vì ở đây có điều kiện hòa bình và đầy đủ phương tiện để nghiên cứu. Vì vậy, Mĩ là nước đầu tiên tiến hành cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai với hàng loạt những phát minh được ứng dụng vào sản xuất: phát minh ra máy vi tính, chất dẻo pôlime, các nguồn năng lượng mới như thủy triều, nhiệt hạch, nguyên tử,..., chinh phục vũ trụ, thực hiện cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp,...

– Các tổ hợp công nghiệp – quân sự và các công ti tập đoàn tư bản lũng đoạn của Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn cả trong và ngoài nước. Hàng hoá tiêu dùng và sản phẩm công nghiệp của Mĩ len lỏi khắp các thị trường thế giới. Mĩ cũng tiếp tục đẩy mạnh việc sản xuất vũ khí và bán cho các nước.

– Các chính sách và vai trò điều tiết của Nhà nước cũng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển.

BÀI TẬP 5

Trình bày những thành tựu chủ yếu của khoa học – kĩ thuật mà Mĩ đạt được từ năm 1945. Vì sao Mĩ đạt được những thành tựu đó?

Đáp án

– 1945 – 1973: Mĩ là nước khởi đầu cho cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật của thế giới lần thứ hai, là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo:

+ Công cụ sản xuất mới: máy tính điện tử, máy tự động

+ Vật liệu mới: pôlime, vật liệu tổng hợp

+ Năng lượng mới: năng lượng nguyên tử, nhiệt hạch

+ Sản xuất vũ khí: bom nguyên tử, bom khinh khí, tên lửa đạm đạo

+ Chinh phục vũ trụ: đưa người lên Mặt Trăng (1969), thám hiểm sao Hỏa

+ Đi đầu cuộc "cách mạng xanh" nông nghiệp

– 1973 – 1991:

+ Nước Mĩ thống trị thị trường máy tính của thế giới

+ Mĩ chi khoảng 135 tỉ đôla/năm (2,8% tổng sản phẩm quốc dân) cho nghiên cứu khoa học – kĩ thuật.

+ Đến năm 1988, Mĩ chiếm phần chủ yếu trong thị trường thế giới về máy thông tin

– 1991 – 2000: Mĩ chiếm tới 1–3 sản lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới và dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel (Số lượng tính đến năm 2003 là 286 trong tổng số 755 phát minh thế giới).

BÀI TẬP 6

Đáp án

Vấn đề thống kê	**Nội dung**
Cơ sở chính sách đối ngoại	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước tư bản hùng mạnh, có tiềm lực về kinh tế và quân sự lớn nhất thế giới → Mĩ có tham vọng làm bá chủ thế giới.
Các học thuyết chiến lược (Nội dung chính sách)	3–1947: Tổng thống Tru-man đưa ra "Chiến lược toàn cầu". Chiến lược này được triển khai qua nhiều học thuyết cụ thể: 3. Học thuyết Tru-man và chiến lược "Ngăn chặn". 4. Học thuyết Aixenhao và chiến lược "Trả đũa ồ ạt". 5. Học thuyết Ken-nơ-đi và chiến lược "Phản ứng linh hoạt".

	6. Học thuyết Ních-xơn và chiến lược "Ngăn đe thực tế". 7. Học thuyết Ri-gân và chiến lược "Đối đầu trực tiếp".
Mục tiêu	– Ngăn chặn và tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa xã hội trên thế giới. – Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. – Khống chế, chi phối các nước đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
Biện pháp thực hiện	– Mĩ khởi xướng cuộc "Chiến tranh lạnh" và chạy đua vũ trang với Liên Xô, gây ra tình trạng đối đầu căng thẳng trên thế giới. – Trực tiếp gây ra hoặc ủng hộ hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược và bạo loạn, lật đổ chính quyền ở nhiều nơi trên thế giới. – Dính líu vào các cuộc chiến tranh Trung Đông.
Kết quả thực hiện	– Mĩ giành một số thắng lợi: ở chiến tranh vùng vịnh chống I-rắc (1990 – 1991), tác động vào quá trình khủng hoảng, dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô. – Mĩ thất bại trong một số cuộc chiến tranh cục bộ: ở Việt Nam, Cu Ba... – 12–1989: Mĩ tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" nhưng các chính quyền Mĩ vẫn tiếp tục triển khai "chiến lược toàn cầu".

BÀI TẬP 7

Đáp án

Mốc thời gian	**Nội dung lịch sử**
Tháng 3 – 1947	Tổng thống Tru-man đọc diễn văn trước Quốc hội, nêu lên "sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản".
Năm 1963	– Tổng thống Ken-nơ-đi bị ám sát. – Phong trào đấu tranh của người da đen chống phân biệt chủng tộc bùng lên mạnh mẽ, thu hút 25 triệu người tham gia, lan rộng 125 thành phố.
Năm 1969	Mĩ là nước đầu tiên đưa người lên Mặt Trăng.

Tháng 2–1972	Tổng thống Mĩ Ních-xơn sang thăm Trung Quốc.
Tháng 5–1972	Tổng thống Mĩ Ních-xơn sang thăm Liên Xô.
Năm 1979	Quan hệ ngoại giao giữa Mĩ và Trung Quốc được thiết lập.
Những năm 1973 – 1982	Kinh tế Mĩ lâm vào cuộc khủng hoảng và suy thoái.
Tháng 9–1974	Tổng thống G.Pho ra lệnh ân xá cho cựu Tổng thống Ních-xơn vì vụ Oa-tơ-ghết, khoan hồng đối với những người đào ngũ và trốn quân dịch trong cuộc Chiến tranh Việt Nam.
Tháng 12–1989	Tổng thống Mĩ G. Bu-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh giữa hai bên.
Ngày 11–9–2001	Nước Mĩ bị bọn khủng bố tấn công bằng máy bay vào Trung tâm Thương mại.

BÀI TẬP 8

Hãy chứng minh: Mặc dù Mĩ là nước tư bản phát triển nhất, là trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới, có nền khoa học – kĩ thuật phát triển, mức sống nói chung của người dân được nâng cao, nhưng nước Mĩ vẫn chứa đựng những bất ổn về kinh tế, chính trị và xã hội.

Đáp án

– Về kinh tế: thường xuyên xảy ra khủng hoảng và suy thoái.

– Về chính trị – xã hội: Nước Mĩ chứa đựng nhiều mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội: tỉ lệ phân hóa giàu nghèo cao nhất thế giới, tệ phân biệt chủng tộc... Trong xã hội Mĩ đã diễn ra các phong trào đấu tranh dưới nhiều hình thức:

+ Đấu tranh chống nạn kì thị, phân biệt chủng tộc (1963).

+ Phong trào chống chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Việt Nam sôi nổi trong suốt thập kỉ 60 làm nước Mĩ bị chia rẽ sâu sắc.

+ Nội bộ giới cầm quyền của Mĩ xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều vụ bê bối về chính trị: Tổng thống Ken-nơ-đi bị ám sát (1963), vụ Oa-tơ-ghết (1974)...

+ Nước Mĩ vẫn thường diễn ra những tội ác, tệ nạn: giết người, cướp bóc, ma túy, lối sống đồi trụy...

+ Mĩ bị bọn khủng bố tấn công và đe dọa từ sau ngày 11–9–2001.

BÀI TẬP 9

Hãy phân tích chính sách đối ngoại của Mĩ giai đoạn từ sau Chiến tranh lạnh đến năm 2000.

Đáp án

– Sau khi "Chiến tranh lạnh" kết thúc (1989) và trật tự hai cực I-an-ta tan rã (1991), Mĩ có tham vọng trở thành "một cực", vươn lên chi phối thế giới. Điều này thể hiện rõ qua qua chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Tổng thống B. Clin-tơn.

– Chiến lược này nhằm 3 mục tiêu: đảm bảo an ninh cho nước Mĩ với lực lượng quân sự hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu; tăng cường tính sống động của nền kinh tế Mĩ và sử dụng khẩu hiệu "thúc đẩy dân chủ" nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

– Tuy vậy, thế giới không bao giờ chấp nhận một một trật tự do Mĩ sắp đặt và chi phối, tiêu biểu vụ khủng bố ngày 11–9–2001 nhằm vào nước Mĩ.

– Năm 2003, G. Bu-sơ (con) lên nắm quyền, nước Mĩ đứng trước những thử thách mới, gây nên những bất ổn của "một cực". Sau vụ khủng bố, Mĩ điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại của mình: tuyên bố tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố, phớt lờ vai trò của Liên hợp quốc, tham gia chiến tranh ở I-rắc...

BÀI 8

TÂY ÂU

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Ý nào dưới đây **không** thể hiện đúng khó khăn mà các nước Tây Âu phải đối mặt khi bước vào khôi phục và xây dựng đất nước ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

   Đáp án – D: Là những quốc gia nghèo tài nguyên, lại bị Mĩ khống chế

2. Nền kinh tế các nước Tây Âu về cơ bản đã phục hồi và đạt mức trước chiến tranh vào năm:

   Đáp án – B: 1950

3. Những nước Tây Âu có thể chế quân chủ lập hiến gồm:

   Đáp án – B: Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha

4. Những nước Tây Âu theo thể chế cộng hòa gồm:

   Đáp án – A: Pháp, Đức, I-ta-li-a

5. Từ năm 1945 đến năm 1950, các nước Tây Âu thực hiện chính sách:

   Đáp án – C: Liên minh chặt chẽ với Mĩ

6. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây dương (NATO) được thành lập vào năm:

   Đáp án – C: 1949

7. Cộng hòa Liên bang Đức được thành lập tháng:

   Đáp án – D: 9 – 1949

8. Trong thời kì Chiến tranh lạnh, ở châu Âu tâm điểm của sự đối đầu giữa hai cực Xô – Mĩ là:

   Đáp án – A: Vấn đề chia cắt nước Đức thành hai quốc gia đối lập nhau

9. Nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có sự phát triển nhanh trong giai đoạn:

   Đáp án – C: Từ thập kỉ 50 đến đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX

10. Đến đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, ba nước tư bản hàng đầu ở Tây Âu đứng ở các vị trí thứ ba –> thứ tư –> thứ năm trong nền công nghiệp thế giới sau Mĩ và Nhật Bản là.

    Đáp án – B: Đức –> Anh –> Pháp.

11. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời năm:

    Đáp án – C: 1957

12. Cộng đồng châu Âu (EC) ra đời vào năm:

    Đáp án – D: 1967

13. Trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới tư bản hình thành vào thời điểm:

    Đáp án – B: từ đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX

14. Tháng 11 – 1972, hai nước Đức (Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức) kí "Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức", trong đó cam kết:

    Đáp án – D: Tôn trọng độc lập và quyền tự quyết của nhau, không đe dọa và xâm lược nhau

15. Nước Đức tái thống nhất ngày:

    Đáp án – C: 3 – 10 – 1990

16. Ngày 18 – 4 – 1951, "Cộng đồng than – thép châu Âu" được thành lập nhằm mục đích:

    Đáp án – A: Phối hợp đảm bảo việc sản xuất và tiêu thụ than, thép của các nước thành viên

17. "Cộng đồng châu Âu" (EC) ra đời từ những tổ chức nào sau đây:

    Đáp án – D: "Cộng đồng than – thép châu Âu", "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" hợp nhất lại

18. Tại Hà Lan, Hiệp ước Ma-xtrích được kí kết vào tháng:

    Đáp án – B: 12 – 1991

19. Khi "Cộng đồng châu Âu" (EC) được thành lập có bao nhiêu nước:

Đáp án – B: 6 nước

20. Khi EC trở thành Liên minh châu Âu (EU) thì tổ chức này có bao nhiêu nước vào thời điểm năm 1955:

Đáp án – D: 15 nước

21. Khi EU ra đời, tổ chức này chủ trương hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực:

Đáp án – D: Kinh tế, tiền tệ và chính trị

22. Bảy nước EU hủy bỏ việc kiểm soát đi lại của công dân các nước này qua biên giới của nhau vào tháng:

Đáp án – A: 3 – 1955

23. Đồng tiền chung châu Âu (EURO) được phát hành vào ngày:

Đáp án – B: 1 – 1 – 1999

24. Quan hệ Việt Nam – EU được thiết lập vào năm:

Đáp án – B: 1990

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Sai
2. Sai
3. Sai
4. Sai
5. Đúng
6. Đúng
7. Đúng
8. Đúng
9. Sai
10. Sai

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
9–1949	Nước Cộng hòa Liên bang Đức được thành lập.
1958	Nền cộng hòa thứ năm do tướng Đờ Gôn làm Tổng thống được thiết lập ở Pháp.
5–1955	Cộng hòa Liên bang Đức gia nhập khối NATO.
1966	Pháp rút ra khỏi Bộ chỉ huy NATO và yêu cầu rút trụ sở NATO cùng các căn cứ quân sự và quân đội Mĩ ra khỏi lãnh thổ Pháp.
11–1972	Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức kí "Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức".

1975	Các nước Tây Âu tham gia Định ước Hen-xin-ki về an ninh và hợp tác châu Âu.
11–1989	Bức tường Béclin bị phá bỏ.
3–10–1990	Nước Đức tái thống nhất.
25–3–1957	Sáu nước Tây Âu (Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua) kí Hiệp ước Rô-ma thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu".
1–7–1967	"Cộng đồng châu Âu" (EC) được thành lập.

BÀI TẬP 4

Hãy chứng minh từ thập kỉ 50 đến đầu 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu Tây Âu phát triển nhanh chóng. Hãy giải thích nguyên nhân của sự phát triển đó.

Đáp án

– Từ nửa sau những năm 50, các nước Tây Âu có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng:

+ Cộng hòa Liên bang Đức trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ 3, Anh đứng thứ tư, Pháp đứng thứ 5 trong thế giới tư bản.

+ Nhiều nước châu Âu thực hiện liên minh phát triển kinh tế trên cơ sở hai bên cùng có lợi như: Anh và Pháp xây dựng đường hầm qua eo biển Măng-sơ, nối liền giữa hai quốc gia.

+ Đến giữa những năm 70, các nước Tây Âu trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Nhật Bản).

– Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự phát triển của nền kinh tế Tây Âu sau chiến tranh:

+ Sự phấn đấu nỗ lực của chính người dân lao động các nước Tây Âu.

+ Việc áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại trong sản xuất.

+ Có sự điều tiết của bộ máy nhà nước trong việc quản lí, thúc đẩy nền kinh tế và tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài.

+ Các nước Tây Âu đã tận dụng tốt cơ hội bên ngoài như sự viện trợ của Mĩ, mua được nguyên liệu giá rẻ ở các nước khác và sự hợp tác có hiệu quả của Cộng đồng châu Âu (EC),...

BÀI TẬP 5

Đáp án

Vấn đề thống kê	Nội dung
Bối cảnh thành lập EC	– Trong xu thế toàn cầu hóa, hợp tác hóa, đặc biệt là dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật thì việc liên kết với nhau để cùng phát triển là một xu thế tất yếu. Các nước Tây Âu cũng không nằm ngoài quy luật đó. – Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu được Mĩ viện trợ kinh tế theo "*Kế hoạch Mác-san*" để phục hưng đất nước, đổi lại họ phải lệ thuộc vào Mĩ. Từ 1950 trở đi, nền kinh tế Tây Âu đã được phục hồi phát triển, họ muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ. Vì vậy các nước Tây Âu phải liên kết lại với nhau, cùng nhau phát triển đi lên.
Sự thành lập EC	– 4–1951: 6 nước là Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan và Lúc-xăm-bua cùng nhau thành lập "*Cộng đồng than, thép châu Âu*" (ECSC). – 3–1957: sáu nước trên lại kí Hiệp ước Rô-ma cùng nhau thành lập "*Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu*" (EURATOM), sau đó là "*Cộng đồng kinh tế châu Âu*" (EEC) nhằm hình thành một thị trường chung để xóa dần hàng rào thuế quan giữa các nước, tiến tới tự do lưu thông hàng hóa. – 1967: 3 cộng đồng trên hợp nhất thành *Cộng đồng châu Âu* (EC). – 1–1–1993: Cộng đồng châu Âu (EC) chính thức đổi tên thành *Liên minh châu Âu* (EU) với 15 thành viên.
Sự phát triển (thành viên) của EC–EU	– Từ 6 nước ban đầu, đến năm 1995, EU phát triển thành 15 nước thành viên. – Cho đến năm 2004, EU kết nạp thêm 10 nước, số nước thành viên của tổ chức này đã lên tới 25 nước. – Năm 2007, số thành viên của là 27 nước.
Mục tiêu của EC–EU	Thống nhất châu Âu thành một thị trường chung về kinh tế, sử dụng đồng tiền chung duy nhất cho toàn châu Âu và xây dựng một liên minh chính trị, mở rộng liên kết về chính sách đối ngoại và an ninh, tiến tới một nhà nước chung châu Âu.
Cơ cấu tổ chức của EU	Cơ cấu tổ chức của Liên minh EU gồm 5 cơ quan chính là: Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Uỷ ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Tòa án châu Âu và một số ủy ban chuyên môn khác.

BÀI TẬP 6

Hãy nêu những biến đổi trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu từ đầu những năm 79 đến năm 2000

Đáp án

– Giai đoạn 1979 – 1991:

+ Tháng 11–1989, bức tường Béclin ngăn cách hai nước Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức bị phá bỏ

+ 3–10–1990: Nước Đức tái thống nhất

+ 1991: Cộng đồng châu Âu (EC) chính thức đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 thành viên.

– Giai đoạn 1991 – 2000:

Trong bối cảnh "Chiến tranh lạnh" đã kết thúc, trật tự thế giới hai cực I-an-ta tan rã, các nước Tây Âu có sự điều chỉnh quan trọng về chính sách đối ngoại:

+ Quá trình liên kết các thành viên EU trở nên chặt chẽ hơn.

+ Trong khi Anh gắn bó chặt chẽ với Mĩ thì Pháp, Đức trở thành đối trọng với Mĩ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng.

+ Các nước Tây Âu mở rộng quan hệ hợp tác không chỉ với các nước tư bản mà cả với các nước đang phát triển ở châu Á, Phi, Mĩ La-tinh cũng như các nước Đông Âu và SNG.

BÀI 9

NHẬT BẢN

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Lực lượng Đồng minh chiếm đóng ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

   Đáp án – B: Mĩ

2. Khi lực lượng Đồng minh chiếm đóng Nhật Bản, Chính phủ Nhật:

   Đáp án – C: Vẫn tồn tại và hoạt động

3. Hiến pháp mới của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai quy định Nhật Bản là:

   Đáp án – D: nước quân chủ lập hiến

4. Hiến pháp mới của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai quy định ở Nhật Bản:

Đáp án – D: Có vua (Thiên hoàng) nhưng chỉ giữ vai trò tượng trưng, không có quyền lực đối với Nhà nước

5. Nhật Bản bị lực lượng Đồng minh chiếm đóng trong những năm:

   Đáp án – D: 1945 – 1952

6. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật được kí kết ngày:

   Đáp án – B: 8 – 9 – 1951

7. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật đã đặt Nhật Bản:

   Đáp án – A: Dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ trên lãnh thổ Nhật

8. Giai đoạn phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản là:

   Đáp án – A: Từ năm 1960 đến năm 1973

9. Đến năm 1968, kinh tế Nhật Bản đứng hàng:

   Đáp án – A: Đứng thứ hai thế giới sau Mĩ

10. Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền ở Nhật Bản trong những năm:

    Đáp án – B: 1955 – 1993

11. Nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là:

    Đáp án – A: Liên minh chặt chẽ với Mĩ

12. Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản vươn lên thành

    Đáp án – D: Siêu cường số một thế giới về tài chính

13. Học thuyết nào đánh dấu sự “quay trở về” châu Á của Nhật Bản trong khi vẫn coi trọng quan hệ Nhật – Mĩ, Nhật – Tây Âu:

    Đáp án – A: Học thuyết Phu-cư-đa (do Thủ tướng Phu-cư-đa đưa ra vào năm 1977)

14. Hiệp ước An ninh Mĩ – Nhật được hai bên Mĩ – Nhật tuyên bố kéo dài vĩnh viễn vào năm:

    Đáp án – C: 1996

15. Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào ngày:

    Đáp án – B: 21 – 9 – 1973

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Sai
2. Đúng
3. Đúng
4. Sai
5. Đúng
6. Sai
7. Sai
8. Đúng
9. Sai
10. Sai

BÀI TẬP 3

Đáp án

Thời gian	Nội dung lịch sử
1945 – 1952	Quân Mĩ chiếm đóng Nhật Bản.
3–5–1947	Hiến pháp mới ra đời năm 1946 có hiệu lực.
8–9–1951	Nhật Bản kí Hiệp định hòa bình Xan Phranxicô.
8–9–1951	Hiệp ước An ninh Mĩ – Nhật được kí kết.
1960 – 1973	Nền kinh tế Nhật Bản bước vào giai đoạn phát triển "thần kì".
1968	Kinh tế Nhật Bản đã vượt Anh, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, vươn lên thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ).
1955 – 1993	Đảng Dân chủ Tự do liên tục cầm quyền ở Nhật Bản.
1956	Nhật Bản đã bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và trở thành thành viên của Liên hợp quốc.
21–9–1973	Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
8–1977	Học thuyết Phu-cư-đa ra đời.

BÀI TẬP 4

Nêu những biện pháp về chính trị và kinh tế nhằm dân chủ hóa nước Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Đáp án

– Về chính trị:

+ Từ năm 1945 – 1952: Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) đã thẳng tay loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt, bộ máy chiến tranh ở Nhật và xét xử bọn tội phạm chiến tranh,...

+ Năm 1947, Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh soạn thảo Hiến pháp mới, xác lập chế độ quân chủ lập hiến để thay thế cho Hiến pháp Minh Trị năm 1898 của Nhật Bản, nhưng trên thực tế Nhật đi theo chế độ dân chủ đại nghị tư sản (quyền lực của Thiên hoàng bị hạn chế một cách tối đa, thay vào đó đứng đầu chính phủ là Thủ tướng).

+ Theo Hiến pháp, Nhật Bản phải cam kết từ bỏ chiến tranh, không có quân đội thường trực, không đưa các lực lượng vũ trang ra nước ngoài, chỉ có lực lượng phòng vệ dân sự để đảm bảo an ninh trật tự trong nước.

– Về kinh tế:

+ SCAP đã tiến hành những cải cách kinh tế, xã hội ở Nhật Bản một cách khẩn trương với 3 nội dung lớn: *Một là,* giải thể các Đai–bát–xư và cổ phần hóa nền kinh tế. *Hai là,* cải cách ruộng đất (qui định địa chủ sở hữu không quá 3 hécta ruộng, còn lại đem bán cho nông dân canh tác. *Ba là,* dân chủ hóa lao động thông qua ban hành và thực hiện các đạo luật về lao động "Luật chống độc quyền", "Luật công đoàn",... Nhật còn nhờ Mĩ giúp đỡ chống lạm phát, cải cách tiền tệ,...

+ Kết quả, dựa vào nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mĩ, đến 1950 – 1951, kinh tế của Nhật Bản đã được phục hồi và đạt mức trước chiến tranh.

BÀI TẬP 5

Phân tích những nhân tố thúc đẩy sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản

Đáp án

– Coi trọng con người – được coi là vốn quí nhất, nhân tố quyết định hàng đầu (người Nhật rất cần cù, chịu khó, tiết kiệm và có khả năng tiếp cận tốt những thành tựu của khoa học kỹ thuật).

– Vai trò lãnh đạo, quản lí của Nhà nước.

– Nước Nhật đề cao ba "kho báu thiêng liêng" của người Nhật là: chế độ làm việc, chế độ tiền lương theo thâm niên và chế độ nghiệp đoàn xí nghiệp.

– Nhật Bản áp dụng thành công những thành tựu của khoa học – kỹ thuật trong sản xuất.

– Nhật Bản không phải chi những khoản tiền lớn cho quốc phòng, an ninh nên có điều kiện tập trung phát triển kinh tế.

– Nhật Bản tận dụng tốt những yếu tố thuận lợi bên ngoài để phát triển (nhận sự viện trợ của Mĩ, các đơn đặt hàng của Mĩ trong chiến tranh Việt Nam, Triều Tiên,...).

BÀI TẬP 6

Hãy chứng minh xu hướng hướng về châu Á ngày càng đậm nét trong đường lối đối ngoại của Nhật Bản

Đáp án

– 21–9–1973, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

– Nhật Bản bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Năm 1978, Hiệp ước Hòa bình và Hữu nghị Nhật – Trung đã được kí kết.

– "Học thuyết Phu-cư-đa" ra đời tháng 8–1977 và "Học thuyết Kaiphu" ra đời năm 1991 thể hiện mong muốn củng cố, tăng cường quan hệ hợp tác của Nhật Bản với các nước Đông Nam Á trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa,...

BÀI TẬP 7

Tại sao sự ra đời của học thuyết Phu-cư-đa (8 – 1977) được coi là mốc đánh dấu sự "trở về" châu Á của Nhật Bản?

Đáp án

Trong khi vẫn coi trọng quan hệ với Mĩ và các nước Tây Âu, năm 1977, Nhật Bản cố gắng đưa ra chính sách đối ngoại mới của riêng mình, đó là "Học thuyết Phu-cư-đa". Vì nội dung chủ yếu của học thuyết này là tăng cường, củng cố mối quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và là bạn hàng bình đẳng của các nước trong tổ chức ASEAN nên nó được coi như là mốc đánh dấu sự "trở về" châu Á của Nhật Bản.

BÀI TẬP 8

Hãy phân tích những hạn chế và thách thức đối với nền kinh tế Nhật Bản.

Đáp án

Tuy là một trong 3 trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới, nền kinh tế Nhật Bản cũng gặp không ít khó khăn và thách thức:

– Lãnh thổ Nhật Bản không rộng, nghèo tài nguyên, khoáng sản, các ngành công nghiệp của Nhật muốn phát triển phải dựa vào các nguồn tài nguyên nhập về từ bên ngoài.

– Sự mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu kinh tế của Nhật, thể hiện:

+ Sự thiếu cân đối trong cơ cấu vùng kinh tế: phần lớn tập trung đầu tư vào ba trung tâm là Tô-ki-ô, Ô-sa-ka và Na-gôi-a).

+ Sự thiếu cân đối trong cơ cấu ngành kinh tế: công nghiệp được đầu tư nhiều hơn nông nghiệp.

– Kinh tế Nhật luôn gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của Mĩ, Tây Âu và các nước công nghiệp mới (NICs).

– Nhật Bản luôn phải đối mặt với tình trạng "lão hóa" dân số dẫn tớ hiện tượng thiếu nhân công ngày càng trầm trọng.

Chương V
QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)

Bài 10
QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ Mĩ – Liên Xô là:

   Đáp án – D: đối đầu, Chiến tranh lạnh

2. "Học thuyết Tru-man" ra đời vào:

   Đáp án – C: tháng 3 – 1947

3. Người ta thường nói "Khúc dạo đầu" Chiến tranh lạnh của Mĩ là:

   Đáp án – D: Cả 3 sự kiện trên

4. Trong thời kì Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở:

   Đáp án – A: Đông Nam Á, Đông Bắc Á

5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân Pháp đã tiến hành chiến tranh xâm lược trở lại:

   Đáp án – D: Cả ba nước Đông Dương

6. Chiến tranh Triều Tiên nổ ra vào năm:

   Đáp án – C: 1950

7. Sau cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê (1962), Mĩ cam kết:

   Đáp án – D: Không xâm lược Cu Ba

8. Xu thế hòa hoãn Xô – Mĩ được thể hiện bằng sự kiện:

   Đáp án – D: Tất cả các sự kiện trên

9. Chiến tranh lạnh chấm dứt vào tháng:

   Đáp án – B: 12 – 1989

10. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng nét nổi bật của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh?

    Đáp án – C: Trên thế giới bắt đầu xuất hiện xu thế hình thành tổ chức liên kết khu vực và quốc tế

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Đúng	5. Đúng
2. Đúng	6. Sai
3. Đúng	7. Sai
4. Sai	8. Đúng

BÀI TẬP 3

Đáp án

Nội dung so sánh	**Chiến tranh Đông Dương**	**Chiến tranh Triều Tiên**	**Chiến tranh Việt Nam**
Thời gian	1945 – 1954	1950 – 1953	1954 – 1975
Các bên tham chiến	– Một bên là thực dân Pháp (được sự viện trợ của Mĩ) xâm lược Đông Dương. – Một bên là nhân dân 3 nước Đông Dương là Việt Nam, Cam-pu-chia Lào, (được sự ủng hộ của Trung Quốc, Liên Xô): chống Pháp.	– Một bên là quân đội nước CHDCND Triều Tiên (được Liên Xô, Trung Quốc ủng hộ). – Một bên là quân đội nước Đại Hàn Dân Quốc (được Mĩ ủng hộ).	– Một bên là quân đội Mĩ và Chính quyền Ngụy do Mĩ dựng lên ở miền Nam Việt Nam. – Một bên là quân đội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc Việt Nam (được sự ủng hộ của các nước XHCN).
Kết quả	Năm 1954, Pháp buộc phải rút quân khỏi Đông Dương, công nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương.	Cuộc chiến tranh không phân thắng bại giữa hai bên.	Quân đội Mĩ thất bại phải rút quân về nước Chính quyền Ngụy phải đầu hàng.
Văn kiện được kí kết	Pháp phải kí *Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương* (21–7–1954).	Trung Quốc – Triều Tiên và Mĩ – Hàn Quốc kí *Hiệp định đình chiến* (27–7–1953).	Mĩ phải kí *Hiệp định Pa-ri* (1–1973) cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

BÀI TẬP 4

Hãy nêu những nội dung cơ bản của Học thuyết Tru-man và mục đích của nó

Đáp án

– Sự ra đời của Học thuyết Tru-man: Với tham vọng làm bá chủ thế giới, tháng 3–1947, trong bài diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, Tổng thống Mĩ Tru-man đã công khai nêu lên "sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản" của Mĩ. Đó là nội dung chính của Học thuyết Tru-man

– Nội dung quan trọng của "Học thuyết Tru-man" là xác lập hơn nữa mối quan hệ của Mĩ với châu Âu nhằm:

+ Củng cố các chính quyền thân phương Tây và đẩy lùi phong trào đấu tranh yêu nước ở Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì.

+ Biến hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì thành những căn cứ tiền phương chống Liên Xô và các nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Đông Âu.

+ Gạt bỏ ảnh hưởng của Anh có từ trước ở Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì.

"Học thuyết Tru-man" là một sự tập hợp lực lượng của Mĩ nhằm phản ứng trước những thắng lợi và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở châu Âu.

BÀI TẬP 5

Nêu những nét chính của tình hình thế giới từ sau Chiến tranh lạnh (sau năm 1991).

Đáp án

* Từ 1991, tình hình thế giới có sự thay đổi to lớn và phức tạp:

– Sự tan rã của Liên Xô tạo sẽ cho Mĩ một lợi thế tạm thời. Mĩ đang ra sức thiết lập trật tự thế giới "một cực" để Mĩ làm bá chủ thế giới, nhưng một trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành, được dự đoán là sẽ xuất hiện xu hướng "đa cực" với nhiều trung tâm như Mĩ, Liên minh EU, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc,...

– Sau Chiến tranh lạnh, hầu như các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế

– Sau "Chiến tranh lạnh", hòa bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định do các cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài ở vùng Ban-căng, châu Phi, Trung Á,...

– Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của người người. Nhưng, sự kiện cuộc tấn công bất ngờ của bọn khủng bố nhằm vào nước Mĩ (ngày 11–9–2001 – còn gọi là vụ khủng bố 11–9) đã làm cho cả thế giới kinh hoàng. Các dân tộc đứng trước những thách thức mới của chủ nghĩa khủng bố, còn Mĩ thì nhân cớ đó để triển khai một loạt các hành động nhằm can thiệp sâu vào tình hình các nước.

– Với xu thế phát triển của thế giới hiện nay, các dân tộc trên thế giới đang đứng trước những thời cơ thuận lợi, đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức cần phải giải quyết.

Chương VI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

BÀI 11

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật diễn ra sau Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần:

   Đáp án – B: Thứ hai

2. Cách mạng khoa học – kĩ thuật được khởi đầu vào:

   Đáp án – B: Những năm 40 của thế kỉ XX

3. Cách mạng khoa học – kĩ thuật nhằm tìm kiếm và chế tạo:

   Đáp án – D: Cả ba ý trên đều đúng

4. Ngày nay, "khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp" không gồm nội dung nào sau đây?

   Đáp án – D: Các nhà khoa học đồng thời là những người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất

5. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật từ sau Chiến tranh thế giới thứ ha đã trải qua:

   Đáp án – B: Hai giai đoạn

6. Số quốc gia trên thế giới có tàu cùng với con người bay vào vũ trụ khôn gian cho đến nay là:

   Đáp án – C: Ba quốc gia

7. Hậu quả tiêu cực nhất mà cách mạng khoa học – kĩ thuật gây cho con người và môi trường Trái Đất là:

Đáp án – D: Cuộc chạy đua vũ trang đã làm xuất hiện những loại vũ khí hiện đại có thể hủy diệt nhiều lần sự sống trên hành tinh

8. Bản chất của toàn cầu hóa là:

Đáp án – D: Tất cả các ý trên

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Đúng
2. Sai
3. Đúng
4. Sai
5. Đúng

BÀI TẬP 3

Hãy nêu những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa kinh tế.

Đáp án

– Xu thế toàn cầu hóa kinh tế ngày nay là sự phụ thuộc lẫn nhau trên phạm vi toàn cầu, sự hình thành thị trường thế giới và sự phân công lao động quốc tế, sự di chuyển tự do về tư bản, hàng hóa và nhân công trên phạm vi toàn cầu.

– Những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa kinh tế ngày nay là.

+ Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

+ Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

+ Sự sát nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.

+ Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực. Các tổ chức này có vai trò ngày càng quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

BÀI TẬP 4

Hãy giải thích vì sao toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược.

Đáp án

Bởi vì *xu thế toàn cầu hóa* là hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật, là kết quả của quá trình tăng tiến mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, không một quốc gia nào có thể nằm ngoài những tác động tích cực hay tiêu cực của nó. Để phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội (ô nhiễm môi trường, dịch bệnh...) đòi hỏi các quốc gia trên thế giới phải có sự liên kết, phụ thuộc lẫn nhau.

Bài 12

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Trật tự thế giới mới được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

   Đáp án – C: Trật tự hai cực I-an-ta

2. Đặc trưng nổi bật của trật tự thế giới mới là:

   Đáp án – A: Thế giới chia thành hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa

3. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới vì:

   Đáp án – B: Với thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân Đông Âu, chủ nghĩa xã hội vượt ra khỏi phạm vi một nước

4. Kết quả lớn nhất mà phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đạt được từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là:

   Đáp án – D: Làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) kéo dài nhiều thế kỉ

5. Biến chuyển quan trọng của hệ thống đế quốc chủ nghĩa trong nửa sau thế kỉ XX là:

   Đáp án – D: Cả A, B, C đều đúng

6. Để thực hiện mưu đồ thống trị thế giới, Mĩ đã dính líu, can thiệp vào nhiều nơi trên thế giới, song Mĩ đã thất bại trong:

   Đáp án – B: Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 – 1975)

7. Các trung tâm kinh tế lớn của thế giới hiện nay là:

   Đáp án – A: Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản

8. Nét nổi bật nhất trong quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là:

   Đáp án – A: Tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô mà đỉnh cao là cuộc Chiến tranh lạnh kéo dài hơn bốn thập kỉ

9. Đặc điểm nổi bật nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay là:

   Đáp án – B: Khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

10. Xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh là:

    Đáp án – D: Cả A, B, C đều đúng

BÀI TẬP 2

Đáp án

1. Đúng	5. Đúng
2. Sai	6. Sai
3. Đúng	7. Đúng
4. Sai	8. Sai

BÀI TẬP 3

Đáp án

Giai đoạn	Sự kiện chính
Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991	– 2–1945: Hội nghị I-an-ta (trật tự hai cực I-an-ta được xác lập) – 6–1945: Thành lập Liên hợp quốc – 1947: Ra đời "Học thuyết Tru-man" và Mĩ chính thức phát động cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô và các nước XHCN – 9–1945: Nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời – nhà nước công nông đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á – 1–1949: Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập – 4–1949: Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ra đời – 10–1949: Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời – 7–1953: Hiệp định đình chiến giữa hai miền Triều Tiên được kí kết – 7–1954: Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết – 5–1955: Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va được thành lập – 1–1959: Nước Cộng hòa Cu Ba ra đời – 1960: 17 nước châu Phi giành được độc lập (gọi là "Năm châu Phi") – 10–1962: Cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê – 8–1967: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời – 1–1973: Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được kí kết – 8–1975: Định ước Henxinki được kí kết – 10–1990: Nước Đức tái thống nhất – 12–1989: Mĩ tuyên bố chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh – 1989 – 1991: Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã

Từ năm 1991 đến năm 2000	– 6–1991: Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể – 7–1991: Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động – 1–1993: Liên minh châu Âu (EU) ra đời – 3–1997: Cừu Đô-li ra đời bằng phương pháp sinh sản vô tính – 6–2000: Công bố bản đồ gien người

BÀI TẬP 4

Hãy trình bày những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000

Đáp án

– Trật tự thế giới mới được xác lập: Đó là trật tự thế giới hai cực I-an-ta, giữa một bên là phe các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, một bên là phe các nước tư bản chủ nghĩa do Mĩ đứng đầu. Sự tồn tại của trật tự hai cực đã chi phối nền chính trị và các mối quan hệ quốc tế ở nửa sau thế kỉ XX

– Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống trên thế giới sau thắng lợi của cách mạng ở các nước Đông Âu. Sau thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1945), Trung Quốc (1949), Cu Ba (1959), hệ thống xã hội chủ nghĩa được mở rộng và trở thành một lực lượng hùng hậu về chính trị, quân sự, kinh tế, khoa học – kĩ thuật....

– Vào thập niên 90 của thế kỉ XX, sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã để lại hậu quả nghiêm trọng cho cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, ổn định, độc lập chủ quyền và tiến bộ xã hội.

– Cao trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh làm cho hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai bị sụp đổ hoàn toàn, hơn 100 quốc gia giành được độc lập.

– Hệ thống tư bản chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản trở thành ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai, các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực. So với các giai đoạn lịch sử thế giới trước đây, chưa bao giờ các quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng như trong nửa sau thế kỉ XX.

– Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai diễn ra với quy mô nội dung và nhịp điệu chưa từng có, hệ quả vô cùng to lớn trên nhiều mặt.

BÀI TẬP 5

Hãy nêu các xu thế phát triển của thế giới từ sau Chiến tranh lạnh. Các xu thế phát triển của thế giới hiện nay đã đặt ra cho các dân tộc những thời cơ và thách thức như thế nào?

Đáp án

* Những xu thế phát triển của thế giới từ sau Chiến tranh lạnh:

– Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm. Xây dựng sức mạnh tổng hợp thay cho chạy đua vũ trang. Sức mạnh của mỗi quốc gia là dựa trên nền sản xuất phồn vinh, nền tài chính vững chắc, nền công nghệ cao với lực lượng quốc phòng hùng mạnh.

– Quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp nhằm tạo nên môi trường quốc tế thuận lợi để vươn lên. Mối quan hệ ngày nay mang tính hai mặt, đó là: mâu thuẫn và hài hòa, cạnh tranh và hợp tác, tiếp xúc và kiềm chế...

– Tuy hòa bình và ổn định là xu thế chủ đạo nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột: chủ nghĩa li khai, khủng bố, mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ...

– Những năm 90 của thế kỉ XX, xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức gay gắt đối với các nước đang phát triển.

* Những thời cơ và thách thức đặt ra cho các dân tộc:

– Thời cơ: Đây là cơ hội thuận lợi cho các nước đang phát triển vươn lên, thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội hóa lực lượng sản xuất, học hỏi kinh nghiệm quản lí, khai thác các nguồn đầu tư, tiếp thu những thành tựu kĩ thuật, công nghệ hiện đại của các nước phát triển và gia tăng sự hội nhập, hợp tác, tham gia các liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.

– Thách thức:

+ Quốc gia nào không thích ứng, không nắm bắt được thời cơ sẽ bị tụt hậu

+ Trước xu thế hội nhập, mỗi quốc gia phải nhận thức đầy đủ và tìm kiếm con đường, bước đi phù hợp để phát huy được thế mạnh, hạn chế những rủi ro, những sai lầm đáng tiếc.

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới, các quan hệ kinh tế quốc tế còn nhiều bất bình đẳng, gây thiệt hại đối với các nước đang phát triển.

+ Chú trọng và quan tâm tới việc giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, hòa nhập nhưng không hòa tan, xây dựng nền văn hóa kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

BÀI TẬP 6

Trình bày tóm tắt quá trình hình thành và tan rã của trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Đáp án

– Quá trình hình thành:

+ Đến năm 1945, khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối, nhiều vấn đề được đặt ra đối với các nước Đồng minh: nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phátxít, tổ chức lại thế giới sau chiến tranh, phân chia thành quả chiến tranh giữa các nước thắng trận...

+ Từ ngày 4 – 11–2–1945, nguyên thủ ba nước Liên Xô, Anh, Mĩ đã họp ở I-an-ta để giải quyết các vấn đề trên. Thực chất nội dung của Hội nghị là cuộc đấu tranh nhằm tranh giành và phân chia thành quả thắng lợi của chiến tranh giữa các lực lượng tham chiến, có liên quan tới hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau này.

+ Sau đó, các nước thắng trận còn tổ chức Hội nghị Xan Phran-xi-cô (1945), Pốt-xđam (1945) và Hòa hội Pa-ri (1947) để giải quyết những vấn đề còn lại của chiến tranh.

+ Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới được thiết lập trong những năm 1945 – 1947, được gọi là trật tự hai cực I-an-ta – trật tự được thiết lập trên cơ sở của sự thỏa thuận giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ – đại diện cho hai cực nhằm phân chia nhau phạm vi ảnh hưởng.

– Quá trình tan rã:

+ Từ những năm 70 đến những năm 90 của thế kỉ XX, trật tự 2 cực I-an-ta đã trải qua một quá trình xói mòn và tan rã, nguyên nhân do:

+ Cuộc chạy đua vũ trang của Liên Xô và Mĩ đã gây không ít những thiệt hại về kinh tế đối với hai quốc gia này, Tây Âu và Nhật Bản vươn lên trở thành hai trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới cạnh tranh gay gắt với Mĩ và Liên Xô.

+ Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh đã thu hẹp phạm vi ảnh hưởng trên thế giới của cả Liên Xô và Mĩ.

+ Các cuộc gặp gỡ thương lượng của Mĩ – Xô diễn ra những năm 70, 80 của thế kỉ XX đã mở đầu cho xu hướng hòa hoãn Đông – Tây. Đặc biệt là sự kiện tháng 12–1989, Tổng thống Mĩ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

+ Năm 1991, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới không còn tồn tại, thế "hai cực" của hai siêu cường không còn nữa, Mĩ là "cực" duy nhất còn lại, "trật tự thế giới hai cực I-an-ta" đã sụp đổ.

Phần hai

LỊCH SỬ THẾ GIỚI VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 13

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Ý nào sau đây của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất không có ảnh hưởng thuận lợi đến cách mạng Việt Nam?

   Đáp án – B: Các nước thắng trận họp để phân chia lại thế giới.

2. Thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác ở Việt Nam và Đông Dương sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất vì:

   Đáp án – B: Nước Pháp bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế, tài chính kiệt quệ

3. Mục đích của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là:

   Đáp án – A: Bù đắp những thiệt hại do chiến tranh và khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

4. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp tăng cường đầu tư vào một số ngành, ngoại trừ:

   Đáp án – D: Công nghiệp nặng (luyện kim, cơ khí, hóa chất...).

5. Thực dân Pháp tăng cường đầu tư vào nông nghiệp và khai mỏ vì:

   Đáp án – D: Đem lại lợi nhuận cao, vốn đầu tư không nhiều.

6. Ý nào sau đây **không** phải là chính sách mà thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam?

   Đáp án – D: Nới rộng các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân ta.

7. Tác động tiêu cực nhất của chính sách khai thác thuộc địa đến nền kinh tế Việt Nam là:

   Đáp án – C: Cột chặt kinh tế nước ta vào kinh tế Pháp và biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp.

8. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai dẫn đến sự ra đời của các giai cấp mới là:

   Đáp án – B: Công nhân, tư sản, tiểu tư sản.

9. Lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất là:

   Đáp án – B: Nông dân.

10. Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất là:

    Đáp án – B: Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước các câu sau:

Trả lời

1 – Đ: Hoàn cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có những tác động thuận lợi đến cách mạng nước ta.

2 – S: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã đầu t mạnh với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế Việt Nam, nhất là công nghiệp nặng.

3 – Đ: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách về chính trị, văn hoá, giáo dục của Pháp đều tăng cường để phục vụ sự thống trị và đẩy mạnh khai thác thuộc địa.

4 – Đ: Qua cuộc khai thác thuộc địa, nền kinh tế Đông Dương vẫn bị lệ thuộc chặt vào kinh tế Pháp, Đông Dương vẫn là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

5 – Đ: Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đã làm cho cơ cấu xã hội Việt Nam có những chuyển biến mới.

6 – Đ: Đầu thế kỉ XX, hai mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc.

BÀI TẬP 3

Điền dấu × vào cột chính trị và văn hoá, giáo dục trong bảng sau ch phù hợp với nội dung của chính sách mà thực dân Pháp thực hiện ở Việ Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Trả lời

Nội dung	**Chính trị**	**Văn hoá, giáo dục**
Thâu tóm mọi quyền hành trong tay người Pháp.	×	

Bộ máy quân sự, cảnh sát, mật thám, nhà tù được củng cố, hoạt động ráo riết.	×	
Thi hành một vài cải cách chính trị – hành chính để biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai.	×	
Hệ thống giáo dục được mở rộng, nhưng chủ yếu dành cho con em người Pháp và con em quan lại người Việt.		×
Lợi dụng bộ máy cường hào ở nông thôn để củng cố bộ máy thống trị của chúng.	×	
Xuất bản sách, báo để phục vụ cho chính sách khai thác và thống trị.		×
Ưu tiên, khuyến khích xuất bản sách, báo theo chủ trương "Pháp – Việt đề huề".		×
Thành lập một số tổ chức chính trị, an ninh, kinh tế.	×	

BÀI TẬP 4

Điền tên giai cấp vào cột bên trái cho phù hợp với nội dung ở cột bên phải.

Trả lời

Giai cấp	Thái độ chính trị
Công nhân	Đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, trưởng thành nhanh chóng, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản, vươn lên thành một động lực mạnh của phong trào dân tộc.
Tiểu tư sản	Có tinh thần dân tộc, nhạy cảm với thời cuộc, hăng hái cách mạng, là lực lượng quan trọng của cách mạng.
Nông dân	Bị tước đoạt tư liệu sản xuất, bị bần cùng hóa không có lối thoát, là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng
Tư sản	Có khuynh hướng dân tộc và dân chủ, một lực lượng đóng vai trò đáng kể, một thành phần trong mặt trận đoàn kết dân tộc.
Địa chủ	Bị phân hóa rõ rệt, một bộ phận có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai.

BÀI TẬP 5

Hãy nêu và phân tích những sự kiện lịch sử cụ thể, chứng tỏ tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có tác động thuận lợi tới Việt Nam.

Trả lời

Vào giai đoạn cuối và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhiều sự kiện lớn đã xảy ra, tác động sâu sắc đến cách mạng Việt Nam, đó là:

+ Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Nhà nước Xô viết ra đời chiếm 1–6 diện tích Trái Đất nổi, đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đi theo con đường cách mạng Nga, trong đó có nước ta.

+ Quốc tế Cộng sản được thành lập (1919) và sau đó là hàng loạt các Đảng Cộng sản ở nhiều nước được ra đời (In–đô–nê–xi–a, Trung Quốc,...). Đặc biệt, năm 1920, Đảng Cộng sản Pháp được thành lập đã có tác động thuận lợi tới Việt Nam.

Những sự kiện trên vừa có tác dụng động viên, khích lệ phong trào cách mạng thế giới nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng, vừa là điều kiện tốt để gắn kết cuộc cách mạng ở thuộc địa với cách mạng ở chính quốc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung.

BÀI TẬP 6

Trình bày nội dung và nêu nhận xét về chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Trả lời

– Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam:

+ Đầu tư vốn với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào một số ngành như đồn điền, khai mỏ, một số ngành công nghiệp nhẹ,... và các ngành phục vụ cho công cuộc khai thác như giao thông vận tải.

+ Nắm độc quyền Ngân hàng Đông Dương và ngoại thương.

+ Tăng thuế để tăng thu ngân sách.

+ Bóc lột nhân công rẻ mạt.

– Nhận xét: Qua những chính sách về kinh tế trên cho thấy:

+ Mục đích của Pháp trong cuộc khai thác lần thứ hai này là nhằm bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra và khôi phục vị thế của nước Pháp trên trường quốc tế, vì thế quy mô, tính chất của cuộc khai thác lần này lớn hơn cuộc khai thác lần thứ nhất. Chỉ tính trong vòng 6 năm (1924 – 1929), số vốn đầu tư vào Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam lên đến 4 tỉ phrăng, nhiều nhất là vào nông nghiệp,...

+ Chính sách khai thác thuộc địa của Pháp không hề thay đổi: hạn chế sự phát triển của công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng; tăng cường thủ đoạn vơ vét, bóc lột tiền của nhân dân ta bằng cách đánh thuế nặng (thuế ruộng đất, thuế thân, thuế rượu, thuế thuốc phiện và hàng trăm thứ thuế khác).

+ Việc đầu tư về kĩ thuật, con người nhưng rất hạn chế và chỉ đượ tiến hành trong một số ngành mang lại nhiều lợi nhuận cho Pháp. Điều đó làm cho cơ cấu kinh tế Việt Nam mất cân đối, các ngành phát triển không đều theo hướng ngày càng phụ thuộc chặt chẽ vào nền kinh tế Pháp và trở thành thị trường tiêu thụ của Pháp. Tuy nhiên ở mặt nào đó, sự phát triển của yếu tố kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của giai cấp công nhân, giai cấp tư sản, tiểu tư sản – những lực lượng cách mạng tiên tiến của thời đại.

BÀI TẬP 7

Hãy nêu những nhận xét về những chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Trả lời

Những chính sách về chính trị, văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam.

– Về chính trị:

+ Thực hiện chính sách chuyên chế, thâu tóm mọi quyền hành.

+ Thực hiện một vài cải cách chính trị – hành chính.

– Về văn hóa, giáo dục:

+ Tiếp tục duy trì nền văn hoá nô dịch.

+ Hệ thống giáo dục từ tiểu học đến đại học được mở rộng để phục vụ cho chính sách khai thác kinh tế.

+ Khuyến khích xuất bản sách, báo để phục vụ cho chính sách khai thác và thống trị.

– Nhận xét: Thực chất của các chính sách văn hóa, giáo dục trên là để mị dân, phục vụ cho sự cai trị của Pháp ở Việt Nam. Chính sách cai trị hà khắc, cùng với bộ máy quân sự, cảnh sát, nhà tù,... được tăng cường và hoạt động ráo riết đã lột trần bộ mặt của kẻ đi xâm lược, đẩy mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt hơn. Mọi tầng lớp nhân dân sẵn sàng đứng lên chống Pháp. Mặt khác, tuy hệ thống giáo dục được mở rộng nhằm đào tạo các tầng lớp tay sai và tuyên truyền văn hóa Pháp, song cũng nhờ đó các trào lưu tư tưởng, khoa học – kĩ thuật, văn hóa – nghệ thuật phương Tây có điều kiện tràn vào Việt Nam làm nên những chuyển biến mới trong tư tưởng của người dân.

BÀI TẬP 8

Hãy phân tích tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai đối với nền kinh tế Việt Nam.

Trả lời

Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển nhất định: nền kinh tế Việt Nam đã có bộ phận kinh tế công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh việc đầu tư vốn lớn, mở rộng quy mô khai thác, thì việc đầu tư cho các nhân tố kĩ thuật, con người lại rất hạn chế và chỉ được tiến hành trong một số ngành mang lại nhiều lợi nhuận cho Pháp. Vì thế, nền kinh tế Việt Nam chỉ có một vài chuyển biến có tính chất cục bộ, không đủ để làm thay đổi đặc trưng cơ bản của nền kinh tế. Đó vẫn là nền kinh tế thuộc địa, lấy nông nghiệp là chính, cơ cấu kinh tế mất cân đối, các ngành phát triển không đều và theo hướng ngày càng phụ thuộc chặt vào Pháp, trở thành thị trường tiêu thụ của Pháp.

BÀI TẬP 9

Hoàn thành bảng thống kê về tình hình các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Trả lời

Giai cấp	Đặc điểm	Thái độ chính trị và khả năng cách mạng
Địa chủ phong kiến	Ngày càng câu kết chặt chẽ với thực dân Pháp. Chúng chia nhau chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, đẩy mạnh bóc lột về kinh tế và tăng cường kìm kẹp, đàn áp về chính trị đối với nông dân.	Bị phân hóa rõ rệt bao gồm: đại địa chủ, trung và tiểu địa chủ, có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai nên sẽ tham gia vào các phong trào yêu nước khi có điều kiện.
Nông dân	Chiếm trên 90% dân số, bị thực dân, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, bị tước đoạt tư liệu sản xuất, bị bần cùng hóa không có lối thoát.	Là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.
Công nhân	– Ra đời ngay trước chiến tranh, trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp, phát triển nhanh trong cuộc khai thác lần thứ hai cả về số lượng và chất lượng, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, trưởng thành nhanh chóng, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản. – Phần lớn sống tập trung tại các vùng mỏ, nhà máy, đồn điền và các thành phố công nghiệp như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Sài Gòn – Chợ Lớn.	Vươn lên thành một động lực mạnh của phong trào dân tộc, sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, thống nhất, tự giác, trên cơ sở đó, nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta..

	– Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng: Bị ba tầng áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến và tư sản người Việt; có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân; kế thừa truyền thống yêu nước, anh hùng, bất khuất của dân tộc.	
Tiểu tư sản	Gồm học sinh, sinh viên, trí thức, dân nghèo thành thị,... phát triển nhanh về số lượng. Họ cũng bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Trong khi đó, bộ phận trí thức, học sinh, sinh viên có điều kiện tiếp xúc với các trào lưu văn hóa, tư tưởng tiến bộ bên ngoài, nên có tinh thần hăng hái cách mạng.	Có tinh thần dân tộc, nhạy cảm với thời cuộc, hăng hái cách mạng, là lực lượng quan trọng của cách mạng.
Tư sản	– Ra đời sau chiến tranh, số lượng ngày càng đông. Do tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, giai cấp tư sản sớm bị phân hóa làm hai bộ phận: tầng lớp tư sản mại bản và tầng lớp tư sản dân tộc.	Tầng lớp tư sản mại bản có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên cấu kết chặt chẽ về kinh tế và chính trị với chúng. Tầng lớp tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên ít nhiều có khuynh hướng dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và phong kiến, là một lực lượng đóng vai trò đáng kể, một thành phần trong mặt trận đoàn kết dân tộc, nhưng thái độ không kiên định dễ thỏa hiệp.

BÀI 14

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở Trung Quốc, Pháp có tác dụng quan trọng nhất là:

   Đáp án – D: Cổ vũ, thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân ta.

2. Ý nào dưới đây **không** phải là hình thức đấu tranh của tư sản dân tộc?

   Đáp án – D: Đấu tranh nghị trường.

3. Tầng lớp tiểu tư sản trí thức Việt Nam hăng hái đấu tranh nhằm:

   Đáp án – A: Chống lại cường quyền, áp bức, đòi tự do dân chủ.

4. Những tờ báo tiến bộ bằng tiếng Pháp của tầng lớp tiểu tư sản trí thức được xuất bản trong những năm 1919 – 1926 là:

   Đáp án – A: Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê.

5. Hình thức đấu tranh chủ yếu của giai cấp tư sản là:

   Đáp án – D: Mít tinh, biểu tình, bãi khóa, lập nhà xuất bản tiến bộ, ra báo chí, gây phong trào quần chúng.

6. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào công nhân Việt Nam có những tác động mới, **ngoại trừ**:

   Đáp án – D: Chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã kết hợp với phong trào công nhân.

7. Sự kiện đánh dấu bước chuyển biến của phong trào công nhân Việt Nam từ tự phát lên tự giác là cuộc bãi công của:

   Đáp án – D: Công nhân xưởng đóng tàu Ba Son – Sài Gòn tháng 8 – 1925.

8. Điểm mới của cuộc bãi công của phong trào công nhân Ba Son – Sài Gòn (8 – 1925) là:

   Đáp án – D: Đấu tranh không chỉ vì mục đích kinh tế, mà còn vì mục đích chính trị, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản.

9. Nội dung chính của Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi đến Hội nghị Véc xai là đòi chính phủ Pháp:

   Đáp án – B: Thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

10. Bản yêu sách của nhân dân An Nam tuy không được chấp nhận nhưng có ý nghĩa to lớn, nhất là:

    Đáp án – D: Qua đó rút ra được một bài học lớn: "Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình".

11. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và năm 1920 là:

Đáp án – A: Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.

BÀI TẬP 2

Điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước các câu sau:

Trả lời

1 – Đ: Mục tiêu phong trào đấu tranh của tư sản dân tộc chủ yếu là đòi quyền lợi kinh tế, chống lại sự chèn ép của tư bản nước ngoài.

2 – Đ: Phong trào đấu tranh của tư sản dân tộc bộc lộ tính chất cải lương, phục vụ quyền lợi của tầng lớp trên, giới hạn trong khuôn khổ chế độ thực dân.

3 – Đ: Phong trào đấu tranh của tiểu tư sản mang khuynh hướng dân tộc tư sản nhưng tính chất yêu nước, dân chủ thể hiện rõ nét.

4 – Đ: Phong trào công nhân Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 có bước phát triển mới, chuyển từ tự phát lên tự giác.

5 – Đ: Nguyễn Ái Quốc gửi Bản yêu sách 8 điểm của nhân dân Đông Dương đến Hội nghị Véc-xai (1919).

6 – S: Quốc tế Cộng sản thành lập năm 1920.

7 – Đ: Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được bản sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin, Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.

8 – S: Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba.

9 – S: Tháng 6 – 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô.

10 – Đ: Từ năm 1921 đến năm 1924 là thời gian Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

BÀI TẬP 3

Hãy điền dấu X vào cột bên phải cho phù hợp với kiến thức ở cột bên trái.

Trả lời

Hoạt động	**Phan Bội Châu và những người Việt Nam ở Trung Quốc**	**Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam ở Pháp**
Dịch cuốn "Điều tra chân tướng Nga La Tư" (1920) ra chữ Hán.	×	
Viết "Thất điều thư" (1922).		×

Thành lập tổ chức Tâm tâm xã (1923).	×	
Mưu sát Toàn quyền Méc-lanh ở Sa Diện.	×	
Diễn thuyết, hô hào “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”.		×
Thành lập Hội những người lao động trí óc Đông Dương (1925).		×
Thành lập Đảng Việt Nam độc lập, xuất bản báo “Tái sinh”.		×

BÀI TẬP 4

Điền dấu X vào các cột bên phải cho phù hợp với kiến thức ở cột bên trái.

Trả lời

Các hoạt động	**Giai cấp tư sản**	**Giai cấp tiểu tư sản**
Chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa (1919)	×	
Thành lập các tổ chức chính trị: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên.		×
Chống độc quyền thương cảng Sài Gòn (1923).	×	
Thành lập Đảng Lập hiến (1923) có cơ quan ngôn luận là Diễn đàn Đông Dương và Tiếng dội An Nam.	×	
Xuất bản nhiều tờ báo tiến bộ: Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê,...		×
Thành lập các nhà xuất bản tiến bộ: Cường học thư xã, Nam đồng thư xã,...		×
Dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình trong phong trào chống độc quyền.	×	
Đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925) và để tang Phan Châu Trinh (1926).		×

BÀI TẬP 5

Hãy trình bày sự phát triển của phong trào yêu nước dân chủ công khai của giai cấp tư sản, tiểu tư sản từ năm 1919 đến năm 1925 và nêu nhận xét về phong trào này.

Trả lời

Những năm sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước ở nước ta phát triển mạnh mẽ, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia với nhiều hình thức phong phú và sôi nổi.

Giai cấp tư sản dân tộc, làm ăn thuận lợi sau chiến tranh, muốn vươn lên giành vị trí khá hơn trong nền kinh tế Việt Nam. Họ đã phát động các phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa (1919); chống độc quyền thương cảng Sài Gòn (1923); thành lập Đảng Lập hiến (1923) có cơ quan ngôn luận là Diễn đàn Đông Dương và Tiếng dội An Nam; dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình trong phong trào chống độc quyền...

Các tầng lớp tiểu tư sản trí thức thì thành lập các tổ chức chính trị: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên; xuất bản nhiều tờ báo tiến bộ: Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê,...; Thành lập các nhà xuất bản tiến bộ: Cường học thư xã, Nam đồng thư xã,... ; Đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925) và để tang Phan Châu Trinh (1926).

Nhận xét: phong trào yêu nước dân chủ công khai của giai cấp tư sản và tiểu tư sản từ năm 1919 đến năm 1925 diễn ra sôi nổi, thu hút đông đảo các lực lượng tham gia, hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện rõ mục tiêu chống đế quốc, phong kiến, đòi các quyền tự do dân chủ. Phong trào thể hiện ý thức dân tộc, dân chủ và mang tính chất quần chúng rộng rãi. Tuy nhiên, phong trào còn mang tính tự phát, chủ yếu giới hạn trong mục tiêu kinh tế, các cuộc đấu tranh thiếu sự liên hệ với nhau,..Hạn chế lớn nhất của phong trào thời kì này là còn thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo với một đường lối cách mạng đúng đắn.

BÀI TẬP 6

Hãy trình bày sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 và nêu nhận xét về phong trào.

Trả lời

Phong trào công nhân cũng phát triển nhanh chóng. Mở đầu là cuộc đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư bản Pháp ở Bắc Kì vào năm 1922 đòi được nghỉ làm việc ngày chủ nhật có lương. Năm 1924, nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, nhà máy rượu, nhà máy xay xát gạo đã diễn ra ở Nam Định, hà Nội, Hải Dương,...Quan trọng hơn là cuộc bãi công của công nhân xưởng máy Ba Son ở cảng Sài Gòn với mục đích ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang tham gia đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc (8 – 1925). Cuộc bãi công của thợ máy Ba Son thắng lợi đánh dấu bước phát triển mới cua phong trào công nhân Việt Nam.

Nhận xét: phong trào công nhân Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 còn lẻ tẻ, tự phát. Giai cấp công nhân chưa thể hiện rõ vị trí tiên phong của mình. Tuy vậy đã có những biểu hiện chứng tỏ sự tiến bộ: sự ra đời của Công hội ở Sài Gòn; cuộc đấu tranh của công nhân xưởng Ba Son đã đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân Việt Nam – giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và có mục đích chính trị rõ ràng.

BÀI TẬP 7

Căn cứ vào hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1921 đến năm 1925 ở Pháp và Liên Xô, hãy chứng minh đây là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

Trả lời

Năm 1921, được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, thông qua tổ chức đó truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin đến các dân tộc thuộc địa. Tờ báo *Người cùng khổ* do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút đã vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân...* và cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Mặc dù bị nhà cầm quyền Pháp tìm mọi cách ngăn chặn, cấm đoán, nhưng các sách báo nói trên vẫn được bí mật chuyển về Việt Nam.

Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị quốc tế nông dân và Đại hội V – Quốc tế Cộng sản. Tại đây, Người viết bài cho báo *Sự thật*, tạp chí *Thư tín quốc tế*. Người ở lại Liên Xô một thời gian, vừa làm việc, vừa nghiên cứu học tập.

Cuối năm 1924, Người quay trở về Quảng Châu (Trung Quốc), chuẩn bị lựa chọn những thanh niên yêu nước, thành lập một tổ chức tiền thân của Đảng.

Nhận xét: Từ năm 1921 đến năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực học tập, nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào trong nước. Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này là sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và đào tạo cán bộ cách mạng cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

BÀI TẬP 8

Hãy lập bảng niên biểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp và Liên Xô từ năm 1919 đến năm 1925 với các nội dung sau:

Trả lời

Thời gian	Sự kiện	Ý nghĩa
1919	– Gia nhập Đảng xã hội Pháp – Thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn	Tuy những yêu sách không được chấp nhận, nhưng đây là đòn tấn công trực diện

	Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai Bản yêu sách 8 điểm tố cáo chính sách thực dân của Pháp và đòi các quyền tự do dân chủ, bình đẳng cho nhân dân An Nam	đầu tiên của nhà cách mạng trẻ tuổi Việt Nam vào bọn trùm đế quốc, việc làm đó đã gây tiếng vang lớn, thu hút sự chú ý của các lực lượng tiến bộ cũng như bọn đế quốc. Đặc biệt, qua đó rút ra được một bài học lớn: “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”.
7 – 1920	Đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin.	Tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc – con đường cách mạng vô sản.
12 – 1920	Dự Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua. Người bỏ phiếu thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tán thành sự ra đời của Quốc tế Cộng sản.	Trở thành người đảng viên cộng sản đầu tiên của Việt Nam.
1921	Cùng một số người yêu nước châu Phi, lập ra *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pa-ri.	Đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân.
1921 – 1923	Ở Pháp, Người sáng lập báo *Người cùng khổ*, viết bài cho các báo *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, viết *Bản án chế độ thực dân Pháp* (xuất bản ở Pa-ri năm 1925)	Tố cáo, vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa thực dân. Tuyên truyền cách mạng và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về nước, thức tỉnh đồng bào.
6 – 1923 đến 11 – 1924	– Sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội V – Quốc tế Cộng sản – Viết bài cho báo *Sự thật*, tạp chí *thư tín quốc tế*	Có điều kiện học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin, hoàn chỉnh thêm về tư tưởng, về cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.
11 – 1924	Về Quảng Châu – Trung Quốc	Trực tiếp chuẩn bị thành lập tổ chức cách mạng, đào tạo và huấn luyện cán bộ, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc.

BÀI TẬP 9

Căn cứ vào hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, hãy phân tích nét độc đáo trong con đường tìm chân lí cứu nước của Người so với các bậc tiền bối.

Trả lời

Các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đều có tinh thần yêu nước, thương dân, song các ông không lựa chọn đúng đắn con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

Phan Bội Châu gặp gỡ những chính khách Nhật để xin họ giúp Việt Nam đánh Pháp. Phương pháp của cụ là vận động thanh niên yêu nước ra nước ngoài học tập thông qua phong trào "Đông du", tổ chức giai cấp cùng tầng lớp đấu tranh chống Pháp theo đường lối bạo động. Còn Phan Châu Trinh lại chọn con đường dựa vào Pháp để đánh đổ ngôi vua và chế độ phong kiến hủ bại. Phương pháp chính là cải cách để nâng cao dân trí, dân quyền, cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh. Cả hai ông đều có hạn chế, hoặc là dựa vào Nhật để đánh Pháp, hoặc là dựa vào Pháp để đánh đổ phong kiến, chưa xác định đầy đủ đối tượng của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ là vừa phải đánh đổ đế quốc Pháp, vừa phải đánh đổ phong kiến, trong đó đánh đổ đế quốc Pháp phải đặt lên hàng đầu – giải quyết mâu thuẫn dân tộc là trên hết.

Đối với Nguyễn Ái Quốc, Người lại lựa chọn hướng đi sang phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, có khoa học – kĩ thuật, có nền văn minh phát triển, muốn tìm hiểu những gì ẩn sau các cụm từ "tự do, bình đẳng, bác ái". Cách đi của Người là đi vào các giai cấp, tầng lớp, đi vào phong trào quần chúng, giác ngộ, đoàn kết họ đứng lên đấu tranh giành độc lập thực sự, bằng sức mạnh của mình là chính. Người luôn đề cao học tập, nghiên cứu lí luận và kinh nghiệm cách mạng mới nhất của thời đại để trên cơ sở đó bắt gặp chân lí cứu nước là chủ nghĩa Mác – Lê-nin, xác định con đường cứu nước theo Cách mạng tháng Mười Nga. Đây là con đường cứu nước duy nhất đúng đắn đối với dân tộc ta, cũng như đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc khác, vì nó phù hợp với sự phát triển của lịch sử.

Bài 15

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập trên cơ sở của tổ chức:

   Đáp án A: Tâm tâm xã.

2. Hoạt động chủ yếu nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là:

   Đáp án B: Huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cách mạng.

3. Mục đích chủ yếu của báo Thanh niên và tác phẩm Đường Cách mệnh của Nguyễn Ái Quốc là:

   Đáp án A: Trang bị lí luận giải phóng dân tộc cho cán bộ của Hội để tuyên truyền cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam.

4. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

   Đáp án C: Hoạt động quân sự là chủ yếu, thiên về ám sát cá nhân.

5. Tân Việt Cách mạng đảng được thành lập trên cơ sở:

   Đáp án B: Hội Phục Việt.

6. Cơ sở hạt nhân đầu tiên của Việt Nam Quốc dân đảng là:

   Đáp án A: Nam Đồng thư xã.

7. Việt Nam Quốc dân đảng là tổ chức cách mạng của:

   Đáp án A: tiểu tư sản do Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính,... sáng lập.

8. Tính chất phong trào công nhân Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1929 là:

   Đáp án B: Đều mang tính chất chính trị, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.

9. Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập tại:

   Đáp án B: Nhà số 5D phố Hàm Long, Hà Nội.

10. Sự chuyển hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên dẫn đến sự ra đời lần lượt của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929 là

    Đáp án D: Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

11. Tờ báo **Búa liềm** là cơ quan ngôn luận của tổ chức:

    Đáp án A: Đông Dương cộng sản đảng.

12. Hạn chế lớn nhất trong hoạt động của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam là:

Đáp án B: Hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng, công kích lẫn nhau làm cho phong trào cách mạng có nguy cơ chia rẽ lớn.

13. Thành phần tham gia Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 6 – 1 – 1930 gồm:

Đáp án A: Nguyễn Ái Quốc, hai đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng và hai đại biểu An Nam Cộng sản đảng.

14. Tổ chức cộng sản gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 24 – 2 – 1930 là:

Đáp án C: Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa:

Đáp án A: Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước các câu sau:

Trả lời

1 – Đ: Mục đích của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình.

2 – S: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tổ chức theo khuynh hướng cách mạng tư sản.

3 – S: Tân Việt Cách mạng đảng là tổ chức thành lập ở trong nước, ngay từ đầu đã theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

4 – Đ: Việt Nam Quốc dân đảng là tổ chức theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

5 – Đ: Đường lối chính trị của Việt Nam Quốc dân đảng không rõ ràng, phương pháp đấu tranh nặng về quân sự, hoạt động ám sát, khủng bố cá nhân.

6 – S: Phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1926 – 1929 vẫn ở giai đoạn đấu tranh tự phát.

7 – Đ: Khởi nghĩa Yên Bái (9 – 2 – 1930) thất bại vì lúc đó thực dân Pháp còn mạnh, Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu, không vững chắc về tổ chức lãnh đạo, thiếu tư tưởng cách mạng khoa học và triệt để.

8 – S: Báo Búa liềm là cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

9 – Đ: Tờ báo "Đỏ" là cơ quan ngôn luận của An Nam Cộng sản đảng.

10 – Đ: Ba tổ chức cộng sản đều lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm cơ sở lí luận và quần chúng nhân dân là đối tượng vận động đấu tranh.

BÀI TẬP 3

Điền mốc thời gian cho phù hợp với nội dung lịch sử trong bảng dưới đây.

Trả lời

Thời gian	Nội dung lịch sử
6 – 1925	Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
Năm 1927	Xuất bản tác phẩm Đường Cách mệnh.
Năm 1928	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chủ trương "vô sản hóa".
7 – 1925	Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà yêu nước Triều Tiên, In-đô-nê-xi-a,.. thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
7 – 1928	Tân Việt Cách mạng đảng ra đời.
12 – 1927	Việt Nam Quốc dân đảng thành lập.
9 – 2 – 1930	Khởi nghĩa Yên Bái.
Năm 1929	Ba tổ chức cộng sản ra đời.
Từ 6 – 1 – 1930 đến 7 – 2 – 1930	Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

BÀI TẬP 4

Hãy trình bày những nét lớn về phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1929 và nêu nhận xét.

Trả lời

Trong hai năm 1926 – 1927, đã liên tiếp nổ ra 27 cuộc đấu tranh của công nhân, tiêu biểu là cuộc bãi công của 1.000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm (1926), công nhân đồn điền Phú Riềng (1927)... Mục tiêu đấu tranh của các cuộc đấu tranh này là đòi tăng lương (20 – 40%) và ngày làm 8 giờ.

Từ năm 1928, phong trào "Vô sản hóa" của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt Cách mạng đảng đã có tác dụng thúc đẩy, nâng cao nhanh chóng ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Phong trào công nhân phát triển mạnh, trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước.

Trong hai năm 1928 – 1929, nổ ra 40 cuộc đấu tranh của công nhân, tại các trung tâm kinh tế, chính trị. Tiêu biểu là bãi công của công nhân mỏ than Mạo Khê (Quảng Ninh), công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng, công nhân nhà máy tơ Nam Định, công nhân nhà máy diêm, nhà máy cưa Bến Thủy,...

Nhận xét:

+ Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1929 chứng tỏ đã có sự chuyển biến về chất: có sự lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt, Công hội Nam Kì; mục tiêu đấu tranh không chỉ vì kinh tế mà còn kết hợp các khẩu hiệu chính trị; phong trào nổ ra liên tục, đều khắp 3 kì, có phối hợp đấu tranh, tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân; tháng 7 – 1929 Tổng công hội đỏ Bắc Kì thành lập, chứng tỏ sự trưởng thành của phong trào công nhân, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân.

+ Từ chỗ chỉ là một lực lượng trong phong trào yêu nước, giai cấp công nhân Việt Nam dần trở thành lực lượng cách mạng to lớn, ngày càng lôi cuốn mạnh mẽ nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, nhất là nông dân, vào phong trào đấu tranh chung của cả nước.

BÀI TẬP 5

Vì sao khởi nghĩa Yên Bái thất bại? Nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa.

Trả lời

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra đêm 9 – 2 – 1930 ở Yên Bái, sau đó là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình. Riêng ở Hà Nội, đã tổ chức ném bom vào Sở Mật thám, Sở Cảnh sát...

Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lị, hôm sau đã bị quân Pháp tấn công và tiêu diệt. Ở các nơi khác, nghĩa quân cũng chỉ tạm thời làm chủ mấy tỉnh lị. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái nhanh chóng thất bại.

Khởi nghĩa Yên Bái thất bại vì nhiều nguyên nhân. Về khách quan, lúc này thực dân Pháp còn mạnh, đủ sức đàn áp một cuộc đấu tranh vũ trang vừa đơn độc vừa non kém như khởi nghĩa Yên Bái. Về chủ quan Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu, không vững chắc về tổ chức lãnh đạo, thiếu tư tưởng cách mạng khoa học và triệt để.

Tuy thất bại, nhưng khởi nghĩa Yên Bái đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tai sai.

BÀI TẬP 6

Hãy phân tích ý nghĩa của việc ra đời ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 và mặt hạn chế trong hoạt động của ba tổ chức này.

Trả lời

Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản năm 1929 là một kết quả tất yếu của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta theo khuynh hướng vô sản, khẳng định bước phát triển nhảy vọt của cách mạng nước ta. Nó chứng tỏ xu hướng cách mạng theo con đường vô sản ở Việt Nam đã chiếm ưu thế.

Tuy nhiên, ba tổ chức cộng sản đó lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng, công kích nhau. Tình hình đó nếu kéo dài sẽ có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước.

BÀI TẬP 7

Căn cứ vào tình hình nước ta đầu năm 1930 để lí giải vì sao yêu cầu hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất là vấn đề cấp thiết?

Trả lời

+ Phong trào công nhân trong những năm 1928 – 1929 phát triển mạnh, ý thức giác ngộ giai cấp rõ rệt; cùng với phong trào yêu nước kết thành một làn sóng dân tộc, dân chủ mạnh mẽ. Trong đó, giai cấp công nhân đã thực sự trở thành lực lượng tiên phong. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam đòi hỏi có sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ của một chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân. Trong khi đó, ở trong nước ba tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ, công kích lẫn nhau, tranh giành quần chúng, gây nên trở ngại lớn cho phong trào cách mạng. Nếu kéo dài tình trạng đó có nguy cơ dẫn tới sự chia rẽ lớn, yêu cầu khách quan bức thiết là phải hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập một chính đảng có đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

+ Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản gửi thư cho những người cộng sản Đông Dương và ủy nhiệm cho Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm trở về Hương Cảng – Trung Quốc, triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

BÀI TẬP 8

Căn cứ vào hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1920 đến năm 1930, hãy làm sáng tỏ vai trò của Nguyễn Ái Quốc với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trả lời

+ Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin, Người tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản.

+ Tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (12 – 1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong quá trình hoạt động cách mạng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đi theo con đường cách mạng vô sản.

+ Năm 1921, được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp sáng lập *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, thông qua tổ chức đó truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin đến các dân tộc thuộc địa. Tờ báo *Người cùng khổ* do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, đã vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân* và cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Mặc dù bị nhà cầm quyền Pháp tìm mọi cách ngăn chặn, cấm đoán, các sách báo nói trên vẫn được bí mật chuyển về Việt Nam.

+ Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội V – Quốc tế Cộng sản. Tại đây, Người viết bài cho báo *Sự thật,* tạp chí *Thư tín quốc tế.* Người ở lại Liên Xô một thời gian, vừa làm việc, vừa nghiên cứu học tập.

+ Cuối năm 1924, Người quay trở về Quảng Châu (Trung Quốc), chuẩn bị lựa chọn những thanh niên yêu nước, thành lập một tổ chức tiền thân của Đảng.

Như vậy, từ năm 1921 đến năm 1925 là quá trình Nguyễn Ái Quốc tích cực học tập, nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này là sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

+ Sau một thời gian ở Liên Xô học tập và xây dựng đảng kiểu mới, cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam, lựa chọn một số thanh niên tích cực trong nhóm Tâm tâm xã, thành lập Cộng sản đoàn. Đến tháng 6 – 1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trong đó tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt.

+ Trên cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo một số thanh niên Việt Nam trở thành những cán bộ cách mạng. Báo *Thanh niên* được xuất bản năm 1925, làm cơ quan tuyên truyền của Hội. Các bài giảng của Người trong các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu đã được tập hợp và in thành sách *Đường Cách mệnh* (1927), vạch ra những phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Sau khóa học, một số người được chọn đi học trường Đại học Phương Đông ở Liên Xô, một số người được cử đi học quân sự ở Liên Xô hay Trung Quốc, còn phần lớn lên đường về nước hoạt động.

Tác phẩm Đường Cách mệnh, báo Thanh niên đã được bí mật chuyển về nước, đúng vào lúc phong trào yêu nước và dân chủ đang sôi nổi từ Nam ra Bắc trên cơ sở giai cấp công nhân đang lớn mạnh nên càng có điều kiện đi sâu vào quần chúng. Đến trước Đại hội đại biểu lần thứ nhất (5 – 1929) Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã có cơ sở ở hầu khắp cả nước.

Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có chủ trương "Vô sản hóa", đưa hội viên vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, cùng sống và lao động với công nhân để tự rèn luyện, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tổ chức và lãnh đạo công nhân đấu tranh.

Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc) là bước cần thiết cho việc nâng cao trình độ giác ngộ của giai cấp công nhân Việt Nam, là bước chuẩn bị chu đáo về chính trị, tổ chức và đội ngũ cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

+ Sau vụ phản loạn của Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc, từ tháng 4 – 1927, Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu trở lại Liên Xô, tiếp tục hoạt động trong Quốc tế Cộng sản. Cuối năm 1927, Người qua Đức, Pháp rồi trở về Xiêm (Thái Lan), xây dựng cơ sở cách mạng trong kiều bào Việt Nam tại đây.

+ Trước những biến chuyển của tình hình của cách mạng Việt Nam năm 1929, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm trở về Trung Quốc, với danh nghĩa là đại diện Quốc tế Cộng sản, Người đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam.

Hội nghị diễn ra từ 6 – 1 đến 7 – 2 – 1930, ở Hương Cảng, Trung Quốc. Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, các đại biểu tham dự Hội nghị đã nhất trí tán thành việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị còn thảo luận và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ, Chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Các văn kiện này được xem như Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Những văn kiện hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện sự đóng góp to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng, tiếp sau việc xác định con đường cứu nước đúng đắn, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị (1920 – 1924), tổ chức (1925 – 1927) cho việc thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Để đến đầu năm 1930, chính Người đã trực tiếp chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, soạn thảo Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, đặt cơ sở cho đường lối cách mạng Việt Nam từ đó về sau.

BÀI TẬP 9

Hãy phân tích ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trả lời

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 (từ thành 10 – 1930 đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

+ Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm đầu của thế kỉ XX.

+ Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam, khẳng định giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng, chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Từ đây cách mạng Việt Nam đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Cũng từ đây, cách mạng Việt Nam thật sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

+ Đảng ra đời là sự chuẩn bị đầu tiên có tính tất yếu, quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam.

BÀI TẬP 10

Hoàn thành bảng hệ thống dưới đây về ba tổ chức cách mạng: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Việt Nam Quốc dân đảng, Tân Việt Cách mạng đảng và rút ra nhận xét.

Trả lời

Nội dung	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	Tân Việt Cách mạng đảng	Việt Nam Quốc dân đảng
Thời gian thành lập	6 – 1925	7 – 1928	12 – 1927
Nền tảng tư tưởng, chính trị	Lí luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.	Khi mới thành lập là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt. Sự hoạt động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, lí luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin có ảnh hưởng mạnh mẽ, lôi cuốn nhiều	Lấy chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, một trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản thịnh hành ở Trung Quốc làm nền tảng chính trị, tư tưởng.

		đảng viên tiên tiến đi theo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.	
Chủ trương lãnh đạo	– Làm cách mạng giải phóng dân tộc, sau đó thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. – Thành lập chính quyền công nông binh; phát triển kinh tế, chia ruộng đất cho dân cày, xóa bỏ những thứ thuế vô lí, thực hiện các quyền tự do dân chủ, bình đẳng nam nữ. – Đoàn kết với vô sản và phong trào cách mạng thế giới.	Liên hợp các lực lượng trong và ngoài nước nhằm đánh đổ đế quốc, kiến thiết một xã hội bình đẳng, bác ái.	– Bản Chương trình hành động đề ra năm 1929 nêu nguyên tắc “tự do – bình đẳng – bác ái”. – Chủ trương tiến hành cách mạng bạo lực để đánh đổ thực dân Pháp, phong kiến, thiết lập dân quyền.
Thành phần	Thanh niên, học sinh, trí thức tiểu tư sản Việt Nam yêu nước, công, nông, nòng cốt là trí thức.	Trí thức, thanh niên tiểu tư sản yêu nước.	Trí thức, học sinh, giáo viên, một số người làm nghề tự do, thân hào, thân sĩ ở nông thôn, một số binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp.
Phương pháp hoạt động	– Huấn luyện các hội viên học làm cách mạng vô sản. – Ra báo Thanh niên, xuất bản tác phẩm Đường Cách mệnh làm tài liệu tuyên truyền lí luận cách mạng đến giai cấp công nhân và nhân dân lao động	– Giáo dục, huấn luyện đảng viên. – Tuyên truyền, phổ biến sách báo mác xít. Từ cuối năm 1928 cũng chủ trương thực hiện phong trào “Vô sản hóa”.	– Xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở các địa phương (chủ yếu là ở Bắc Kì). – Tổ chức các cuộc khủng bố, ám sát cá nhân. – Tổ chức khởi nghĩa ở Yên Bái

	Việt Nam. – Đề ra phong trào "Vô sản hóa" (1928) để tuyên truyền, vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho công nhân, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ từ tự phát lên tự giác.	– Lãnh đạo một số cuộc đấu tranh của học sinh, tiểu thương và công nhân.	và một số địa phương khác nhưng thất bại.

Nhận xét:

– Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã làm cho lí luận cách mạng giải phóng dân tộc được truyền bá rộng rãi đến công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam; phong trào công nhân phát triển mạnh, có sự liên kết với nhau.

– Hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng góp phần tích cực vào việc khơi dậy tinh thần đấu tranh trong quần chúng nhân dân.

– Việt Nam Quốc dân đảng với cương lĩnh chính trị không rõ ràng, coi nhẹ công tác tuyên truyền nên cơ sở bị hạn chế. Chủ trương bạo động võ trang, ít chú ý đến tuyên truyền vận động quần chúng. Điều đó thể hiện những hạn chế của Việt Nam Quốc dân đảng trong phong trào cách mạng Việt Nam. Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã chấm dứt vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dâng Đảng, đồng thời cũng chứng tỏ sự thất bại của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng tư sản.

Chương II

VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

BÀI 16

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Những năm 1929 – 1933, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam là:

Đáp án – C: Mâu thuẫn giữa thực dân Pháp với toàn thể nhân dân Việt Nam.

2. Từ tháng 3 – 1930, phong trào cách mạng Việt Nam do:

Đáp án – B: Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đổi là Đảng Cộng sản Đông Dương) lãnh đạo.

3. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 **không** nhằm mục tiêu nào sau đây?

Đáp án – A: Lật đổ chính quyền thực dân Pháp.

4. Hình thức đấu tranh trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là:

Đáp án – C: Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang

5. Trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, các giai cấp, tầng lớp nào đấu tranh mạnh mẽ nhất?

Đáp án – C: Công nhân, nông dân.

6. Trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, công nhân đấu tranh đòi những quyền lợi gì?

Đáp án – A: Tăng lương, giảm giờ làm.

7. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 diễn ra mạnh mẽ ở:

Đáp án – D: trên phạm vi cả nước.

8. Đỉnh cao phong trào cách mạng 1930 – 1931 diễn ra ở:

Đáp án – C: Nghệ – Tĩnh.

9. Phong trào 1930 – 1931 phát triển đến đỉnh cao vào tháng:

Đáp án – C: 9 – 1930.

10. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng những thủ đoạn mị dân của thực dân Pháp sau khi phong trào cách mạng 1930 – 1931 tạm lắng?

Đáp án – B: Nới lỏng các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân, thả tù chính trị, bãi bỏ các thứ thuế bất công.

11. Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng (3 – 1935) diễn ra tại:

Đáp án – A: Ma Cao (Trung Quốc).

BÀI TẬP 2

Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với nội dung lịch sử phong trào cách mạng 1930 – 1931 trong bảng dưới đây.

Trả lời

Thời gian	**Nội dung lịch sử**
12 – 9 – 1930	Diễn ra cuộc biểu tình tiêu biểu của nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An).
Cuối năm 1930, đầu năm 1931	Các Xô viết ra đời ở Nghệ An, Hà Tĩnh.
Từ giữa năm 1931	Phong trào cách mạng 1930 – 1931 dần dần lắng xuống.

10 – 1930	Ban Chấp hành Trung ương lâm thời họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc).
6 – 1932	Ban lãnh đạo Trung ương thảo ra Chương trình hành động của Đảng.
Năm 1933	Các tổ chức Đảng và quần chúng phục hồi.
3 – 1935	Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc).

BÀI TẬP 3

Trình bày ngắn gọn diễn biến của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

Trả lời

Dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933, ngay khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống đế quốc và bọn phong kiến tay sai:

+ Từ tháng 2, 3, 4 – 1930, các phong trào đấu tranh đã nổ ra mạnh mẽ Tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng, Dầu Tiếng, công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm, cưa Bến Thủy. Lần đầu tiên, lá Cờ đỏ búa liềm được treo ở một số đường phố chính của Hà Nội.

+ Sang tháng 5 – 1930, phong trào bùng nổ trên cả nước. Mở đầu là cuộc đấu tranh hưởng ứng ngày Quốc tế Lao động, tạo bước ngoặt cho phong trào cách mạng.

+ Đến tháng 9 và tháng 10 – 1930, phong trào đạt đến đỉnh cao, sôi nổ nhất là ở Nghệ – Tĩnh. Cuộc đấu tranh của nông dân được sự hưởng ứng của công nhân Vinh – Bến Thủy làm tê liệt, tan rã từng mảng chính quyền thực dân, phong kiến ở các thôn, xã.

Từ phong trào cách mạng, các chính quyền Xô viết Nghệ – Tĩnh lần lượ được ra đời.

BÀI TẬP 4

Nêu nhận xét về phong trào cách mạng 1930 – 1931 theo các tiêu chí sau:

Trả lời

+ Mục tiêu đấu tranh: Chống đế quốc để giành độc lập dân tộc, chống phong kiến để giành ruộng đất cho dân cày.

+ Quy mô phong trào: Diễn ra trên khắp cả 3 miền Bắc – Trung – Nam trong đó tiêu biểu nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (đã thành lập chính quyền Xô viết).

+ Hình thức đấu tranh: Đấu tranh chính trị kết hợp với khởi nghĩa vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là chủ yếu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng uần chúng nhân dân kéo đến các cơ quan của chính quyền địch ở huyện lị, ỉnh lị.

+ Lực lượng tham gia: Đông đảo quần chúng nhân dân, trong đó nòng ốt là công nhân và nông dân.

ÀI TẬP 5

Tại sao phong trào cách mạng 1930 – 1931 bị thực dân Pháp đàn áp dã nan, nhưng phong trào cách mạng do Đảng lãng đạo vẫn được phục hồi? So với khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng).

Trả lời

– Khi bị địch khủng bố, các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và ịa phương không bị phá vỡ, phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo vẫn hục hồi:

Ở trong các nhà tù, các đảng viên cộng sản và những người yêu nước ẫn tiếp tục đấu tranh, các đảng viên còn lại ở bên ngoài tìm cách gây dựng ại tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng.

Năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong ùng một số đảng viên hoạt động ở trong nước và nước ngoài đã tổ chức a Ban lãnh đạo của Đảng. Một chương trình hành động của Đảng được đề a với nội dung chủ yếu là đòi quyền dân sinh, dân chủ, trả tự do cho tù hính trị, cấp thiết phải củng cố, phát triển các tổ chức Đảng, tổ chức uần chúng,...

– Từ năm 1933, phong trào phát triển trở lại, điều này thể hiện ở các mặt:

+ Phong trào đấu tranh của quần chúng nối tiếp nổ ra ở Nam Kì, Tây guyên...

+ Cuối năm 1933, các tổ chức Đảng được xây dựng, củng cố.

+ Năm 1934, Ban lãnh đạo Hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương ược thành lập.

+ Cuối năm 1934 đầu năm 1935, các xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì ần lượt được lập lại. Các tổ chức quần chúng như Công hội, Nông hội cũng ập lại.

+ Tháng 3 – 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao Trung Quốc) đã thông qua nghị quyết chính trị, điều lệ đảng, các nghị uyết về vận động quần chúng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương... để huẩn bị cho một cao trào cách mạng mới.

ÀI TẬP 6

Trình bày ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

Ý nghĩa quan trọng nhất là gì?

Trả lời

Ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 – 1931:

+ Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Đông Dương. Từ trong phong trào, khối liên minh công – nông được hình thành. Đảng Cộng sản Đông Dương được công nhận là bộ phận độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu: công tác tư tưởng, xây dựng khối đoàn kết công nông, công tác mặt trận, tổ chức, lãnh đạo quần chúng,...

Với những điều đó, phong trào cách mạng 1930 – 1931 được coi là cuộc tập dượt đầu tiên cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

BÀI TẬP 7

1. Hãy nêu bài học kinh nghiệm qua phong trào cách mạng 1930 – 1931 mà Đảng ta đã đúc kết được. Bài học sâu sắc nhất là gì?

2. Tại sao nói phong trào cách mạng 1930 – 1931 như một cuộc tập dượt của Đảng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

Trả lời

1. Bài học kinh nghiệm:

+ Qua phong trào, giai cấp vô sản Việt Nam mà đại biểu là Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của mình. Thực tiễn đã khẳng định tính chất đúng đắn của đường lối chiến lược mà Đảng đề ra.

+ Qua phong trào, khối công nông liên minh được hình thành. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nông đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến và xây dựng một cuộc sống mới.

+ Qua phong trào, đội ngũ cán bộ được thử thách, rèn luyện, quần chúng được tập dượt đấu tranh.

+ Phong trào cũng chỉ rõ rằng, trên cơ sở đường lối chiến lược đúng phải đề ra sách lược đúng, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và dựa trên cơ sở khối liên minh công nông cần thành lập mặt trận dân tộc thống nhất...

2. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 là bước chuẩn bị đầu tiên cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám bởi vì:

+ Qua phong trào, giai cấp vô sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của mình. Thực tiễn đã khẳng định tính chất đúng đắn của đường lối chiến lược mà Đảng đề ra.

+ Qua phong trào, nông dân thể hiện lòng tin vào giai cấp công nhân, hình thành khối liên minh công nông vững chắc. Cùng với sự ra đời của Đảng Cộng sản, khối liên minh công nông là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Đây là những bài học lớn, được quán triệt trong quá trình đấu tranh sau này.

+ Phong trào 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh đã đem lại cho quần chúng công nông niềm tin ở lực lượng cách mạng của mình, ở năng lực làm chủ đất nước và vận mệnh dân tộc của mình.

+ Trong quá trình đấu tranh, đội ngũ cán bộ được thử thách và rèn luyện.

+ Qua phong trào đã khẳng định sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam. Nhờ đó, Đảng ta được công nhận là một chi bộ của Quốc tế Cộng sản.

Với những ý nghĩa hết sức to lớn ấy, phong trào cách mạng 1930 – 1931 là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám.

BÀI 17

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Từ đầu những năm 30 của thế kỉ XX, bọn phát xít cầm quyền ở những nước nào tích cực chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới:

Đáp án - B: Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản.

2. Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (7 – 1935) xác định kẻ thù của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới là:

Đáp án - C: Chủ nghĩa phát xít.

3. Ý nào dưới đây **không** phải là nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của nhân dân Đông Dương được đề ra trong Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 – 1936)?

Đáp án - A: Chống đế quốc và phong kiến.

4. Hình thức đấu tranh trong phong trào dân chủ 1936 – 1939 là:

Đáp án - D: Đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp.

5. Mặt trận Dân chủ Đông Dương được thành lập tháng:

Đáp án - C: 7 – 1937.

6. Phong trào Đông Dương Đại hội (1936) diễn ra ở:

Đáp án - D: Trong cả nước.

7. Trong phong trào dân chủ 1936 – 1939, nông dân Việt Nam đấu tranh đòi các quyền lợi như:

Đáp án - D: Tất cả các ý trên đều đúng.

8. Ở Đông Dương, Viện Dân biểu Bắc Kì, Viện Dân biểu Trung Kì, Hội đồng Quản hạt Nam Kì là:

Đáp án - C: Cơ quan lập pháp.

9. Lĩnh vực đấu tranh mới của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1936 – 1939 là:

Đáp án - C: Đấu tranh nghị trường và đấu tranh trên lĩnh vực báo chí.

10. Cơ quan "Dân cử" cao nhất ở Đông Dương những năm 1936 – 1939 là:

Đáp án - D: Hội đồng Kinh tế lí tài Đông Dương.

11. Trong những năm 1936 – 1939, tờ báo nào dưới đây được xuất bản bằng tiếng Pháp?

Đáp án - C: Lao động.

12. Tác phẩm văn học *Bước đường cùng* là của tác giả:

Đáp án - A: Nguyễn Công Hoan.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước mỗi câu sau:

Trả lời

1 – S: Tháng 7 – 1936, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mát-xcơ-va (Liên Xô).

2 – S: Tháng 9 – 1936, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.

3 – S: Tiểu thuyết *Giông tố* là của nhà văn Ngô Tất Tố.

4 – Đ: Vở kịch *Đời cô Lựu* của Trần Hữu Trang.

BÀI TẬP 3

Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với nội dung lịch sử Việt Nam những năm 1936 – 1939.

Trả lời

Thời gian	Nội dung lịch sử
7 – 1935	Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mát-xcơ-va (Liên Xô).
6 – 1936	Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.
7 – 1936	Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Thượng Hải (Trung Quốc).

1 – 5 – 1938	Lần đầu tiên trong ngày Quốc tế Lao động, nhiều cuộc mít tinh, biểu tình được tổ chức công khai ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều nơi khác.
1937	Đảng phát động phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ.

BÀI TẬP 4

1. Hãy nêu diễn biến chính của phong trào Đông Dương Đại hội.

Trả lời

Từ giữa năm 1936, được tin Quốc hội Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình thuộc địa, Đảng chủ trương vận động và tổ chức các tầng lớp nhân dân hội họp, thảo ra bản "dân nguyện", để gửi tới phái đoàn, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội vào tháng 8 – 1936. Đảng cũng kêu gọi các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng cùng tham gia. Kết quả là phong trào Đông Dương Đại hội đã diễn ra khắp cả nước:

+ Khởi đầu ở Nam Kì, đến cuối tháng 9 – 1936, đã có hơn 600 ủy ban hành động được thành lập. Phong trào mạnh nhất ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một...

+ Ở Bắc Kì, trong tháng 9, Ủy ban lâm thời chi nhánh Bắc Kì Đông Dương Đại hội thành lập. Các ủy ban hành động thành lập ở Hà Nội, Hà Đông, Bắc Ninh...

+ Ở Trung Kì, ngày 12 – 9 – 1936, Ủy ban lâm thời chi nhánh Trung Kì Đông Dương Đại hội thành lập. Các ủy ban hành động được thành lập ở Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng...

Trước sự lan rộng của phong trào, bọn phản động thuộc địa tìm cách đàn áp và chia rẽ quần chúng. Chúng ra lệnh giải tán Ủy ban hành động, cấm hội họp, tịch thu các báo cổ động cho Đông Dương Đại hội.

Mặc dù bị đàn áp và phái đoàn của Quốc hội Pháp không sang, Đông Dương Đại hội bị cấm hoạt động, nhưng qua phong trào, đông đảo quần chúng nhân dân được giác ngộ, đoàn kết đấu tranh đòi quyền sống; Đảng Cộng sản Đông Dương thu được một số kinh nghiệm về phát động và lãnh đạo phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp. Chính quyền thực dân đã phải giải quyết một số yêu sách của nhân dân như nới rộng quyền xuất bản báo chí, tự do đi lại, thả một số tù chính trị,...

2. Hãy trình bày những hoạt động của Đảng trong cuộc đấu tranh trên nghị trường.

Trả lời

+ Đấu tranh nghị trường là một hình thức đấu tranh mới mẻ của Đảng Cộng sản Đông Dương nhằm mục đích mở rông lực lượng của Mặt trận Dân chủ và vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân và tay sai, bênh vực quyền lợi cho nhân dân lao động.

+ Trong các cuộc tuyển cử vào các cơ quan lập pháp, Mặt trận Dân chủ, trong đó Đảng Cộng sản là thành viên tích cực, đã đưa người ra ứng cử.

Trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Trung Kì (8 – 1937), Đảng vận động những người tiến bộ trong hàng ngũ trí thức ra ứng cử. Đảng sử dụng báo chí để tuyên truyền và vận động cử tri bỏ phiếu cho những người này. Kết quả là hầu hết các ứng cử viên do Đảng vận động ra ứng cử đều đã trúng cử.

+ Năm 1938, trong cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kì, 15 ứng cử viên của Mặt trận Dân chủ đã trúng cử. Mặt trận Dân chủ còn giành thắng lợi trong Hội đồng Kinh tế lí tài Đông Dương – cơ quan "dân cử" cao nhất ở Đông Dương.

+ Năm 1939, diễn ra cuộc tuyển cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kì. Trong cuộc tuyển cử này, Mặt trận Dân chủ bị thất bại do những thủ đoạn thâm độc của bọn phản động thuộc địa, do nội bộ của Mặt trận Dân chủ không thống nhất ý kiến.

3. Hãy trình bày những ý chính của cuộc đấu tranh trên lĩnh vực báo chí.

Trả lời

+ Cùng với hình thức đấu tranh nghị trường, đấu tranh trên lĩnh vực báo chí cũng là hình thức đấu tranh mới mẻ của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng đã triệt để sử dụng báo chí công khai làm vũ khí đấu tranh cách mạng nhằm: tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng; tập hợp, hướng dẫn phong trào đấu tranh của quần chúng.

+ Từ năm 1937, báo chí công khai của Đảng phát triển nhanh chóng. Nhiều tờ báo công khai của Đảng, của Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể quần chúng đã ra đời (Tiền phong, Dân chúng, Lao động, Bạn dân, Tin tức,...); một số sách chính trị phổ thông giới thiệu chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chính sách của Đảng được lưu hành rộng rãi, trong đó có cuốn *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh và Vân Đình. Nhiều tác phẩm văn học hiện thực phê phán ra đời như *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan; *Tắt đèn*, *Lều chõng* của Ngô Tất Tố... Cuối năm 1937, Đảng phát động phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ nhằm giúp quần chúng nhân dân lao động đọc được sách báo, nâng cao hiểu biết về chính trị.

+ Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực báo chí những năm 1936 – 1939 đã thu được kết quả to lớn, trước hết trên lĩnh vực văn hóa – tư tưởng. Đông đảo các tầng lớp nhân dân được giác ngộ về con đường cách mạng của Đảng.

BÀI TẬP 5

Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ diễn ra dưới hình thức nào?

Trả lời

Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ diễn ra dưới hình thức công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp như: đấu tranh nghị trường, bãi công, bãi thi, bãi khoá, mít tinh, biểu tình...

BÀI TẬP 6

Hãy so sánh phong trào dân chủ 1936 – 1939 với phong trào cách mạng 1930 – 1931 theo yêu cầu của bảng dưới đây.

Trả lời

Nội dung so sánh	**Phong trào cách mạng 1930 – 1931**	**Phong trào dân chủ 1936 – 1939**
Mục tiêu đấu tranh	Chống đế quốc giành độc lập dân tộc. Chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.	Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động Pháp và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
Lực lượng tham gia	Công nhân Nông dân.	Công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân khác.
Hình thức đấu tranh	Mít tinh, biểu tình, khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.	Bãi công, bãi thị, bãi khóa, mít tinh, biểu tình, kết hợp với đấu tranh công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
Quy mô phong trào	Chủ yếu ở Nghệ – Tĩnh.	Phong trào nổ ra rộng khắp trong toàn quốc, kéo dài suốt ba năm mới chấm dứt.
Kết quả, ý nghĩa lịch sử	– Giáng một đòn mạnh vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai. – Thành lập các Xô viết. – Tuy thất bại nhưng khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Đông Dương. Từ trong phong trào, khối liên minh công – nông được hình thành. Đảng Cộng sản Đông Dương được công nhận là	– Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách của nhân dân về dân sinh, dân chủ. – Quần chúng nhân dân được giác ngộ về chính trị đã tham gia vào Mặt trận Dân tộc thống nhất, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu. – Cán bộ cách mạng được rèn luyện và ngày càng trưởng thành. – Đảng tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm về: xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất; tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu

	bộ phận độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản. – Là cuộc tập dượt đầu tiên cho Cách mạng tháng Tám – 1945.	tranh công khai hợp pháp; đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng với các đảng phái chính trị phản động... – Là cuộc tập dượt, chuẩn bị lần thứ hai cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

BÀI TẬP 7

Tại sao có phong trào dân chủ 1936 – 1939?

Trả lời

Cuối những năm 30, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến, tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng Việt Nam.

– Tình hình thế giới:

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã dẫn tới sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản, ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

+ Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (7 – 1935) xác định nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít, giành dân chủ, bảo vệ hòa bình và chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân rộng rãi.

+ Ở Pháp, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền (4 – 1936) đã cho thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.

– Tình hình trong nước:

+ Một số tù chính trị được tha, đã nhanh chóng hoạt động trở lại.

+ Đảng ta cũng như phong trào quần chúng đã được phục hồi.

Những chuyển biến về mặt chính trị ở trong nước và quốc tế đã tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất định cho phong trào đấu tranh ở nước ta. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống chủ nghĩa phát xít ngay từ đầu là một bộ phận của cách mạng thế giới dưới sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản. Việc Pháp nới lỏng một số quyền tự do, dân chủ và sự hoạt động tự do của các đảng phái chính trị trong nước do chính sách của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp là cơ hội cho Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng ảnh hưởng của mình. Lệnh ân xá tù chính trị đã giúp nhiều đảng viên được ra tù, tích cực hoạt động gây dựng cơ sở, chuẩn bị cho phong trào đấu tranh mới.

Mặc dù đây là thời kì nền kinh tế Việt Nam được phục hồi, nhưng nhìn chung chỉ phát triển ở một số ngành. Nền kinh tế nước ta vẫn trong tình trạng ảm đạm, đời sống nhân dân không được cải thiện, mâu thuẫn xã hội vẫn tiếp tục gay gắt. Vì thế, các tầng lớp, giai cấp trong xã hội đều hăng hái tham gia vào phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo, hòa bình do Đảng lãnh đạo năm 1936 – 1939.

BÀI TẬP 8

1. Trình bày ý nghĩa lịch sử của phong trào dân chủ 1936 – 1939.

Ý nghĩa nào là quan trọng nhất?

Trả lời

– Đây là cuộc đấu tranh chính trị, công khai, hợp pháp diễn ra trong phạm vi rộng lớn chưa từng thấy trong lịch sử nước ta, thực sự là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ rộng lớn.

– Phong trào đã buộc chính quyền thực dân Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách của nhân dân về dân sinh, dân chủ.

– Qua phong trào quần chúng nhân dân được giác ngộ về chính trị đã tham gia vào Mặt trận Dân tộc thống nhất, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu.

– Qua phong trào cán bộ cách mạng được rèn luyện và ngày càng trưởng thành.

– Là cuộc tập dượt, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

2. Bài học kinh nghiệm rút ra từ phong trào 1936 – 1939.

Trả lời

– Đảng tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm về: xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất; tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai hợp pháp; đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng với các đảng phái chính trị phản động; bài học về hình thức đấu tranh, khẩu hiệu đấu tranh...

3. Tại sao nói phong trào dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tập dượt của Đảng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

Trả lời

Bởi vì qua phong trào này, Đảng ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh; nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lê-nin ngày càng thấm nhuần trong tư tưởng và hành động của đảng viên và thấm sâu, lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân; Đảng đã xây dựng và phát triển được một đội ngũ có năng lực và giàu kinh nghiệm trong tổ chức, đấu tranh; hình thành được đội quân chính trị của quần chúng gồm hàng triệu người, được tập hợp trong một mặt trận dân tộc thống nhất, được tập dượt đấu tranh với những hình thức mới; trình độ giác ngộ của đảng viên và uy tín của Đảng được nâng lên một bước. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho thời kì đấu tranh trực tiếp giành chính quyền.

BÀI 18

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939 – 1945

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Nhật vượt biên giới Việt – Trung vào miền Bắc Việt Nam từ:

Đáp án - D: Cuối tháng 9 – 1940.

2. Ở Đông Dương, Toàn quyền Ca-tơ-ru ra lệnh tổng động viên vào:

Đáp án - A: Đầu tháng 9 – 1939.

3. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939 họp ở:

Đáp án - C: Bà Điểm (Hóc Môn – Gia Định).

4. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11 – 1939) xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là:

Đáp án - D: Đánh đổ đế quốc, tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

5. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra ở:

Đáp án - D: Lạng Sơn.

6. Cuộc khởi nghĩa Nam Kì nổ ra vào tháng:

Đáp án - C: 11 – 1940.

7. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 – 1940 xác định kẻ thù của cách mạng Đông Dương là:

Đáp án - C: Thực dân Pháp và phát xít Nhật.

8. Cuộc binh biến Đô Lương nổ ra ở :

Đáp án - B: Nghệ An.

9. Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào ngày:

Đáp án - A: 28 – 1 – 1941.

10. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp vào ngày:

Đáp án - C: Từ ngày 10 đến ngày 19 – 5 – 1941.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước mỗi câu sau:

Trả lời

1 – Đ: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939 xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách

mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

2 – S: Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 – 1939 đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng của Đảng, đặth nhiệm vụ phản đế, phản phong lên hàng đầu.

3 – S: Tháng 6 – 1940, Pháp đầu hàng Đức. Ở Đông Dương, Ca-tơ-ru được cử làm Toàn quyền thay Đơ-cu.

4 – S: Cuối tháng 9 – 1940, quân Nhật vượt biên giới Việt – Trung. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng. Phát xít Nhật đã xóa bỏ bộ máy chính quyền của thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương.

5 – Đ: Vào đêm 23 – 11 – 1940, binh lính đồn chợ Rạng (Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung đã nổi dậy.

6 – S: Năm 1944, Đảng đề ra bản Đề cương Văn hóa Việt Nam.

BÀI TẬP 3

Sử dụng lược đồ H.43, H.44, H.45 để trình bày diễn biến của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và Binh biến Đô Lương.

Trả lời

1. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn

Ngày 22 – 9 – 1940, quân Nhật vượt biên gới Việt – Trung đánh chiếm Lạng Sơn, quân Pháp trên đường thua chạy rút qua châu Bắc Sơn. Đêm 27 – 9 – 1940, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã nổi dậy, tước khí giới của Pháp để tự vũ trang cho mình, giải tán chính quyền địch và thành lập chính quyền cách mạng. Nhưng sau đó, Nhật đã thỏa hiệp để Pháp quay trở lại đàn áp, dồn dân, giết cán bộ, đốt há nhà cửa, cướp đoạt tài sản của nhân dân

2. Cuộc khởi nghĩa Nam Kì

Lợi dụng bối cảnh quân Pháp thua trận ở châu Âu và yếu thế ở Đông Dương, bọn quan phiệt Xiêm (Thái Lan), được phát xít Nhật xúi giục, giúp đỡ đã khiêu khích và xung đột dọc biên giới Lào – Cam-pu-chia. Để chống lại, thực dân Pháp bắt binh lính Việt Nam ra trận chết thay cho chúng, nhân dân Nam Kì bất bình, đặc biệt là nhiều binh lính đã đảo ngũ, hoặc bí mật liên lạc với Đảng bộ Nam Kì để hành động.

Trước tình thế cấp bách, Đảng bộ Nam Kì đã quuyết định khởi nghĩa tuy chưa có sự đồng ý của Trung ương Đảng. Lệnh đình chỉ phát động khởi nghĩa của Trung ương Đảng từ ngoài Bắc đưa vào Nam Kì tới chậm. Trước ngày khởi sự, một số cán bộ chỉ huy đã bị bắt, do đó kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ. Thực dân Pháp cho thiết quân luật, giữ binh lính người Việt trong trại và tước hết khí giới của họ, ra lệnh giới nghiêm và bủa vây săn lùng các chiến sĩ cách mạng.

Theo kế hoạch đã định, cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra vào đêm 22 rạng ngày 23 – 11 – 1940 ở hầu khắp các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ một số đồn bốt giặc, phá nhiều đường giao thông, thành lập chính quyền nhân dân và tòa án cách mạng ở nhiều vùng thuộc các tỉnh Mĩ Tho, Gia Định... Lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa này. Do thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, cơ sở Đảng bị tổn thất nặng nhưng một số nghĩa quân đã rút vào hoạt động bí mật chờ cơ hội hoạt động trở lại.

3. Binh biến Đô Lương

Phong trào cách mạng dâng cao đã ảnh hưởng đến tinh thần giác ngộ của binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Tại Nghệ An, binh lính người Việt hết sức bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho quân Pháp.

Ngày 13 – 1 – 1941, dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung), binh lính đồn chợ Rạng đã nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương rồi lên xe ô tô kéo về Vinh định phối hợp với số binh lính ở đây chiếm thành. Nhưng kế hoạch không thực hiện được, Đội Cung bị Pháp bắt. Mặc dù bị tra tấn dã man, ông vẫn không khai và nhận hết trách nhiệm về mình. Quân Pháp đã xử tử Đội Cung cùng 10 đồng chí của ông, kết án khổ sai, đưa đi đày nhiều người khác.

BÀI TẬP 4

Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với nội dung sự kiện lịch sử về công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa của Đảng.

Trả lời

Thời gian	Nội dung lịch sử
14 – 2 – 1941	Trung đội Cứu quốc quân I ra đời.
15 – 9 – 1941	Trung đội Cứu quốc quân II ra đời.
25 – 2 – 1944	Trung đội Cứu quốc quân III ra đời.
Từ ngày 25 đến ngày 28 – 2 – 1943	Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La.
7 – 5 – 1944	Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa".
22 – 12 – 1944	Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành lập.

BÀI TẬP 5

Hãy hoàn thành bảng thống kê sau để thấy được những nét chính về công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền từ tháng 5 – 1941 đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Trả lời

Vấn đề	Nội dung cụ thể
Xây dựng lực lượng chính chị	Xây dựng lực lượng chính trị mà trọng tâm là vận động quần chúng nhân dân tham gia Việt Minh qua các hội Cứu quốc. Cao Bằng là nơi thí điểm để xây dựng các hội cứu quốc. Đến năm 1942, khắp các châu đều có hội cứu quốc. Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng ra đời. Đứng chân trong Mặt trận, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nâng cao vai trò, uy tín của Mặt trận Việt Minh. Năm 1943, Đảng đưa ra "Đề cương Văn hóa Việt Nam", tập hợp những nhà văn hóa, văn nghệ, trí thức đi theo con đường đấu tranh của Việt Minh. Năm 1944, Đảng Dân chủ Việt Nam và Hội Văn hóa Cứu quốc ra đời, trở thành một thành viên của Mặt trận Việt Minh. Công tác xây dựng lực lượng chính trị đã tạo ra cơ sở rộng lớn của Đảng trong quần chúng nhân dân. Nhờ đó ảnh hưởng của Đảng không ngừng được tăng lên.
Xây dựng lực lượng vũ trang	Xây dựng lực lượng vũ trang được Đảng đặc biệt coi trọng. Năm 1941, Trung đội Cứu quốc quân I và II ra đời đã tích cực hoạt động để gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn.
Xây dựng căn cứ địa cách mạng	+ Tháng 11 – 1940, Hội nghị Trung ương 7 (11 – 1940) chủ trương xây dựng vùng Bắc Sơn – Võ Nhai thành căn cứ địa cách mạng đầu tiên của nước ta. Căn cứ này hoạt động chủ yếu về quân sự. + Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, chọn Cao Bằng làm căn cứ địa cách mạng. Đây là căn cứ địa chủ yếu về chính trị, tức là chỉ đạo phong trào, vận động quần chúng làm cách mạng.

BÀI TẬP 6

Hãy hoàn thành bảng hệ thống sau đây về nội dung cơ bản của Nghị quyết các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ tháng 11 – 1939 đến tháng 5 – 1941.

Trả lời

Nghị quyết	Nội dung cơ bản
Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 tháng 11 – 1939	– Hội nghị xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng

	đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu thành lập chính quyền Xô viết công, nông, binh được thay thế bằng khẩu hiệu lập chính quyền dân chủ cộng hoà. – Về phương pháp cách mạng: đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai bằng hoạt động bí mật và bất hợp pháp. – Chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương (Mặt trận Phản đế Đông Dương) để tập trung mọi lực lượng của dân tộc và nhiệm vụ chủ yếu.
Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 7 tháng 11 – 1940	Hội nghị cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và đề ra chủ trương trong tình hình mới: xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc Pháp – Nhật; quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn để xây dựng thành lực lượng vũ trang cách mạng; tiến tới thành lập căn cứ du kích; quyết định đình chỉ khởi nghĩa vũ trang ở Nam Kì vì thời cơ chưa chín muồi.
Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 tháng 5 – 1941	– Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc, tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. Hội nghị chỉ rõ sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp – Nhật, sẽ thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. – Quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh thay cho Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương và giúp đỡ việc lập mặt trận ở các nước Lào, Cam-pu-chia, thay tên các Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc. – Xác định hình thái cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và kết luận: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại. – Chính thức bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới, bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

BÀI TẬP 7

Phân tích quá trình chuyển hướng đi đến hoàn chỉnh chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Đảng từ Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939 đến Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5 – 1941).

Trả lời

Thứ nhất, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến chuyển thuận lợi cho cách mạng nước ta: Pháp bị Đức tấn công, Chính phủ Pháp phải bỏ Pa-ri chạy sang ẩn náu ở nước Anh; Nhật Bản tấn công Trung Quốc, tiến gần tới biên giới Việt – Trung. Đứng trước bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Đông Dương đã triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11 – 1939) nhằm đưa ra chủ trương mới cho phù hợp với hoàn cảnh:

+ Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

+ Xác định kẻ thù trước mắt là đế quốc và phát xít.

+ Tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian chia cho dân nghèo.

+ Chuyển sang đấu tranh bí mật, bất hợp pháp và chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương để tập trung mọi lực lượng của dân tộc và nhiệm vụ chủ yếu.

– *Thứ hai*, đến năm 1940 khi Nhật tiến tới biên giới Việt – Trung, nhảy vào Lạng Sơn rồi đánh chiếm nước ta, thực dân Pháp đầu hàng Nhật rồi cùng với Nhật ra sức bóc lột nhân dân ta, Đảng Cộng sản Đông Dương đã triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (11 – 1940). Hội nghị cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và đề ra chủ trương trong tình hình mới: xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc Pháp – Nhật; quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn để xây dựng thành lực lượng vũ trang cách mạng; tiến tới thành lập căn cứ du kích; quyết định đình chỉ khởi nghĩa vũ trang ở Nam Kì vì thời cơ chưa chín muồi.

– *Thứ ba*, khi Liên Xô tham gia chống phát xít Đức làm thay đổi tính chất của chiến tranh thế giới, góp phần quan trọng vào tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, Nhật đánh chiếm nhiều nước ở châu Á, rồi Việt Nam, cùng Pháp ra sức bóc lột nhân dân ta, khiến cho nhân dân ta chịu cảnh "một cổ hai tròng" làm cho mâu thuẫn dân tộc càng lên cao thì Đảng Cộng sản Đông Dương lại triệu tập tiến hành Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã một lần nữa đưa ra chủ trương phù hợp với hoàn cảnh mới:

+ Giương cao hơn nữa việc đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu (đã được thông qua từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11 – 1939).

+ Xác định kẻ thù lúc này không phải là bọn đế quốc phát xít nói chung, mà là phát xít Nhật, Pháp và tay sai.

+ Tiếp tục gác khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày", chỉ đưa ra khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian chia cho dân nghèo", thực hiện giảm tô, giảm tức.

+ Quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh thay cho Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương và giúp đỡ việc lập mặt trận ở Lào, Cam-pu-chia, thay tên các Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc,...

Như vậy, căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử thế giới và trong nước, Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời chủ động, sáng suốt điều chỉnh đường lối cách mạng Việt Nam, hoàn chỉnh chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Đảng từ Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939 đến Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5 – 1941), góp phần quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

BÀI TẬP 8

Vai trò của Hồ Chí Minh trong việc hoàn thành chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Đảng (5 – 1941) như thế nào?

Trả lời

Nguyễn Ái Quốc có vai trò to lớn trong việc hoàn thành chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941). Điều này thể hiện ở chỗ:

– Khi dự đoán "nếu Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, chỉ có một nước xã hội chủ nghĩa ra đời – Liên Xô, thì Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc sẽ có nhiều nước xã hội chủ nghĩa ra đời, do đó mà cách mạng Việt Nam sẽ thành công", nên sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước ở nước ngoài, ngày 28 – 1 – 1941, Nguyễn Ái Quốc đã trở về nước để trực tiếp lãnh đạo nhân dân giành chính quyền.

– Sau khi về nước một thời gian và tìm hiểu thực tiễn cách mạng trong nước, từ ngày 10 đến 19 – 5 – 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Trung ương 8 tại Pác Bó – Cao Bằng. Căn cứ vào thực tiễn của chiến tranh thế giới và cách mạng Việt Nam, sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương từ Hội nghị Trung ương 6 (11 – 1939), Hội nghị đã thảo luận nhiều vấn đề, cuối cùng đi đến quyết định:

+ Giương cao hơn nữa ngọn cờ độc lập dân tộc – đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xác định kẻ thù của dân tộc ta lúc này là phát xít Nhật – Pháp và bọn tay sai.

+ Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", chỉ đưa ra khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của bọn tay sai và Việt gian chia cho dân nghèo", giảm tức, giảm tô.

+ Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận dân tộc thống nhất nhằm tập hợp tất cả các tầng lớp nhân dân có cùng chí hướng giải phóng dân tộc, đoàn kết đánh đuổi kẻ thù chung. Ở Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của Người đã thành lập Mặt trận Việt Minh. Mặt trận có nhiệm vụ đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, không phân chia tôn giáo, đảng phái chính trị, miễn là người Việt

Nam yêu nước có chung ý chí muốn cứu nước và giải phóng dân tộc; thay tên các Hội Phản đế trước đây bằng một tên gọi chung là Hội Cứu quốc.

+ Xúc tiến sự chuẩn bị về mọi mặt (chuẩn bị về lực lượng chính trị, chuẩn bị về lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ và tập dượt đấu tranh), sẵn sàng giành chính quyền khi thời cơ đến.

– Như vậy, nếu Hội nghị Trung ương lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11 – 1939) do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì là sự khởi đầu cho sự chuyển hướng chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu thì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 (từ ngày 10 đến 19 – 5 – 1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì là sự hoàn chỉnh chủ trương đó. Chưa lúc nào quyền lợi dân tộc, nhiệm vụ giải phóng dân tộc lại được giương cao và tiên quyết như lúc này. Nhờ sự chuyển hướng chỉ đạo đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta đã có sự chuẩn bị chu đáo, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

BÀI 19

CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước câu trả lời đúng.

1. Nhật đảo chính hất cẳng Pháp ngày:

   Đáp án - A: 9 – 3 – 1945.

2. Sau cuộc đảo chính của Nhật, ở Việt Nam tồn tại:

   Đáp án - C: Chính phủ Trần Trọng Kim.

3. Trong Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã nhận định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là:

   Đáp án - C: Phát xít Nhật.

4. Để giải quyết nạn đói diễn ra trầm trọng do chính sách cướp bóc của Pháp – Nhật, Đảng ta đã đề ra khẩu hiệu:

   Đáp án - C: "Phá kho thóc giải quyết nạn đói".

5. Cuộc khởi nghĩa từng phần bùng nổ vào ngày:

   Đáp án - B: ngày 10 – 3 – 1945.

6. Để thực hiện nhiệm vụ chỉ huy các chiến khu ở Bắc Kì và giúp đỡ các nước về mặt quân sự, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định thành lập:

Đáp án - A: Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kì.

7. Thủ đô của Khu giải phóng Việt Bắc là:

Đáp án - C: Tân Trào (Tuyên Quang).

8. Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh vào ngày:

Đáp án - D: 15 – 8 – 1945.

9. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp vào ngày:

Đáp án - B: 14 – 8 – 1945.

10. Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân diễn ra ở :

Đáp án - C: Tân Trào (Sơn Dương – Tuyên Quang).

11. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi vào ngày:

Đáp án - D: 19 – 8 – 1945.

12. Sự kiện đánh dấu việc chấm dứt ách thống trị của chế độ phong kiến ở nước ta là:

Đáp án - B: Vua Bảo Đại thoái vị.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước mỗi câu sau

Trả lời

1 – S: Từ ngày 25 đến ngày 28 – 2 – 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Đình Bảng (Từ Sơn – Bắc Ninh).

2 – S: Từ ngày 9 đến ngày 12 – 3 – 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh – Phúc Yên).

3 – Đ: Từ ngày 15 đến ngày 20 – 4 – 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì.

4 – Đ: Từ ngày 14 đến ngày 14 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Sơn Dương – Tuyên Quang).

BÀI TẬP 3

Hãy điền mốc thời gian vào bảng sau cho phù hợp với những công việc chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa.

Trả lời

Thời gian	Nội dung lịch sử
Từ ngày 15 đến 20 – 4 – 1945	Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì.

16 – 4 – 1945	Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban Dân Tộc giải phóng các cấp.
15 – 5 – 1945	Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.
5 – 1945	Hồ Chí Minh rời Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang).
4 – 6 – 1945	Khu Giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập.

BÀI TẬP 4

Nêu nội dung cơ bản Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 15 – 8 – 1945.

Trả lời

Khi biết tin phát xít Nhật phải đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, từ ngày 14 đến 15 – 8 – 1945, Đảng đã triệu tập Hội nghị toàn quốc tại Tân Trào để đưa ra những quyết định quan trọng: Phát động trên toàn quốc lệnh Tổng khởi nghĩa không chậm trễ, giành lấy chính quyền về tay nhân dân trước khi quân Đồng minh kéo vào. Hội nghị cũng ra quyết định thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ra Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân nổi dậy.

Nội dung của Hội nghị toàn quốc thể hiện việc nắm bắt thời cơ "ngàn năm có một" của Đảng ta.

BÀI TẬP 5

Nêu nội dung cơ bản Nghị quyết Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 16 đến ngày 17 – 8 – 1945.

Trả lời

Ngay khi Hội nghị toàn quốc vừa mới bế mạc, trong hai ngày 16 và 17 – 8 – 1945, Đảng lại tổ chức Đại hội Quốc dân tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đồng thời Đại hội còn quyết định Quốc kì, Quốc ca và chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt trong chính sách đối nội, đối ngoại khi quân Đồng minh kéo vào.

BÀI TẬP 6

Hãy điền tên các tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 theo mốc sau:

Trả lời

Thời gian	**Tên tỉnh**
18 – 8 – 1945	Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam
19 – 8 – 1945	Hà Nội

23 – 8 – 1945	Huế
25 – 8 – 1945	Sài Gòn
28 – 8 – 1945	Đồng Nai Thượng và Hà Tiên

BÀI TẬP 7

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời như thế nào? Nêu nội dung của bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 – 9 – 1945.

Trả lời

a) Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập:

Ngày 25 – 8 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam Tân Trào về đến Hà Nội.

Theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (28 – 8 – 1945). Trong những ngày lịch sử này, Hồ Chí Minh soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập, chuẩn bị mọi công việc để Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân.

Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, trịnh trọng tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập.

b) Nội dung bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 – 9 – 1945:

+ Tuyên ngôn vạch rõ quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

+ Tố cáo tội ác của Pháp và Nhật. Tuyên ngôn nhấn mạnh tội ác của Pháp vì chúng thống trị nước ta hơn 80 năm và đang có âm mưu quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

+ Tuyên ngôn khẳng định chủ quyền của nước ta cả hai phương diện về pháp lí cũng như thực tế: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã trở thành một nước tự do, độc lập”.

+ Cuối cùng, Tuyên ngôn khẳng định lòng quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền của nhân dân ta: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

BÀI TẬP 8

Hãy nêu:

1. Nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945
3. Bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám.

Trả lời

1. Nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Nguyên nhân chủ quan:

+ Truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của dân tộc ta.

+ Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với một đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt (chuẩn bị về lực lượng chính trị, chuẩn bị về lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ và tập dượt đấu tranh). Khi thời cơ đến, Đảng đã có nghệ thuật chớp thời cơ cũng như tạo ra thời cơ chín muồi để giành chính quyền nhanh chóng, ít đổ máu.

– Nguyên nhân khách quan:

Chiến thắng của Liên Xô và quân Đồng minh cũng như sự thất bại liên tiếp của phe phát xít đã cổ vũ nhân dân ta đấu tranh, tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân ta giành độc lập.

Trong các nguyên nhân trên, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo là yếu tố quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

– Đối với Việt Nam:

+ Chấm dứt ách đô hộ của Pháp – Nhật, lật đổ chế độ phong kiến, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nhân dân ta lên địa vị người làm chủ.

+ Đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

– Đối với thế giới:

+ Góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

+ Cổ vũ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa, mà trước hết là Lào và Cam-pu-chia.

3. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám

– Sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn cách mạng.

– Xây dựng Mặt trận, tập hợp các lực lượng yêu nước và cô lập kẻ thù.

– Linh hoạt kết hợp các hình thức đấu tranh, chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Chương III

VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Bài 20

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2 – 9 – 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 – 12 – 1946

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám về chính trị, quân sự?

   Đáp án - D: Quân Nhật, quân Pháp câu kết với nhau trở lại xâm lược nước ta.

2. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng tình hình nông nghiệp nước ta sau Cách mạng tháng Tám?

   Đáp án - D: Diện tích ruộng đất được mở rộng, nông dân được chia ruộng đất, nên phấn khởi tăng gia sản xuất.

3. Tình hình tài chính nước ta sau Cách mạng tháng Tám ra sao?

   Đáp án - C: Ngân sách hầu như trống rỗng, chính quyền cách mạng lại chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương.

4. Ý nào dưới đây **không** phải là biện pháp mà Chính phủ lâm thời thực hiện để giải quyết nạn đói?

   Đáp án - D: Lấy gạo dự trữ trong kho Nhà nước chia cho dân nghèo.

5. Ý nào sau đây **không** phải là biện pháp mà chính quyền cách mạng thực hiện nhằm đẩy mạnh tăng gia sản xuất?

   Đáp án - B: Đầu tư máy móc, phân bón và con giống cho nông dân.

6. Ý nào dưới đây **không** phải là lí do để thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam một cách nhanh chóng?

   Đáp án - D: Nhân dân ta thiếu cảnh giác đề phòng.

7. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta ở Nam Bộ thì:

   Đáp án - D: Cả A, B, C đều đúng.

8. Chủ trương của Đảng và Chính phủ trong việc đối phó với quân Trung Hoa Dân quốc là :

   Đáp án - A: Tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột.

9. Ý nào dưới đây **không** phải là biện pháp của chính quyền cách mạng đối với các tổ chức phản cách mạng?

Đáp án - D: Tổ chức ám sát những tên phản cách mạng đầu sỏ.

10. Hiệp định Sơ bộ có nội dung chính sau:

Đáp án - D: Tất cả các nội dung trên.

BÀI TẬP 2

Hãy điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước mỗi câu sau:

Trả lời

1 – Đ: Sau Cách mạng tháng Tám, tàn dư văn hóa lạc hậu do chế độ thực dân, phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân số không biết chữ.

2 – S: Ngày 6 – 1 – 1946, toàn dân đi bỏ phiếu bầu Quốc hội. Đây là lần thứ hai trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân.

3 – S: Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua ngày 6 – 2 – 1946.

4 – Đ: Một trong những nhiệm vụ cấp bách của nước ta sau Cách mạng tháng Tám là giải quyết nạn đói và khó khăn về tài chính.

5 – Đ: Trong hoàn cảnh phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và Chính phủ ta vạch rõ cần phải chuẩn bị lực lượng để có thể đương đầu với mọi kẻ thù cùng một lúc.

6 – Đ: Hiệp ước Hoa – Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường: hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, hoặc hòa hoãn, nhân nhượng Pháp.

7 – Đ: Bản Tạm ước ngày 14 – 9 – 1946 đã tạo điều kiện cho ta có thêm thời gian xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước và cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

BÀI TẬP 3

Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với nội dung sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây:

Trả lời

Thời gian	**Sự kiện lịch sử**
5 – 1945	Việt Nam Giải phóng quân được thành lập.
8 – 9 – 1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ, là cơ quan chuyên lo việc chống "giặc dốt".
2 – 9 – 1945	Thực dân Pháp xả súng vào nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn trong cuộc mít tinh chào mừng "Ngày Độc lập".
6 – 9 – 1945	Đế quốc Anh với danh nghĩa quân Đồng minh đến Sài Gòn, kéo theo sau là một đại đội quân Pháp.

Đêm 22 rạng sáng ngày 23 – 9 – 1945	Thực dân Pháp với sự hỗ trợ của quân Anh cho quân đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.
5 – 10 – 1945	Tướng Lơ-cơ-léc đến Sài Gòn cùng với nhiều đơn vị bộ binh và xe bọc thép mới từ Pháp sang tăng viện.
28 – 2 – 1946	Thực dân Pháp điều đình với Chính phủ Trung Hoa dân quốc, kí Hiệp ước Hoa – Pháp.

BÀI TẬP 4

Hãy nối ô bên trái với ô bên phải sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Trả lời

1 – c	3 – đ
2 – a	4 – b và d

BÀI TẬP 5

Hãy hoàn thành bảng thống kê dưới đây về thành tích bước đầu của công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

Trả lời

Lĩnh vực	Thành tích
Chính trị –Quân sự	– Ngày 6 – 1 – 1946 , tiến hành bầu cử Quốc hội thành công hơn 90% cử tri cả nước đi bầu. – Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua. – Các địa phương ở Bắc Bộ và Trung Bộ cũng tiến hành bầu c Hội đồng nhân dân và thành lập Ủy ban hành chính các cấp. – Xây dựng các lực lượng vũ trang bao gồm cả Việt Nam Giả phóng quân và các lực lượng dân quân tự vệ.
Kinh tế – tài chính	– Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, Bác, cả nước dấy lên mộ phong trào thi đua sản xuất, nông nghiệp nhanh chóng đượ phục hồi, nạn đói được đẩy lùi một bước. – Nhân dân đã đóng góp được 370 kg vàng, 20 triệu đồng v "Quỹ độc lập", 40 triệu đồng, "Quỹ đảm phụ quốc phòng". Đế năm 1946, Nhà nước căn bản cân bằng thu chi. – Ngày 23 – 11 – 1946, tiền Việt Nam được lưu hành trong c nước thay cho tiền Pháp trước đây.
Văn hóa – giáo dục	– Cuối năm 1946, đã xóa nạn mù chữ cho 2,5 triệu người; xâ dựng nếp sống văn hóa mới; nền văn học, nghệ thuật, báo ch cách mạng với những nội dung mới nhằm phục vụ Tổ quố được phát triển chưa từng có so với trước.

BÀI TẬP 6

1. Tại sao nói: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước ta đứng trước ình thế "ngàn cân treo sợi tóc" ?

Trả lời

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, bên cạnh những thuận lợi cơ bản hì nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng gặp rất nhiều khó khăn:

a. Thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

+ Nhân dân ta đã giành được độc lập, tự do, có chính quyền trong tay, ự mình làm chủ vận mệnh.

+ Chúng ta có Đảng Cộng sản, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

+ Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới lên cao, nhiều nước xã hội chủ nghĩa ra đời, cổ vũ cách mạng nước ta.

b. Những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

+ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ vừa mới ra đời đã phải đối phó với nhiều kẻ thù. Quân đội của các thế lực đế quốc và phản động quốc ế trong phe Đồng minh, dưới danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật đã kéo vào nước ta với những âm mưu rất thâm độc:

Ở phía Bắc vĩ tuyến 16, là 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc kéo theo các tổ chức phản động Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) nhằm lật đổ chính quyền cách mạng của nhân dân ta, thành lập chính quyền tay sai. Ở phía Nam vĩ tuyến 16, cũng với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật, hơn một vạn quân đội Anh vào chiếm đóng, ra sức mở đường cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước a lần thứ hai.

Được sự ủng hộ của quân Anh, ngày 2 – 9 – 1945, quân Pháp đã xả súng bắn vào đồng bào ta đang mít tinh mừng Ngày Độc lập ở Sài Gòn. Ngày 23 – 9 – 1945, quân Pháp đã tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước a lần thứ hai.

Trên đất nước ta lúc này lại còn khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp, trong đó có một bộ phận theo lệnh của đế quốc Anh đánh lại lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.

Lợi dụng sự chiếm đóng của quân Trung Hoa dân quốc, Anh, Pháp, Nhật trên đất nước ta, các thế lực phản động ở trong nước nổi dậy hoạt động chống phá.

+ Chính quyền cách mạng mới ra đời, chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non yếu, trang bị thô sơ thiếu kinh nghiệm chiến đấu.

+ Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, thiên tai liên tiếp xảy ra. Hậu quả nạn đói do Nhật –

Pháp gây ra cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn chưa được khắc phục thì nguy cơ nạn đói mới xuất hiện, đe doạ nghiêm trọng đời sống của nhân dân. Lụt lội, hạn hán kéo dài làm cho đồng ruộng không cày cấy được. Các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi được sản xuất. Hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt...

+ Về tài chính, ngân sách nhà nước lúc này hầu như trống rỗng, chính quyền cách mạng chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương. Quân Trung Hoa dân quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho tài chính nước ta thêm rối loạn.

+ Các tệ nạn xã hội cũ cùng với di sản văn hoá do chế độ thực dân phong kiến để lại hết sức tai hại, đặc biệt là hơn 90% dân ta không biết chữ.

Như vậy, khó khăn của ta lúc này là rất lớn, đã trực tiếp đe doạ đến sự tồn tại của nhà nước cách mạng, đặt nước ta trong tình trạng "Ngàn cân treo sợi tóc".

Tình hình trên đặt ra một yêu cầu cấp bách trước mắt cho toàn Đảng, toàn dân ta là phải bảo vệ nền độc lập, tự do, bảo vệ chính quyền cách mạng vừa giành được.

2. Trình bày đối sách của Đảng và Chính phủ ta nhằm chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ chính quyền, giữ gìn độc lập dân tộc.

Trả lời

a. Đối sách của chính quyền cách mạng trong việc xây dựng chế độ mới

+ Ngày 6 – 1 – 1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước thắng lợi. Kết quả, gần 90% cử tri đã đi bỏ phiếu, mặc cho Pháp và bọn phản động ra sức ngăn cản. Trong cả nước đã bầu được 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Ngày 2–3–1946, Quốc hội thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp chính thức của Nước Việt Nam mới, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và lập ra Ban dự thảo Hiếp pháp.

+ Tiếp đó, ở khắp các địa phương tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo phổ thông đầu phiếu.

+ Ngày 9 – 11 – 1946, Hiếp pháp đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua.

Những thắng lợi trên, trong đó đặc biệt là cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội có ý nghĩa to lớn, đã giáng một đòn mạnh vào âm mưu chia rẽ, lật đổ và xâm lược của đế quốc và tay sai, nâng cao uy tín của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên trường quốc tế, tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc của một nhà nước cách mạng để thực hiện nhiệm vụ đối nội, đối ngoại trong thời kỳ mới đầy chông gai thử thách.

+ Về quân sự, các đội tự vệ được củng cố và mở rộng, các đơn vị Việt Nam Giải phóng quân trong Cách mạng tháng Tám được mở rộng và đổi hành Vệ quốc đoàn (9–1945). Đến giữa năm 1946, Vệ quốc đoàn đổi thành Quân đội Quốc gia Việt Nam.

+ Để tăng cường đoàn kết lực lượng dân tộc, bên cạnh mặt trận Việt Minh, ngày 29 – 5 – 1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam được thành ập, đề ra chính sách đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước, đồng bào yêu ước không phân biệt tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc....

b. Đối sách của Đảng và Chính phủ trong việc diệt giặc đói, giặc dốt và ạn tài chính khan hiếm

+ Đối với giặc đói là nhiệm vụ cấp bách, Chính phủ đã đề ra những biện háp trước mắt như tổ chức dân quyên góp với tinh thần “nhường cơm sẻ áo”. Lời kêu gọi tha thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và việc tự mình làm ương đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phong trào cứu đói đạt hiều kết quả. Đồng bào cả nước đã phát huy mọi sáng kiến để cứu đói như ập “Hũ gạo cứu đói”, “Ngày đồng tâm”. Chính phủ đã tích cực điều hoà thóc ạo giữa các địa phương trong toàn quốc, ra sắc lệnh nghiêm trị những kẻ ầu cơ, tích trữ thóc gạo.

Mặt khác, để giải quyết căn bản nạn đói, Chính phủ còn đề ra biện háp lâu dài là “Tăng gia sản xuất”. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi “Tăng ia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa!”. Chính phủ ách mạng ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác của chế ộ cũ, ra thông tư giảm tô 25%, giảm thuế ruộng đất 20%,....

Kết quả là nhờ những biện pháp trên, sản xuất nông nghiệp nhanh hóng được phục hồi, nạn đói bị đẩy lùi. Đây là một thắng lợi lớn của chính uyền dân chủ nhân dân.

+ Đối với nạn tài chính khan hiếm, trước mắt Chính phủ phát động ‘Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập”... nhằm động viên sự đóng góp của đồng bào toàn quốc ủng hộ nền độc lập của đất nước. Chỉ trong thời gian ngắn nhân ân đã tự nguyện góp được 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập, 40 triệu đồng cho Quỹ đảm phụ quốc phòng.

Mặt khác, về lâu dài để ổn định nền tài chính, Chính phủ đã phát hành tiền mới và tổ chức thuế khoá. Ngày 23–11–1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

+ Đối với giặc dốt, ngày 8–9–1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh thành lập “Nha Bình dân học vụ” để phụ trách xoá nạn mù chữ. Đồng thời trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng. Kết quả, trong thời gian một năm trên toàn quốc đã tổ chức gần 76.000 lớp học và hơn 2,5 triệu người biết đọc, biết viết. Tiếng Việt được dùng giảng dạy trong các trường phổ thông và đại học.

Chiến thắng giặc dốt không chỉ góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, đẩy lùi từng bước các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống mới, mà còn tạo điều kiện cho nhân dân phát huy được quyền làm chủ.

Như vậy, để bước đầu xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, Đảng ta, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thi hành nhiều biện pháp. Kết quả của các biện pháp đó đã tạo ra sức mạnh tổng hợp để đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.

4. Nêu ý nghĩa của việc bảo vệ được chính quyền và giữ vững độc lập trong giai đoạn lịch sử này đối với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Trả lời

+ Các biện pháp giải quyết khó khăn nhằm phục vụ quyền lợi của nhân dân lao động, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới.

+ Xây dựng được khối công nông liên minh vững chắc, làm cho nhân dân tin tưởng gắn bó với chính quyền mới.

+ Thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc ta.

+ Tạo ra sức mạnh tổng hợp để đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

BÀI 21

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Ngày 18 và ngày 19 tháng 12 – 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đản họp tại:

Đáp án - A: Vạn Phúc (Hà Đông).

2. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã phát động cuộc khán chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xuất phát từ lí do chủ yếu là:

Đáp án - D: Nền độc lập, chủ quyền của đất nước bị đe dọa nghiêm trọng.

3. "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phá đi vào :

Đáp án - B: Tối 19 – 12 – 1946.

4. Các văn kiện hình thành đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp là:

Đáp án - D: Chỉ thị toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi toàn quốc khán chiến và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.

5. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng mục đích cuộc chiến đấu của toàn quân, toàn dân ta ở các đô thị:

Đáp án - D: Tiêu diệt sinh lực địch, kết thúc chiến tranh.

6. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng thực tế công cuộc chuẩn bị kháng chiến lâu dài của ta từ sau cuộc chiến đấu ở các đô thị?

Đáp án - D: Tiếp tục tổ chức lực lượng đánh địch ở các đô thị.

7. Ý nào dưới đây **không** phải là âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc trong thu – đông năm 1947?

Đáp án - D: Cô lập căn cứ địa Việt Bắc với các Liên khu III, IV.

8. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947 là:

Đáp án - D: Đánh bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta, đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới.

9. Sau thất bại ở Việt Bắc, thực dân Pháp thực hiện âm mưu:

Đáp án - D: Đánh lâu dài, dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

10. Cải cách giáo dục lần thứ nhất ở nước ta được thực hiện năm:

Đáp án - B: 1950.

11. Ý nào dưới đây **không** phải là thuận lợi của cuộc kháng chiến khi bước sang năm 1950?

Đáp án - A: Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

12. Ý nào dưới đây **không** phải là nội dung trong kế hoạch Rơ-ve (1950) của thực dân Pháp?

Đáp án - D: Tăng cường những cuộc hành quân, càn quét bắt người, cướp của.

13. Ý nào sau đây **không** phải là mục tiêu của ta khi mở chiến dịch Biên giới?

Đáp án - B: Giam chân địch ở vùng rừng núi, tạo điều kiện cho quân ta mở các đợt tiến công lớn ở vùng đồng bằng.

14. Kết quả của chiến dịch Biên giới là:

Đáp án - D: Hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra.

15. Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 là :

Đáp án - D: Ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

BÀI TẬP 2

Điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước mỗi câu dưới đây:

1 – Đ: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta là kháng chiến toàn dân vì toàn dân tham gia kháng chiến.

2 – Đ: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta là kháng chiến toàn diện vì ta phải đánh địch trên tất cả các mặt trận.

3 – S: Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" là của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4 – Đ: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta là cuộc kháng chiến lâu dài vì lúc đầu địch mạnh, ta yếu.

5 – Đ: Đường lối kháng chiến chống Pháp của ta là tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

6 – S: Mục tiêu của ta trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 là giam chân địch, bao vây căn cứ của địch, cắt đứt giao thông liên lạc giữa các căn cứ; giữ gìn chủ lực, nhằm chỗ yếu của địch đánh những trận tiêu diệt.

7 – S: Mục tiêu của ta trong chiến dịch Việt Bắc là đánh những trận vang dội, tiêu diệt sinh lực địch.

8 – Đ: Sở dĩ Đảng ta đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh... là do cuộc kháng chiến của nhân dân ta là chính nghĩa, vì độc lập dân tộc.

BÀI TẬP 3

Hãy điền những kiến thức phù hợp vào chỗ chấm (...) cho đúng với nội dung, ý nghĩa "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trả lời

1. Chúng ta muốn hòa bình, *chúng ta phải nhân nhượng* nhưng chúng ta *càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới,* vì chúng *quyết tâm cướp nước ta lần nữa.*

2. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, *chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.*

3. Bất kì đàn ông, đàn bà, *bất kì già trẻ*, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải *đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.*

4. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến là lời hịch *kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược.*

5. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phác họa một cách cơ bản tư tưởng, đường lối chiến tranh *toàn dân, toàn diện, trường kì.*

BÀI TẬP 4

Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với các sự kiện trong bảng dưới đây.

Trả lời

Thời gian	Sự kiện
12 – 12 – 1946	Ban hành Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến".
Tối 19 – 12 – 1946	Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến".
9 – 1947	Xuất bản tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi".
7 – 10 – 1947	Thực dân pháp tấn công lên Việt Bắc.
19 – 12 – 1947	Chiến dịch Việt Bắc kết thúc.
1948	Hội nghị văn hóa toàn quốc.
1950	Cải cách giáo dục lần thứ nhất.
16 – 9 – 1950	Đánh Đông Khê, mở màn chiến dịch Biên giới.
22 – 10 – 1950	Chiến dịch Biên giới kết thúc.

BÀI TẬP 5

Hoàn thành bảng dưới đây để thấy rõ chủ trương tổ chức, xây dựng lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài của Đảng từ năm 1946 đến năm 1950.

Trả lời

Mặt trận	Chủ trương
Chính trị	– Chuyển các Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến hành chính. – Thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.
Quân sự	– Quy định công dân Việt Nam từ 18 đến 45 tuổi được tham gia tuyển chọn vào các lực lượng chiến đấu.
Kinh tế	– Đề ra các chính sách để duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực.
Văn hóa	– Tiếp tục duy trì, phát triển phong trào bình dân học vụ; trường trung học phổ thông các cấp vẫn tiếp tục dạy – học trong hoàn cảnh chiến tranh.

BÀI TẬP 6

Vì sao Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược?

Trả lời

– Ta muốn hòa bình, xây dựng đất nước, ta đã kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946) và Tạm ước (14 – 9 – 1946).

– Thực dân Pháp bội ước, ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước, liên tiếp gây ra các hoạt động khiêu khích và xâm lược ngày càng trắng trợn:

+ Ngày 20 – 11 – 1946, chúng giành quyền thu thuế với ta ở cảng Hải Phòng, rồi gây xung đột vũ trang với bộ đội ta; sau đó chúng đánh chiếm các vị trí quan trọng ở thành phố cảng.

+ Cũng trong tháng 11 – 1946, thực dân Pháp khiêu khích tiến công ta ở Lạng Sơn. Tháng 12 – 1946, chúng chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, đưa thêm viện binh đến Hải Phòng.

+ Ở Hà Nội, từ trung tuần tháng 12 – 1946, hành động xâm lược của thực dân Pháp hết sức nghiêm trọng: chúng gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún và Yên Ninh, cho quân đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính. Ngày 18 – 12 chúng liên tiếp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tụ vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng, đồng thời chúng còn đe dọa: nếu ta không chấp nhận thì ngày 20 – 12, chúng sẽ hành động.

– Những hành động của thực dân Pháp đã làm cho nền độc lập, chủ quyền của nước ta bị đe dọa nghiêm trọng. Trong hoàn cảnh ấy, nhân dân ta chỉ có một con đường cứu nước duy nhất là phải cầm vũ khí tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

– Để bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền của đất nước, thể theo nguyện vọng của toàn dân, tại cuộc họp trong hai ngày 18 – 19 tháng 12 – 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trong cả nước.

BÀI TẬP 7

Hãy phân tích nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.

Trả lời

Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta được thể hiện thông qua các văn kiện: *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Ch Minh (19 – 12 – 1946), Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Thường vụ Trung ương Đảng (12 – 12 – 1946) và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợ* (9 – 1947) của Tổng Bí thư Trường Chinh.

Đường lối đó là: toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

+ *Kháng chiến toàn dân*: là toàn dân kháng chiến, trong đó lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đường lối này xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc; mục đích của cuộc kháng chiến; quan điểm "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác – Lê nin; tư tưởng "chiến tranh nhân dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chu rương "kháng chiến toàn diện" của Đảng ta. Muốn phát huy sức mạnh của oàn dân kháng chiến phải đánh lâu dài, muốn có lực lượng để đánh lâu lài, phải huy động lực lượng toàn dân. Có toàn dân tham gia mới thực hiện lược kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.

+ *Kháng chiến toàn diện*: bao gồm các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, ăn hóa, ngoại giao. Phải kháng chiến toàn diện vì địch đánh ta toàn diện ên ta phải chống chúng toàn diện. Ta vừa "kháng chiến" vừa "kiến quốc" ức là xây dựng chế độ mới nên phải xây dựng toàn diện. Mặt khác, thông ua những hình thức của cuộc kháng chiến toàn diện mới tạo được điều iện cho toàn dân tham gia kháng chiến tùy theo khả năng của mình.

+ *Kháng chiến trường kì* (đánh lâu dài): Đây là một chủ trương sáng uốt của Đảng ta dựa trên sự vận dụng chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào oàn cảnh của nước ta một cách khoa học. Đồng thời kế thừa, phát huy ruyền thống của dân tộc "lấy yếu chống mạnh", "lấy chính nghĩa để hắng hung tàn". Mặt khác, vì so sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch hênh lệch, địch mạnh hơn ta về quân sự, kinh tế, ta chỉ mạnh hơn địch ề tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, chúng ta phải có thời gian để huyển hóa lực lượng, làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh, iến lên đánh bại địch.

+ *Tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế*: Đảng ta đề ra chủ rương này vì ta hiểu rõ mối quan hệ giữa các yếu tố chủ quan và khách uan, trong đó yếu tố chủ quan giữ vai trò quyết định nhất. Bởi vì có nỗ lực hủ quan mới phát huy được hết sức mạnh của mình, mặc dù ta vẫn coi rọng yếu tố hỗ trợ bên ngoài.

Đường lối kháng chiến của Đảng nhằm phát huy sức mạnh toàn dân, oàn diện của dân tộc, khắc phục những nhược điểm về vật chất, kĩ thuật, ừa đánh vừa bồi dưỡng sức dân, làm cho ta càng đánh càng mạnh để cuối ùng giành thắng lợi hoàn toàn.

ÀI TẬP 8

Căn cứ vào âm mưu, kế hoạch xâm lược của thực dân Pháp để lí giải tại ao cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược diễn ra trước tiên ở các đô thị. êu những nét chính về diễn biến và tác dụng của cuộc chiến đấu ở các đô hị phía Bắc vĩ tuyến 16.

Trả lời

a. Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược diễn ra trước tiên ở các đô thị

+ Cuộc kháng chiến trước hết diễn ra ở Hà Nội và các đô thị do âm mưu ủa thực dân Pháp định đánh úp cơ quan đầu não của ta, tiêu diệt chủ lực ủa ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

+ Mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, quân và dân ta chủ động tiến công quân Pháp trong các đô thị nhằm bao vây, giam chân địch một thời gian dài để tạo điều kiện cho cả nước chuyển vào kháng chiến lâu dài.

b. Những nét chính về diến biến của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

+ Cuộc chiến đấu diễn ra đầu tiên ở Hà Nội vào đêm ngày 19 – 12 – 1946. Với thái độ điềm tĩnh, tự tin, quyết thắng giặc Pháp xâm lược, quân và dân thủ đô bước vào cuộc chiến đấu trong điều kiện so sánh lực lượng giữa hai bên hết sức chênh lệch. Cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt giữa ta và địch, nhất là ở Bắc Bộ Phủ, đầu cầu Long Biên, ga Hàng Cỏ, khu chợ Đồng Xuân,...

+ Sau gần hai tháng chiến đấu giam chân địch trong thành phố, đến ngày 17 – 2 – 1947, Trung đoàn Thủ đô (Trung đoàn chủ lực đầu tiên được thành lập trong quá trình chiến đấu và chiến thắng) đã vượt khỏi vòng vây địch, trở về căn cứ an toàn. Trong thời gian đó, từ ngày 19 – 12 – 1946 đến ngày 17 – 2 – 1947, quân và dân Hà Nội đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch một thời gian dài trong thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển các kho tàng, công xưởng và bảo vệ an toàn cho Trung ương Đảng, Chính phủ trở lại căn cứ địa Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Tại các thành phố Nam Định, Huế, Đà Nẵng,... quân và dân ta chủ động tiến công, bao vây, giam chân địch suốt hai, ba tháng, sau đó rút lui về căn cứ, tổ chức kháng chiến lâu dài.

+ Phối hợp với cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, quân và dân ta ở các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ đẩy mạnh chiến tranh du kích, giam chân địch, không cho chúng đem quân ra phía Bắc.

c. Tác dụng của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

+ Làm tiêu hao một phần lực lượng quân Pháp; kìm chân giặc, tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

+ Chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp bước đầu b phá sản.

BÀI TẬP 9

Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 diễn ra như thế nào? Hãy phân tích ý nghĩa của chiến thắng đó.

Trả lời

a. Diễn biến

Để thực hiện âm mưu, Pháp đã huy động 12. 000 quân tinh nhuệ, gồm cả thủy, lục và không quân cùng hầu hết các máy bay ở Đông Dương, chia làm ba cánh quân tấn công lên Việt Bắc.

– Ngày 7 – 10 – 1947, một binh đoàn quân dù nhảy dù chiếm đóng thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Đồn, Chợ Mới. Cùng ngày, một binh đoàn cơ giới từ Lạng Sơn ngược Đường số 4, đánh lên Cao Bằng, vòng xuống Bắc Cạn, bao vây mặt sau của căn cứ Việt Bắc.

– Ngày 9 – 10, một binh đoàn hỗn hợp lính bộ và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, Chiêm Hóa, đánh vào Đài Thị, bao vây phía tây Việt Bắc.

– Ngày 15 – 10, Đảng ra Chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp"; quyết định tập trung lực lượng đánh địch trên cả ba mặt trận.

+ Ở Bắc Cạn, quân ta đã chủ động bao vây và tiến công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn... buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã cuối tháng 11 – 1947.

+ Ở mặt trận Đường số 4 (phía đông), ta đánh nhiều trận phục kích, tiêu biểu là trận đèo Bông Lau (30 – 10), phá hủy nhiều xe, thu nhiều vũ khí, diệt nhiều lực lượng địch. Đường số 4 trở thành "con đường chết", địch ở vào thế bị động.

+ Ở mặt trận sông Lô – Chiêm Hóa (phía tây), ta tổ chức hàng chục trận đánh, tiêu biểu là các trận Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau, đánh chìm nhiều tàu chiến, ca nô, diệt nhiều tên địch. Như vậy hai gọng kìm Đông và Tây của địch đã bị ta bẻ gãy.

– Phối hợp với chiến dịch Việt Bắc, ở các chiến trường khác trên toàn quốc, quân ta cũng đẩy mạnh hoạt động, kiềm chế không cho chúng đưa quân tiếp viện lên Việt Bắc.

– Ngày 19 – 12 – 1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc. Chiến dịch kết thúc.

b. Ý nghĩa

+ Là cuộc phản công lớn của ta, đánh bại chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

+ Chiến thắng Việt Bắc nói lên sự trưởng thành vượt bậc của quân và dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tiến công quân sự lớn của địch.

BÀI TẬP 10

Tại sao đến năm 1950, Đảng ta quyết định mở chiến dịch Biên giới? Trình bày diễn biến của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 và phân tích ý nghĩa của chiến thắng.

Trả lời

a. Đảng ta quyết định mở chiến dịch Biên giới

+ Sau chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947, cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục phát triển đi lên, lực lượng kháng chiến của ta trưởng thành về mọi mặt.

+ Trong khi đó, hoàn cảnh quốc tế cũng có nhiều chuyển biến thuận lợi cho ta: cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1 – 10 – 1949), tạo điều kiện cho cách mạng Việt Nam tiếp xúc trực tiếp với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Từ tháng 1 – 1950, các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta; phong trào kháng chiến ở Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh, buộc Pháp phải phân tán lực lượng đối phó,...

+ Bên cạnh đó ta cũng gặp không ít những khó khăn: đế quốc Mĩ can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Nhờ sự giúp sức của Mĩ, Pháp thông qua kế hoạch Rơ-ve, với âm mưu là: tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập hành lang Đông – Tây (Hải Phòng – Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La) hòng cắt đứt con đường liên lạc giữa Việt Bắc với đồng bằng Liên khu III và IV; chuẩn bị kế hoạch tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai, để nhanh chóng kết thúc chiến tranh..

+ Xuất phát từ bối cảnh lịch sử trên, để đưa cuộc kháng chiến tiến sang giai đoạn mới, tháng 6 – 1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm ba mục đích: tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; khai thông biên giới Việt – Trung để mở rộng con đường liên lạc với quốc tế; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo đà thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

b. Diễn biến của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950

+ Ngày 16 – 9 – 1950, mở màn ta đánh Đông Khê và nhanh chóng giành thắng lợi. Mất Đông Khê, quân địch ở Thất Khê bị uy hiếp, số địch còn lại ở Cao Bằng bị cô lập.

+ Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch thực hiện kế hoạch: rút quân khỏi Cao Bằng theo Đường số 4; cho một cánh quân từ Thất Khê lên Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng về; đồng thời cho cánh quân đánh lên Thái Nguyên để thu hút bớt chủ lực của ta.

+ Ta đã kiên trì mai phục, chặn đánh địch, khiến cho hai cánh quân của chúng không gặp được nhau. Quân địch hoảng loạn phải rút quân khỏi nhiều vị trí quan trọng trên Đường số 4. Cùng thời gian trên, cuộc tấn công lên Thái Nguyên của Pháp cũng bị đập tan.

+ Ngày 22 – 10 – 1950, Pháp buộc phải cho quân rút khỏi Đường số 4.

+ Phối hợp với mặt trận Biên giới, quân ta hoạt động mạnh ở tả ngạn sông Hồng, Tây Bắc, Đường số 6, số 12, bộc địch phải rút quân khỏi thị xã Hòa Bình (4 – 11 – 1950). Phong trào du kích phát triển mạnh ở Bình – Tr – Thiên, Liên khu V và Nam Bộ.

c. Ý nghĩa của chiến dịch

+ Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi, nó lên sự trưởng thành nhiều mặt của quân đội ta.

+ Với chiến thắng Biên giới năm 1950, con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông, quân đội ta đã trưởng thành về nhiều mặt.

+ Từ sau chiến dịch Biên giới, quân và dân ta đã giành được quyền chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Ngược lại, địch bị đẩy vào thế bị động phải đối phó với ta, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp: từ sau năm 1950, quân và dân ta liên tiếp mở các cuộc tấn công, còn Pháp phải bị động đối phó.

BÀI TẬP 11

Hãy so sánh chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 và chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 theo yêu cầu của bảng dưới đây và nêu nhận xét.

Trả lời

Nội dung so sánh	**Chiến dịch Việt Bắc**	**Chiến dịch Biên giới**
Thế và lực của ta	Địch tấn công, ta phản công lại thắng lợi.	Ta chủ động tấn công địch.
Chiến thuật đánh địch	Ta đánh kiểu du kích ngắn ngày.	Đánh điểm diệt viện.
Kết quả, ý nghĩa	+ Sau hơn hai tháng chiến đấu, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 6.000 tên, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến và ca nô; giữ vững căn cứ, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não và quân chủ lực. + Đây là cuộc phản công lớn của ta; ta đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.	+ Chiến dịch Biên giới kết thúc, thắng lợi thuộc về ta. Ta đã loại hơn 8.000 tên địch; khai thông vùng biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập dài 750 km với 35 vạn dân; chọc thủng hành lang Đông – Tây của Pháp. Thế bao vây của địch cả trong và ngoài đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ. Kế hoạch Rơ-ve bị phá sản. + Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi, nói lên sự trưởng thành nhiều mặt của quân đội ta. Với chiến thắng Biên giới, con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông; quân đội ta đã trưởng thành, ta giành được quyền chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), địch bị đẩy vào thế bị động đối phó, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Nhận xét: Từ chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947 đến chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 là một bước phát triển mới của cuộc kháng chiến, quyền chủ động trên chiến trường chính đã về tay chúng ta.

BÀI 22

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 – 1953)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Việc làm thể hiện Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương từ sau chiến dịch Biên giới là:

   Đáp án - C: Kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương và kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ.

2. Mưu đồ của Pháp và Mĩ từ sau chiến dịch Biên giới là:

   Đáp án - D: Pháp cầu xin viện trợ của Mĩ để tiếp tục chiến tranh, Mĩ tích cực giúp Pháp nhằm ràng buộc và từng bước hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương làm thuộc địa kiểu mới.

3. Ý nào sau đây **không** nằm trong nội dung kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi?

   Đáp án - C: Tiến quân lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến.

4. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 – 1951) được tổ chức tại:

   Đáp án - C: Chiêm Hóa (Tuyên Quang).

5. Ý nào dưới đây **không** phải là nội dung Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng?

   Đáp án - C: Thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, phụ nữ...

6. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng ta có ý nghĩa lịch sử quan trọng là:

   Đáp án - D: đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, thúc đẩy kháng chiến tiến lên.

7. Để xây dựng hậu phương về chính trị, Đảng ta đã thực hiện:

   Đáp án - D: Cả A, B, C đều đúng.

8. Những chính sách của Đảng về chính trị có tác dụng:

   Đáp án - D: Tăng cường khối đoàn kết toàn dân, tình đoàn kết giữa ba dân tộc Đông Dương và động viên tinh thần lao động sáng tạo của nhân dân.

9. Ý nào dưới đây **không** phải là chính sách kinh tế của Đảng từ năm 1951 đến năm 1953?

Đáp án - C: Ra sắc lệnh giảm tô 25%, giảm tức, hoãn nợ, xóa nợ.

0. Bảy anh hùng được bầu trong Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (5 – 1952) là:

Đáp án - C: Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh.

BÀI TẬP 2

Điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước mỗi câu dưới đây:

Trả lời

1 – Đ: Sau chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang thời kì mới – thời kì giữ vững và phát triển quyền chủ động trên chiến trường chính.

2 – Đ: Sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, để giành lại quyền chủ động đã mất, thực dân Pháp đề ra kế hoạch quân sự mới – kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi.

3 – Đ: Năm 1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành một mặt trận duy nhất lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

4 – Đ: Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào thành lập đã tăng cường hơn nữa tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

5 – Đ: Sau năm 1950, ta tiếp tục cải cách giáo dục theo ba phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, sản xuất, gắn nhà trường với xã hội.

6 – S: Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tục mở ba chiến dịch: Trần Hưng Đạo, Hòa Bình, Hoàng Hoa Thám.

7 – S: Chiến thắng Hòa Bình là thắng lợi của nghệ thuật phối hợp chiến đấu giữa chiến trường chính với chiến trường cả nước.

8 – Đ: Tờ báo Nhân dân – Cơ quan ngôn luận của Đảng ra đời năm 1952.

9 – S: Sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 đến xuân – hè năm 1953, quân dân ta đã mở liên tiếp 6 chiến dịch tiến công để giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

BÀI TẬP 3

Hãy điền mốc thời gian phù hợp với nội dung lịch sử ở cột bên phải.

Trả lời

Thời gian	**Nội dung lịch sử**
Từ ngày 11 đến 19 – 2 – 1951	Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.
Từ ngày 3 đến 7 – 3 – 1951	Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt.

11 – 3 – 1951	Thành lập Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.
Đông – xuân 1951 – 1952	Chiến dịch Hòa Bình.
1 – 5 – 1952	Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất.
Thu – đông 1952	Chiến dịch Tây Bắc.
Đầu năm 1953	Phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.
Xuân – hè 1953	Chiến dịch Thượng Lào.

BÀI TẬP 4

Hãy hoàn thành bảng dưới đây để thấy rõ các chính sách và thành tự trong xây dựng, phát triển hậu phương (1951 – 1953).

Trả lời

Lĩnh vực	**Chính sách – thành tựu**
Chính trị	+ Tháng 3 – 1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hộ Liên Việt thành một mặt trận duy nhất là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt). + Tháng 3 – 1951, thành lập Liên minh nhân dân Việt Miên – Lào (Việt Nam – Cam-pu-chia và Lào) + Tháng 5 – 1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gươn mẫu toàn quốc lần thứ nhất, biểu dương thành tích của phon trào thi đua yêu nước.
Kinh tế	+ Thực hiện triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất. Từ tháng 4 – 195 đến tháng 7 – 1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải các ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do Thái Nguyên, Thanh Hóa Đến cuối năm 1953, từ Liên khu IV trở ra, chính quyền các mạng đã tạm cấp cho nông dân 184. 000 hécta ruộng đất. + Đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm phục vụ kháng chiến Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV tr ra đã sản xuất được 2.757.000 tấn thóc và hơn 650.000 tấn ho màu; tự sản xuất được 3.500 tấn vũ khí, đạn dược, cung cấp tạ đủ cho bộ đội về thuốc men, quân trang, quân dụng,...
Văn hóa, giáo dục, y tế	+ Tiếp tục cuộc cải cách giáo dục thực hiện theo ba phươn châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sả xuất, gắn nhà trường với đời sống xã hội. Năm 1952, ở cá Liên khu Việt Bắc, III, IV và V đã có 1 triệu học sinh ph

	thông. Phong trào bình dân học vụ đạt kết quả tốt với khoảng 14 triệu người thoát nạn mù chữ,... + Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan ngày càng mang tính chất quần chúng rộng lớn. + Việc chăm lo sức khỏe cho nhân dân được coi trọng.

BÀI TẬP 5

Hãy trình bày âm mưu và hành động của đế quốc Pháp – Mĩ từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950. Những âm mưu, hành động có tác động như thế nào đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

Trả lời

a. Âm mưu và hành động của đế quốc Pháp – Mĩ từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

+ Sau thất bại ở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, Mĩ ngày càng can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Mĩ kí với Pháp "Hiệp định phòng thu chung Đông Dương", với mục đích từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương và kí với Bảo Đại "Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ" nhằm trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

+ Thực dân Pháp dựa vào viện trợ của Mĩ, cử Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi sang Đông Dương, vạch ra kế hoạch mới nhằm ổn định tình hình và giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, nhằm kết thúc chiến tranh.

b. Hành động của đế quốc Pháp – Mĩ từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

Ngày 6 – 12 – 1950, Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi được cử sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh, kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi đã đề ra kế hoạch mới nhằm kết thúc nhanh chiến tranh.

Kế hoạch bao gồm 4 điểm chủ yếu:

+ Gấp rút tập trung quân Âu – Phi nhằm xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển ngụy quân để xây dựng "quân đội quốc gia".

+ Xây dựng phòng tuyến quân sự bằng xi măng cốt thép (boong ke), thành lập "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ, nhằm ngăn chặn chủ lực của ta và kiểm soát việc đưa nhân tài, vật lực của ta ra vùng tự do.

+ Tiến hành "chiến tranh tổng lực", bình định vùng tạm chiếm, vơ vét sức người, sức của của nhân dân, để tăng cường lực lượng của chúng.

+ Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, kết hợp oanh tạc bằng phi pháo với chiến tranh tâm lí, chiến tranh kinh tế.

c. Tác động

Âm mưu và thủ đoạn mới của địch đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương lên quy mô lớn, làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta gặp nhiều khó khăn mới.

BÀI TẬP 6

Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng được tiến hành trong hoàn cảnh nào? Trình bày nội dung và ý nghĩa lịch sử của Đại hội.

Trả lời

a. Hoàn cảnh lịch sử

+ Tình hình trong nước và thế giới có nhiều chuyển biến mới, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trong đó trước mắt phải vạch ra đường lối đánh thắng thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, phải nêu rõ mục đích, nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở nước ta.

+ Đứng trước yêu cầu đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II được triệu tập từ ngày 11 đến ngày 19 – 2 – 1951 tại Vinh Quang, Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho 76 vạn đảng viên.

b. Nội dung Đại hội

+ Thông qua hai báo cáo quan trọng:

Báo cáo chính trị, do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày, đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng và khẳng định sự đúng đắn của đường lối chống Pháp của Đảng ta.

Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam của Tổng Bí thư Trường Chinh nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

+ Quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước một đảng Mác – Lê-nin riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định thành lập Đảng Lao động Việt Nam và đưa Đảng ra hoạt động công khai.

+ Thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới, quyết định thành lập báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận Trung ương của Đảng.

+ Bầu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh được bầu giữ chức Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

c. Ý nghĩa lịch sử

+ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển nới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, làm tăng thêm òng tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

+ Qua Đại hội, nhân dân thế giới hiểu thêm về cuộc đấu tranh của nhân lân Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam nhận được sự đồng tình, ủng ộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào công nhân quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiến lên, giành hững thắng lợi mới.

BÀI TẬP 7

Hãy chứng minh: Từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 đến rước đông – xuân 1953 – 1954, quân dân ta luôn giữ vững và phát triển hế chủ động đánh địch trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Trả lời

Sau chiến dịch Biên giới, quân ta chủ động mở nhiều chiến dịch tiến ông và phản công địch trên chiến trường chính Bắc Bộ, cả ở đồng bằng, rung du, rừng núi. Điều này được thể hiện ở một số sự kiện chủ yếu sau:

+ Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tục mở ba chiến lịch: Chiến dịch Trần Hưng Đạo (Trung du) đánh vào hệ thống phòng ngự ủa địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, diệt nhiều cứ điểm quan trọng; Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (Đường số 18) đánh vào các đồn bốt của địch từ Phả Lại, ua Đông Triều đến Uông Bí; Chiến dịch Quang Trung (Hà Nam Ninh) tiến ông địch tại khu vực phía Nam Liên khu III. Đây là những chiến dịch tiến ông quy mô lớn của quân ta đánh vào phòng tuyến kiên cố của địch ở trung u và đồng bằng, đã loại khỏi vòng chiến đấu nhiều sinh lực địch, phá vỡ ừng mảng kế hoạch bình định của chúng. Nhưng do địa bàn trung du và ồng bằng không có lợi cho ta, mà có lợi cho địch, nên kết quả của các hiến dịch còn hạn chế.

+ Tiếp tục thực hiện phương châm chiến lược "đánh chắc thắng" và phương hướng chiến dịch "tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu", ta chủ trương mở hiến dịch ở rừng núi:

+ Chiến dịch Hòa Bình: Tháng 11 – 1951, thực dân Pháp mở cuộc hành quân ra Hòa Bình nhằm nối lại hành lang Đông Tây, chia cắt Việt Bắc với Liên khu IV. Để tiêu diệt sinh lực địch, phá kế hoạch bình định của chúng ở đồng bằng Bắc Bộ và đẩy mạnh chiến tranh du kích, ta chủ động đón đánh địch ở mặt trận Hòa Bình. Sau hơn hai tháng chiến đấu ta đã giải phóng toàn bộ khu vực Hòa Bình – Sông Đà 2000 km^2 với 15 vạn dân, các căn cứ du kích được mở rộng. Chiến thắng Hòa Bình đã thể hiện nghệ thuật chỉ đạo phối hợp chiến đấu giữa mặt trận chính diện và mặt trận sau lưng địch.

+ Thu – đông 1952, Đảng ta quyết định mở chiến dịch Tây Bắc, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng dân, đất đai. Chiến dịch kết thúc thắng lợi, ta đã giải phóng 28.500 km^2 với 25 vạn dân gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản)... phá một phần âm mưu lập "xứ Thái tự trị" của địch, nối liền với căn cứ địa Việt Bắc ở phía Đông và Thượng Lào ở phía Tây, tạo thành thế chiến lược liên hoàn mới cho ta.

+ Xuân – hè 1953, phối hợp với quân dân Lào, ta mở chiến dịch Thượng Lào nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào. Sau hơn một tháng chiến đấu (4 – 1953 đến 5 – 1953) chiến dịch thắng lợi, ta giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xalì với trên 30 vạn dân. Chiến thắng này đã tạo điều kiện đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

Như vậy, từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 đến giữa năm 1953, quân dân ta đã giữ vững và phát huy thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, chuẩn bị cho chiến dịch lớn hơn, giành thắng lợi quyết định, kết thúc kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

BÀI TẬP 8

Hãy phân tích tác dụng của các chính sách và thành tựu trong xây dựng phát triển hậu phương từ năm 1951 đến năm 1953 đối với cuộc kháng chiến.

Trả lời

a. Về chính trị

+ Tháng 3 – 1951, Đại hội toàn quốc đã thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt). Mặt trận Liên Việt ra đời đã làm cho khối đoàn kết toàn dân tộc ngày càng lớn mạnh.

+ Tháng 3 – 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của nhau. Sự kiện này đã giáng một đòn vào âm mưu chia rẽ của địch và mở ra bước phát triển mới cho nhân dân ba nước Đông Dương, tăng cường tình đoàn két giữa ba dân tộc anh em trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

+ Phong trào thi đua yêu nước ngày càng ăn sâu vào, lan rộng trong các ngành, các giới. Năm 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I được tổ chức, đã bầu chọn được 7 anh hùng và hàng chục chiến sĩ thi đua toàn quốc tiêu biểu cho các ngành công, nông, binh, trí thức. Sự kiện này đã cổ vũ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến, kiến quốc

b. Về kinh tế

+ Đẩy mạnh cuộc đấu tranh kinh tế với địch nhằm phá chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của chúng. Ở các vùng sau lưng địch, nhân dân đấu tranh chống địch càn quét, phá hoại mùa màng, cướp lúa gạo. Ở vùng tự do nhân dân vừa chiến đấu chống máy bay địch ném bom, bắn phá đê điều, vừa đấu tranh chống sự xâm nhập kinh tế của địch.

+ Tiếp tục xây dựng và phát triển nền kinh tế tự chủ: năm 1952, Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm, đã lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia. Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra đã sản xuất được 2.757.000 tấn thóc và 650.000 tấn hoa màu.

+ Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Năm 1953 ta sản xuất được 3.500 tấn vũ khí đạn dược, cung cấp tạm đủ cho bộ đội về thuốc men, quân trang, quân dụng.

+ Đề ra các chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế, xây dựng nền tài chính ngân hàng, thương nghiệp, giữa năm 1951, ban hành sắc lệnh thành lập mậu dịch quốc doanh, sắc lệnh về thuế nông nghiệp, thuế công thương và thuế xuất nhập khẩu, thuế hàng hóa; tháng 6 – 1951, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam ra đời và phát hành tiền mới.

c. Về vấn đề bồi dưỡng sức dân

+ Năm 1953, Đảng và Chính phủ đã ra quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

+ Từ tháng 4 – 1953 đến tháng 7 – 1954, thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do Thái Nguyên, Thanh Hóa. Đến cuối năm 1953, từ Liên khu IV trở ra, ta cấp cho nông dân 184.000 héc ta ruộng đất, góp phần cải thiện một phần đời sống, khiến họ hăng hái sản xuất, tích cực đóng góp cho tiền tuyến.

d. Về văn hóa, giáo dục

+ Tiếp tục cuộc cải cách giáo dục, thực hiện ba phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất, gắn nhà trường với đời sống xã hội. Kết quả, năm 1952, ở các Liên khu Việt Bắc, Khu III, Khu IV đã có trên 1 triệu học sinh phổ thông. Phong trào bình dân học vụ được đẩy mạnh, với khoảng 14 triệu người thoát nạn mù chữ (năm 1951),....

+ Văn nghệ sĩ hăng hái đi sâu vào đời sống của nhân dân để tự rèn luyện và phục vụ nhu cầu của kháng chiến, theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Kháng chiến văn hóa và văn hóa kháng chiến".

+ Phong trào thực hiện đời sống mới, chống mê tín dị đoan, vệ sinh phòng bệnh ngày càng lan rộng trong nhân dân. Công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân được coi trọng.

* Tác dụng của những chính sách và thành tựu trên

+ Củng cố tăng cường hậu phương, là nhân tố góp phần vào quyết định thắng lợi trên mặt trận quân sự.

+ Những thắng lợi trên các mặt trận không những đáp ứng được nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, xây dựng cơ sở kinh tế, văn hóa cho chế độ dân chủ nhân dân, mà còn tạo nền móng cho việc tiến lên chủ nghĩa xã hội sau này.

BÀI TẬP 9

Hãy hoàn thành bảng thống kê về những thành tựu trên các mặt trận của quân dân ta từ sau chiến thắng Biên giới năm 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954.

Trả lời

Mặt trận	**Thành tựu**	**Ý nghĩa**
Quân sự	+ Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tục mở ba chiến dịch: Chiến dịch Trần Hưng Đạo (Trung du) đánh vào hệ thống phòng ngự của địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên; Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (Đường số 18) đánh vào các đồn bốt của địch từ Phả Lại, qua Đông Triều đến Uông Bí; Chiến dịch Quang Trung (Hà Nam Ninh) đánh vào khu vực phía Nam Liên khu III. Các chiến dịch đã góp phần tiêu diệt nhiều sinh lực địch. + Chiến dịch Hòa Bình đông – xuân 1951 – 1952, giải phóng 2000 km^2 với 15 vạn dân, góp phần mở rộng căn cứ du kích. + Chiến dịch Tây Bắc thu – đông 1952, giải phóng 28.500 km^2 với 25 vạn dân, gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La,... phá một phần âm mưu lập "xứ Thái tự trị" của địch, mở rộng căn cứ kháng chiến. + Chiến dịch Thượng Lào xuân – hè năm 1953, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xalì với trên 30 vạn dân.	Khẳng định quân và dân ta luôn giữ vững và phát triển thế chủ động trên các chiến trường, ngược lại quân Pháp ngày càng bị động, gặp nhiều khó khăn phải liên tiếp đối phó với các cuộc tấn công của ta.
	+ Tháng 3 – 1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất – Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt).	Các mặt trận ra đời đã làm cho khối đoàn kết toàn dân tộc và các nước Đông

Chính trị	+ Tháng 3 – 1951, thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào. + Tháng 5 – 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I, biểu dương thành tích phong trào thi đua yêu nước.	Dương ngày càng lớn mạnh, giáng một đòn vào âm mưu chia rẽ của địch.
Kinh tế	+ Từ tháng 4 – 1953 đến tháng 7 – 1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do Thái Nguyên, Thanh Hóa. + Đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm phục vụ kháng chiến: Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra đã sản xuất được 2.757.000 tấn thóc và hơn 650.000 tấn hoa màu; tự sản xuất được 3.500 tấn vũ khí, đạn dược, cung cấp tạm đủ cho bộ đội về thuốc men, quân trang, quân dụng.	Góp phần củng cố, tăng cường hậu phương vững chắc, trực tiếp góp phần quyết định vào thắng lợi của quân ta trên mặt trận quân sự.
Văn hóa, giáo dục, y tế	+ Tiếp tục cuộc cải cách giáo dục thực hiện theo ba phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất, gắn nhà trường với đời sống xã hội. + Vận động nhân dân vệ sinh phòng bệnh, bài trừ mê tín dị đoan. +Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chăm lo sức khỏe cho nhân dân.	Đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa giáo dục trong thời kì kháng chiến, xây dựng cơ sở văn hoá giáo dục cho chế độ mới, tạo nền móng cho việc tiến lên chủ nghĩa xã hội sau này.

BÀI 23

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Bước vào đông – xuân 1953 – 1954, âm mưu của Pháp, Mĩ là:

   Đáp án - A: Giành một thắng lợi quân sự quyết định nhằm "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

2. Kế hoạch Na-va ra đời trong hoàn cảnh:

   Đáp án - B: Quân Pháp trên một số chiến trường lâm vào thế phòng ngự, bị động.

3. Ý nào sau đây **không** nằm trong bước thứ nhất của kế hoạch Na-va (thu – đông 1953 và xuân 1954)?

   Đáp án - D: Xây dựng tuyến công sự "boong ke", lập "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

4. Nội dung bước thứ hai của kế hoạch Na-va (từ thu – đông 1954) là:

   Đáp án - D: Chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định buộc ta phải đàm phán nhằm kết thúc chiến tranh.

5. Điểm mấu chốt khi thực hiện kế hoạch Na-va của thực dân Pháp là:

   Đáp án - D: Tập trung quân, càn quét, bình định vùng chiếm đóng và tiến công vùng tự do để phá kế hoạch của ta.

6. Ý nào sau đây **không** nằm trong phương hướng chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9 – 1953)?

   Đáp án - D: Khai thông biên giới Việt – Trung để mở rộng đường liên lạc quốc tế.

7. Từ cuối năm 1953 đến đầu năm 1954, ngoài đồng bằng Bắc Bộ, quân ta đã buộc địch phải bị động phân tán ra các nơi như:

   Đáp án - C: Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông Pha-băng, Plây-cu.

8. Cuộc Tiến công chiến lược của ta trong Đông – Xuân 1953 – 1954 đã:

   Đáp án - A: Làm cho kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán và bị giam chân ở vùng rừng núi.

9. Âm mưu trước mắt của đế quốc Pháp – Mĩ khi biến Điện Biên Phủ thành tâm điểm của kế hoạch Na-va là:

Đáp án - C: Xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhằm thu hút và tiêu diệt quân chủ lực của ta, tạo điều kiện để chúng thực hiện bước hai của kế hoạch Na-va.

10. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được bố trí thành ba phân khu, gồm:

    Đáp án - C: Phân khu Bắc (Độc Lập, Bản Kéo), phân khu Trung tâm (Mường Thanh), phân khu Nam (Hồng Cúm).

11. Đợt tấn công mở màn cho chiến dịch Điện Biên Phủ, quân ta đánh vào:

    Đáp án - B: phân khu Bắc (Độc Lập, Bản Kéo và cụm cứ điểm Him Lam).

12. Trong đợt 1 của chiến dịch Điện Biên Phủ, người chiến sĩ đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai là

    Đáp án - D: Phan Đình Giót.

13. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) giành thắng lợi do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là :

    Đáp án - A: Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo...

BÀI TẬP 2

Điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước các câu sau:

1 – Đ: Kế hoạch Na-va của thực dân Pháp chia làm hai bước với hi vọng trong vòng 18 tháng sẽ “chuyển bại thành thắng”.

2 – S: Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954, ta buộc Pháp phải bị động phân tán lực lượng thành sáu nơi, trên những địa bàn xung yếu.

3 – Đ: Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua ba đợt, bắt đầu từ ngày 13 – 3 – 1954 và kết thúc vào ngày 7 – 5 – 1954.

4 – Đ: Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ chia thành ba phân khu, có 49 cứ điểm, tổng số quân lên tới 16.200 tên.

5 – Đ: Phái đoàn Chính phủ ta sang tham dự Hội nghị Giơ-ne-vơ do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu.

6 – Đ: Cuộc đấu tranh trên bàn Hội nghị ở Giơ-ne-vơ diễn ra gay go, phức tạp, do lập trường thiếu thiện chí và ngoan cố của Pháp – Mĩ.

7 – Đ: Hội nghị Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương kéo dài từ ngày 8 – 5 – 1954 đến ngày 21 – 7 – 1754.

8 – S: Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết (21 – 7 – 1954) đem lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam và đưa cả nước bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

9 – Đ: So với nội dung Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946), Hiệp định Giơ-ne-vơ có ý nghĩa chiến lược lớn hơn.

10 – Đ: Chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp và là thắng lợi quân sự quyết định việc chấm dứt chiến tranh xâm lược thực dân Pháp ở Đông Dương.

BÀI TẬP 3

Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với nội dung lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1953 – 1954.

Trả lời

Thời gian	Nội dung lịch sử
Tháng 5 – 1953	Kế hoạch Na-va ra đời.
Tháng 9 – 1953	Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để bàn về kế hoạch quân sự đông – xuân 1953 – 1954.
Đầu tháng 12 – 1953	Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.
Từ ngày 13 đến 17 – 3 – 1954	Tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.
Từ ngày 30 – 3 đến 26 – 4 – 1954	Quân ta tấn công các cứ điểm phía đông ở phân khu Trung tâm.
Từ ngày 1 đến 7 – 5 – 1954	Quân ta tấn công tiêu diệt phân khu Trung tâm và phân khu Nam.
8 – 5 – 1954	Phái đoàn Chính phủ ta dự Hội nghị Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.
21 – 7 – 1954	Hiệp định Gơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được kí kết.

BÀI TẬP 4

Căn cứ vào tình hình ta và địch trước khi bước vào đông – xuân 1953 – 1954, hãy phân tích vì sao thực dân Pháp đề ra kế hoạch Na-va. Âm mưu của Pháp – Mĩ và nội dung của kế hoạch Na-va ra sao?

Trả lời

a. Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch Na-va

+ Qua tám năm kháng chiến, lực lượng của ta đã lớn mạnh toàn diện và liên tiếp giành những thắng lợi to lớn trên mặt trận quân sự, vùng giải phóng được mở rộng. Chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất và khối liên minh công nông ngày càng được củng cố. Dư luận quốc tế ngày càng đồng tình, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

+ Thực dân Pháp ngày càng suy yếu và gặp nhiều khó khăn: về quân sự bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39 vạn quân và tiêu tốn hơn 2.000 tỷ phrăng, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung lúc này càng thêm sâu sắc, tinh thần quân địch ngày càng thêm sút kém, ngày càng đi vào thế bị động phòng ngự. Từ khó khăn về quân sự dẫn đến những khó khăn về tài chính, kinh tế, chính trị, xã hội...

+ Trước sự sa lầy của thực dân Pháp, đế quốc Mĩ ra sức can thiệp sâu hơn vào chiến tranh ở Đông Dương. Ngày 7 – 5 – 1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, Chính phủ Pháp cử tướng Na-va làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh của Pháp ở Đông Dương. Na-va đề ra kế hoạch quân sự mới với hi vọng trong vòng 18 tháng giành lấy một thắng lợi quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

b. Âm mưu của Pháp – Mĩ và nội dung kế hoạch Na-va

– Kế hoạch Na-va được chia làm hai bước:

+ Bước thứ nhất: Trong thu – đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược để bình định miền Trung và Nam Đông Dương, đồng thời ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.

+ Bước thứ hai: Từ thu – đông 1954, thực hiện tiến công chiến lược miền Bắc, giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng, nhằm kết thúc chiến tranh.

– Thực hiện kế hoạch trên, thực dân Pháp đã tăng thêm 12 tiểu đoàn bộ binh đưa từ Pháp, Bắc Phi và Triều Tiên sang, tăng thêm gần 10 vạn lính ngụy, xin Mĩ tăng thêm viện trợ quân sự, nâng tổng số quân chủ lực lên 84 tiểu đoàn gồm 480.000 người. Riêng đồng bằng Bắc Bộ có 44 tiểu đoàn. Đồng thời, chúng tiến hành nhiều cuộc càn quét, bình định vùng chiếm đóng, mở các cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hóa để phá kế hoạch tiến công của ta.

Kế hoạch Na-va và sự câu kết giữa Pháp và Mĩ làm cho cuộc kháng chiến của ta gặp nhưng khó khăn mới.

BÀI TẬP 5

Hãy trình bày phương hướng chiến lược của ta trong đông – xuân 1953 – 1954. Việc thực hiện phương hướng chiến lược đó trong đông – xuân 1953 – 1954 đạt được kết quả như thế nào?

Trả lời

a. Chủ trương – kế hoạch của ta trong việc đối phó với kế hoạch Na-va:

+ Trên cơ sở đánh giá tình hình địch, đánh giá đúng lực lượng của ta qua các chiến dịch từ 1950 đến 1953, tháng 9 – 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến đông – xuân 1953 – 1954:

+ Phương hướng chiến lược của ta là: Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ. Do phải phân tán lực lượng mà tạo cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng.

+ Phương châm chiến lược là: tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt. Đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.

b. Kết quả đạt được

Trong đông – xuân 1953 – 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương:

+ Tháng 12 – 1953, ta tập trung lực lượng tiến công lên Tây Bắc, giải phóng Lai Châu, buộc địch phải bị động, vội vã điều quân từ đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung quân thứ hai của thực dân Pháp sau đồng bằng Bắc Bộ.

+ Cùng thời gian này, phối hợp với quân Pha Thét Lào, ta tiến công Trung Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng thị xã Thà Khẹt, bao vây, uy hiếp Xa-va-na-khét và căn cứ Xê-nô. Na-va buộc hải tăng cường lực lượng cho Xê-nô. Xê-nô trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba của thực dân Pháp.

+ Đầu năm 1954, liên quân Việt – Lào tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng khu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phongxalì, mở rộng căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào. Na-va buộc phải dùng đường hàng không đưa quân từ đồng bằng Bắc Bộ tăng cường cho Luông Pha-băng và Mường Sài, biến hai địa điểm này thành nơi tập trung quân thứ tư của Pháp.

+ Đầu tháng 2 – 1954, bộ đội chủ lực của ta bất ngờ tấn công Bắc Tây Nguyên, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều sinh lực địch, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, với 20 vạn dân, uy hiếp Plây-cu. Thực dân Pháp buộc phải bỏ dở cuộc tấn công Tuy Hòa (Phú Yên) để tăng cường lực lượng cho Plây-cu. Plây-cu trở thành nơi tập trung binh lực thứ năm của địch.

+ Bên cạnh đó, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở vùng sau lưng địch từ đồng bằng Bắc Bộ đến Bình – Trị – Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ, làm cho địch phải phân tán thêm lực lượng để đối phó với ta.

Như vậy, trong đông – xuân 1953 – 1954 quân dân ta đã làm cho quân Pháp từ một nơi tập trung quân (đồng bằng Bắc Bộ) phải bị động phân tán thành năm nơi, chứng tỏ kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản. Từ chỗ chỉ giữ thế chủ động ở chiến trường chính Bắc Bộ, ta đã tiến lên giữ thế chủ động chiến lược trên toàn bộ chiến trường Đông Dương. Những thắng lợi đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân ta tiến lên mở trận "quyết chiến chiến lược" ở Điện Biên Phủ, kết thúc cuộc kháng chiến.

BÀI TẬP 6

Vì sao thực dân Pháp lại biến Điện Biên Phủ thành tâm điểm của kế hoạch Na-va?

Trả lời

+ Khi kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản, phát hiện quân chủ lực của ta tiến quân lên Tây Bắc, Na-va quyết định co lực lượng về giữ Điện Biên Phủ.

Điện Biên Phủ là một thung lũng nằm ở phía Tây vùng rừng núi Tây Bắc, gần biên giới Lào, cách Hà Nội 300 km, cách Luông Pha-băng 200 km, cách hậu phương của ta (Việt Bắc, Thanh – Nghệ – Tĩnh) từ 300 đến 500 km. Đối với Pháp đây là vị trí chiến lược then chốt, có thể trở thành một căn cứ lục quân và không quân trong âm mưu xâm lược của chúng ở Đông Dương và Đông Nam Á. Trước mắt, Điện Biên Phủ có tác dụng thu hút chủ lực của ta, tạo cho chúng bình định đồng bằng Bắc Bộ, đánh chiếm Liên khu V. Điện Biên Phủ từ chỗ không nằm trong nội dung của kế hoạch Na-va đã trở thành tâm điểm của kế hoạch Na-va.

+ Để thực hiện mưu đồ trên, Na-va tăng dần số quân chiếm đóng ở Điện Biên Phủ lên 16.200 tên, gồm những đơn vị thuộc các binh chủng tinh nhuệ nhất ở Đông Dương. Chúng cho xây dựng ở đây 49 cứ điểm, 2 sân bay, chia làm 3 phân khu: Trung tâm Mường Thanh, Bắc và Nam. Tất cả các vị trí đều nằm trong công sự và giao thông hào chìm dưới mặt đất rất kiên cố... Chính vì vậy, Pháp – Mĩ coi Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm", "cái máy nghiền khổng lồ" và tuyên bố giữ căn cứ này với bất cứ giá nào.

BÀI TẬP 7

Tại sao ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ? Nêu diễn biến và kết quả của chiến dịch.

Trả lời

a. Lí do ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ

+ Sau khi kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản, địch quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh – "một pháo đài không thể công phá", biến Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Na-va. Vì vậy, muốn kết thúc chiến tranh thì chúng ta phải đập tan kế hoạch Na-va, và muốn phá tan kế hoạch Na-va tất yếu phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

+ Lúc này quân đội ta đã trưởng thành, có khả năng đánh tập đoàn cứ điểm. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ mạnh, nhưng lại bị cô lập, xa Hà

Nội, chỉ có thể tiếp tế, tiếp viện được bằng đường hàng không, trong khi đó núi rừng ở Điện Biên Phủ sẽ gây nhiều khó khăn cho chúng khi tiếp tế bằng con đường này.

+ Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị và Trung ương Đảng họp Hội nghị thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ mới mục tiêu: tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng vùng Bắc Lào.

b. Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ

Chiến dịch diễn ra làm 3 đợt:

+ Đợt 1 (từ 13 – 3 đến 17 – 4 – 1954), quân ta mở đầu ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam. Sau nửa giờ chiến đấu, lá cờ quyết chiến quyết thắng của quân ta đã phất cao trên cứ điểm Him Lam. Sau đó, ta tiêu diệt địch ở cứ điểm Độc Lập và Bản Kéo. Toàn bộ phân khu Bắc của địch bị tiêu diệt, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2000 tên địch.

+ Đợt 2 (từ 30 – 3 đến 26 – 4 – 1954) quân ta tiến công vào khu Đông Mường Thanh gồm các cứ điểm E1, D1, C1, C2, A1... cửa ngõ của trung tâm địch. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt mấy tuần lễ, đặc biệt là trên hai quả đồi A1, C1, ta và địch giành giật nhau từng thước đất. Cuối cùng, ta chiếm được phần lớn các vị trí: riêng A1, C1 mỗi bên giành một nửa quả đồi. Mặt khác, ta thắt chặt vòng vây, chia cắt địch, khống chế và triệt đường tiếp tế của chúng, tạo điều kiện để ta chuyển sang tổng công kích tiêu diệt địch. Trước tình đó, Mĩ khẩn cấp tăng viện cho Pháp, de dọa ném bom nguyên tử ở Điện Biên Phủ.

+ Đợt 3 (từ 1– 5 đến 7 – 5 – 1954) bộ đội ta đánh các điểm cao còn lại ở phía đông và tổng công kích vào khu trung tâm Mường Thanh, khu Nam Hồng Cúm. Tối 1 – 5, quân ta xung phong bất ngờ tiêu diệt địch, chiếm toàn bộ đồi C1. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch định phá vây tháo chạy sang Lào vào đêm 7 – 5, nhưng không kịp thực hiện. Chiều tối 6 – 5, quân ta chiếm được đồi A1 và toàn bộ các ngọn đồi phía đông. Địch bị hất toàn bộ xuống lòng chảo Mường Thanh. Cuộc tổng công kích của ta bắt đầu. Những cánh quân của ta từ các phía đánh thẳng vào sở chỉ huy của địch. Chiều ngày 7 – 5 – 1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ ban tham mưu của địch đầu hàng và bị bắt sống.

Sau 54 ngày đêm chiến đấu, chiến dịch Điện Biên Phủ hoàn toàn thắng lợi. Các chiến trường trên toàn quốc đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm tiêu hao, giam chân, phân tán lực lượng địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi.

BÀI TẬP 8

Bằng những sự kiện lịch sử cụ thể hãy chứng minh chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi quân sự lớn nhất, oanh liệt nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp và là thắng lợi quyết định chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương.

Trả lời

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần hai của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh trải qua 9 năm (1945 – 1954). Trong 9 năm chống Pháp, chúng ta đã đã có nhiều thắng lợi trên mặt trận quân sự, như: Chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947, chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950, các chiến dịch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951 (chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung), chiến dịch Hòa Bình đông–xuân 1951 – 1952, những thắng lợi trong cuộc Tiến công chiến lược Đông–Xuân 1953 – 1954,... và có cả những chiến dịch phối hợp với quân dân Lào (chiến dịch Thượng Lào xuân - hè 1953, Trung Lào tháng 12 – 1953, Thượng Lào tháng 1 – 1954). Mỗi chiến dịch ta giành thắng lợi nêu trên đều có ý nghĩa quan trọng, làm cho quân đội Pháp lâm vào tình trạng khó khăn, buộc phải dựa vào sự viện trợ của Mĩ (từ năm 1950). Song, chúng chưa đủ để buộc Pháp phải kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược.

+ Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954, mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ đã làm thất bại hoàn toàn kế hoạch Na-va của Pháp có Mĩ giúp sức. Kế hoạch Na-va được coi là quân bài cuối cùng của Pháp và Mĩ trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Cả Pháp và Mĩ đều hi vọng sẽ kết thúc chiến tranh trong trong danh dự trong vòng 18 tháng (kế hoạch này được đưa ra vào tháng 5 – 1953). Nhưng tất cả ý đồ của Pháp và Mĩ bị chúng ta làm phá sản, trong đó nếu các cuộc tiến công chiến lược Đông–Xuân 1953 – 1954 bước đầu ta làm phá sản kế hoạch Na-va, thì chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm thất bại hoàn toàn kế hoạch ấy.

Như vậy, chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng vĩ đại nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta, góp phần quyết định vào thắng lợi trên bàn đàm phán ở Hội nghị Giơ-ne-vơ.

+ Mặt khác, hi vọng sớm kết thúc chiến tranh có lợi cho mình, Pháp và Mĩ đã chọn Điện Biên Phủ để xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Tập đoàn này gồm 49 cứ điểm, chia làm 3 phân khu (phân khu Bắc, phân khu Trung tâm và phân khu Nam), quân đội được trang bị nhiều loại vũ khí vào loại hiện đại, tối tân nhất. Chúng tuyên bố, đây sẽ là "pháo đài bất khả xâm phạm", nếu quân ta động đến sẽ bị nghiền nát. Về phía ta, Đảng và Chính phủ thể hiện quyết tâm phải làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va bằng việc tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp, chưa có chiến dịch nào ta lại chuẩn bị chu đáo, đầy đủ như vậy. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đều chung một ý chí: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng.

Kết quả, chiến dịch đã kết thúc số phận của Pháp sau 54 ngày đêm (từ 13 – 3 đến 7 – 5 – 1954) sau 3 đợt tấn công. Toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ là 16.200 tên đều bị tiêu diệt, hoặc bị bắt sống. Nước Pháp coi đây là thất bại nhục nhã nhất, cả nước treo cờ rủ trong 1 tuần lễ.

+ Trong kháng chiến chống Pháp, ngay từ ban đầu Đảng và Chính phủ ta không hề muốn chiến tranh, chỉ muốn hòa bình và độc lập dân tộc. Chúng ta đã nhiều lần thể hiện thiện chí hòa bình: đã kí chủ động kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ 6 – 3 – 1946, Tạm ước 14 – 9 – 1946, nhưng chúng không nghiêm chỉnh chấp hành, ngược lại vẫn thể hiện dã tâm xâm lược nước ta lần nữa. Kết quả là, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ.

Trước khi diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ, Đảng và Chính phủ ta vẫn sẵn sàng thương lượng với Pháp để có một nền hòa bình, tránh chiến tranh đổ máu, nhưng Pháp không chấp nhận. Điều này chứng tỏ, nếu ta không có thắng lợi quyết định về mặt quân sự thì không thể giành thắng lợi trên bàn đàm phán. Nhận thức rõ yếu tố quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp là chiến thắng về mặt quân sự, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã quyết tâm mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch kết thúc thắng lợi đã buộc Pháp và Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ. Kết quả của Hội nghị sau đó đã giúp cho miền Bắc nước ta (từ vĩ tuyến 17) được giải phóng. Từ năm 1954, miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mĩ sau này.

BÀI TẬP 9

Hãy trình bày nội dung và phân tích ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Trả lời

a. Nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ

+ Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước đó.

+ Để chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, ngăn ngừa một cuộc chiến tranh mới, hai bên thỏa thuận ngừng bắn, tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải) làm giới tuyến quân sự tạm thời, cùng một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến.

+ Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7 dưới sự giám sát của một ủy ban quốc tế gồm Ấn Độ, Ba Lan và Ca-na-đa, do Ấn Độ làm Chủ tịch.

+ Trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ thuộc về những nước kí hiệp định và những người kế tục sự nghiệp của họ.

b. Ý nghĩa lịch sử

+ Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương, được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng. Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kì 9 năm, lập lại hòa bình ở cả Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.

+ Thể hiện sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta trong việc kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị và ngoại giao. Nó đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh ngoại giao của ta về sau.

+ Buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước, đập tan âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương của đế quốc Mĩ.

+ Hiệp định Giơ-ne-vơ là thắng lợi chưa trọn vẹn vì nước ta tạm thời chia cắt làm hai miền. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, trong lúc đó miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của đế quốc và tay sai. Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục để giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

BÀI TẬP 10

Hãy phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

Trả lời

a. Nguyên nhân thắng lợi

* Nguyên nhân chủ quan:

+ Có sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn: toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh, kết hợp hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến phù hợp với điều kiện nước ta. Đường lối đó đã phát huy được chỗ mạnh căn bản và khắc phục những nhược điểm, làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển từ yếu sang mạnh, dần dần tiến lên giành thắng lợi.

Đảng ta đã xây dựng được lực lượng vũ trang ba thứ quân, có chiến lược, chiến thuật phong phú, sáng tạo. Đồng thời, chúng ta cũng đã xây dựng được một hậu phương ngày càng rộng lớn và vững chắc, một nhân tố quan trọng bảo đảm cho thắng lợi ở tiền tuyến.

+ Do toàn dân, toàn quân ta đoàn kết, dũng cảm chiến đấu vì “độc lập, tự do”, với tinh thần “thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, nêu cao truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng để chiến đấu giành thắng lợi.

* Nguyên nhân khách quan:

+ Đó là thắng lợi của tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung.

+ Là thắng lợi của sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân khác, cũng như sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp và loài người yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới.

b. Ý nghĩa lịch sử

* Đối với trong nước:

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc đã buộc Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương về mặt pháp lí, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta.

+ Miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc sau này.

* Đối với thế giới:

+ Là một đòn mạnh giáng vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là thắng lợi của nhân dân ta, mà nó còn là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ trên thế giới. Vì vậy, nó có tác dụng cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, trước hết là các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La - tinh.

Chương IV

VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 24

MIỀN BẮC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ KINH TẾ – XÃ HỘI, MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ – DIỆM, GÌN GIỮ HÒA BÌNH (1954 – 1960)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?

   Đáp án - D: Nhân dân hai miền tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

2. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kì mới là:

   Đáp án - C: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tiếp tục làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

3. Đảng và Chính phủ quyết định tiến hành cải cách ruộng đất là do:

   Đáp án - C: Yêu cầu về quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân, củng cố khối công nông liên minh, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

4. Ý nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của việc hoàn thành cải cách ruộng đất?

   Đáp án - D: Thúc đẩy công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh hoàn thành trước thời hạn.

5. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc là:

   Đáp án - B: Nhiệm vụ tất yếu trong thời kì sau chiến tranh.

6. Trong 3 năm (1958 – 1960), miền Bắc hoàn thành cải tạo đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong đó khâu chính là:

   Đáp án - C: Hợp tác hóa nông nghiệp.

7. Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1954 – 1960 là:

   Đáp án - A: Chuyển sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

8. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng khó khăn của cách mạng miền Nam từ năm 1957 đến năm 1959?

   Đáp án - D: Mĩ – Diệm tiến hành dồn dân lập các "ấp chiến lược".

9. Trước tình hình khó khăn của cách mạng, nhân dân miền Nam muốn đánh đổ được Mĩ – Diệm cần phải:

   Đáp án - B: Sử dụng bạo lực cách mạng.

10. Phong trào "Đồng khởi" diễn ra như thế nào?

   Đáp án - A: Lúc đầu phong trào nổ ra lẻ tẻ ở từng địa phương rồi sau đó lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng.

11. Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" có ý nghĩa:

   Đáp án - C: Cả A, B, C đều đúng.

BÀI TẬP 2

Điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước các câu sau:

1 – S: Ngày 16 – 5 – 1955, tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội.

2 – Đ: Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, Mĩ liền thay thế Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt đất nước ta, biến miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Dương và Đông Nam Á.

3 – Đ: Trong cải cách ruộng đất, chúng ta phạm phải một số sai lầm như đấu tố tất cả những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng quy nhầm thành địa chủ một số nông dân, cán bộ, đảng viên.

4 – S: Công cuộc khôi phục kinh tế được triển khai ở một số ngành kinh tế.

5 – S: Đến cuối năm 1957, ngành thủ công nghiệp đã cung cấp trên 70% số hàng hóa trong nước giải quyết phần nào việc làm cho người lao động.

6 – Đ: Cuộc vận động hợp tác xã nông nghiệp được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ.

7 – S: Đối với tư sản dân tộc, Đảng và Nhà nước chủ trương cải tạo bằng phương pháp hòa bình, đưa họ vào làm ăn tập thể dưới hình thức các hợp tác xã mua bán.

8 – S: Đối với lực lượng tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, đưa họ vào con đường làm ăn tập thể dưới hình thức công tư hợp doanh.

9 – Đ: Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1 – 1959 đề ra phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường dựa vào lực lượng vũ trang đánh đổ ách thống trị ách thống trị của Mĩ – Diệm.

10 – Đ: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước đấu tranh đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.

BÀI TẬP 3

Hãy nối nội dung ở cột A với các ô ở cột B cho phù hợp với hình thức đấu tranh của nhân dân miền Nam trong những năm 1954 – 1959.

Trả lời

Hình thức đấu tranh có những thay đổi cho phù hợp với tình hình mới do Mĩ – Diệm gây ra

- Đấu tranh đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước.
- Đấu tranh chống Mĩ – Diệm khủng bố đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" của chúng, đòi các quyền tự do dân sinh, dân chủ.
- Đấu tranh chính trị, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- Ban đầu đấu tranh chính trị, hòa bình, sau chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, dùng bạo lực cách mạng.

BÀI TẬP 4

Hãy điền nội dung phù hợp vào các cột trống của bảng dưới đây về:

1. Cải cách ruộng đất.

2. Phong trào Đồng khởi

Trả lời

1. Cải cách ruộng đất:

Thời gian	Các bước tiến hành	Kết quả	Ý nghĩa
1954 – 1957	– Tiến hành qua 5 đợt cải cách ruộng đất, 6 đợt giảm tô ở 3.314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du, nêu	– Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, ta đã tịch thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn hécta ruộng đất, 10 con trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ chia cho trên 2 triệu hộ nông dân.	– Thắng lợi của cải cách ruộng đất đã làm cho khối công nông liên minh được củng cố. – Bộ mặt nông thôn miền Bắc có

	cao khẩu hiệu "người cày có ruộng".	– Cải cách ruộng đất đã đánh đổ được giai cấp địa chủ, chế độ chiếm hữu bị xoá bỏ, thực hiện được khẩu hiệu "người cày có ruộng".	nhiều thay đổi, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế.

2. Phong trào "Đồng khởi":

Thời gian	Diễn biến	Kết quả
Tháng 2 – 1959	Nhân dân ở Vĩnh Thạch (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) đã nổi dậy chống chế độ Mĩ – Diệm.	+ Hệ thống kìm kẹp của địch ở thôn xã bị phá vỡ từng mảng, tình đến cuối năm 1960 tại các tỉnh Nam Bộ, cách mạng đã làm chủ hơn 600 trong tổng số 1.298 xã, trong đó có 116 xã hoàn toàn, Các tỉnh đồng bằng ven biển Trung Bộ có 904 thôn, Tây Nguyên 3.200 thôn. + Ngày 20 – 12 – 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã ra đời. Mặt trận chủ trương đoàn kết toàn dân, thành lập chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình tiến tới thống nhất Tổ quốc. Các ủy ban mặt trận tỉnh, huyện ở miền Nam cũng lần lượt được thành lập và đi vào hoạt động.
Tháng 8 – 1959	Nhân dân Trà Bồng (Quảng Ngãi) nổi dậy. Phong trào lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng	
Ngày 17 – 1 – 1960	Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bến Tre, nhân dân các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (huyện Mỏ Cày) với gậy gộc, giáo mác, súng tự tạo, đã nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch, giành lấy chính quyền về tay nhân dân và làm chủ thôn xã. Nhân dân đã lập tòa án xét xử bọn tay sai nợ máu, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ cường hào chia cho dân cày nghèo.	
Từ giữa năm 1960 đến cuối năm 1960	Phong trào Đồng khởi như nước vỡ bờ lan nhanh ra khắp các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số vùng thuộc miền Trung Trung Bộ. Chính quyền Mĩ – Diệm hoảng loạn.	

BÀI TẬP 5

Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với nội dung lịch sử trong bảng sau.

Trả lời

Thời gian	Nội dung lịch sử
10 – 10 – 1954	Quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội.
1 – 1 – 1955	Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô.
31 – 12 – 1959	Quốc hội khóa I, kì họp thứ 11, thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
8 – 1954	"Phong trào hòa bình" của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn.
11 – 1954	Mĩ – Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp, lùng bắt các nhà lãnh đạo "Phong trào hòa bình".
1 – 5 – 1958	50 vạn đồng bào Sài Gòn – Chợ Lớn xuống đường tuần hành đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.

BÀI TẬP 6

1. Nêu đặc điểm của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kì mới.

Trả lời

a. Đặc điểm của tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ

+ Theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ, trong thời gian 300 ngày kể từ ngày 21 – 7 – 1954, chúng ta nghiêm chỉnh thực hiện ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực. Do có sự đấu tranh kiên quyết của ta, phía Pháp cũng phải thực hiện đúng điều khoản trên. Ngày 16 – 5 – 1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà – Hải Phòng. Miền Bắc nước ta hoàn toàn được giải phóng, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cơ bản hoàn thành.

+ Giữa tháng 5 – 1956, Pháp rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng vẫn còn nhiều điều khoản của HIệp định có liên quan đến trách nhiệm của họ chưa được thi hành, trong đó có việc tổ chức Hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất hai miền Nam – Bắc Việt Nam.

+ Ở miền Nam, lợi dụng thực dân Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương (1945 – 1954), đế quốc Mĩ nhảy vào miền Nam, hất cẳng Pháp, tay sai của Pháp, từng bước thay thế vị trí của Pháp ở miền Nam. Mĩ đã áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam bằng một số thủ đoạn:

Về chính trị, Mĩ ép Pháp trao quyền cai trị miền Nam cho Ngô Đình Diệm. Được sự hỗ trợ của Mĩ, Diệm từng bước loại những lực lượng thân Pháp ra khỏi bộ máy hành chính. Mĩ – Diệm tổ chức bầu cử Quốc hội riêng ở miền Nam, lập chế độ "Việt Nam Cộng hòa" do Diệm làm Tổng thống (3 – 1956). Mĩ tăng cường xây dựng ngụy quân, làm công cụ tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại hiệp thương tổng tuyển cử của nhân dân Việt Nam.

Về kinh tế: chúng muốn biến miền Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa, chi phối và lũng đoạn kinh tế miền Nam.

Về văn hóa: Mĩ đưa lối sống Mĩ vào miền Nam để đầu độc nhân dân ta nhất là tầng lớp thanh thiếu niên.

Các chính sách trên của Mĩ nhằm thực hiện âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ, để ngăn chặn "lạn sóng cộng sản" đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á, chống phá miền Bắc chia cắt lâu dài đất nước, dân tộc Việt Nam.

Như vậy, đặc điểm của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ là hòa bình được lập lại ở miền Bắc, miền Nam vẫn dưới ách thống trị của Mĩ và tay sai, đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hộ khác nhau. Sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước chưa hoàn thành.

b. Nhiệm vụ của cách mạng nước ta

+ Miền Bắc do đã được giải phóng nên phải nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm hậu phương vững chắc cho miền Nam đánh Mĩ.

+ Miền Nam do chưa được giải phóng nên phải tiếp tục làm nhiệm vụ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

2. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và diễn biến chính của phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960). Tại sao phong trào "Đồng khởi" được xem là mốc đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

Trả lời

a. Hoàn cảnh lịch sử

+ Những chính sách và thủ đoạn của Mĩ – Diệm đã chà đạp trắng trợn hòa bình, thống nhất Tổ quốc của nhân dân Việt Nam, xâm phạm thô bạo độc lập, chủ quyền của đất nước ta. Hành động khủng bố, đàn áp dã man của Mĩ – Diệm đã làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ và bọn tay sai thân Mĩ càng trở nên sâu sắc.

+ Cách mạng miền Nam tuy gặp phải tổn thất khá nặng nề do sự đàn áp điên cuồng của Mĩ – Diệm, song nhân dân ta vẫn kiên cường đấu tranh và giành được thắng lợi quan trọng là giữ vững được tinh thần, ưu thế chính trị của quần chúng, duy trì phong trào diệt trừ ác ôn, vũ trang tuyên truyền cho quần chúng.

+ Tháng 1 – 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương ảng quyết định: sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – iệm và xác định phương hướng của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa vũ rang giành chính quyền về tay nhân dân bằng com đường dựa vào lực ượng vũ trang đánh đổ ách thống trị Mĩ – Diệm.

b. Diễn biến của phong trào

+ Tháng 2 – 1959 nhân dân ở Vĩnh Thạch (Bình Định), Bác Ái (Ninh huận) đã nổi dậy; tháng 8 – 1959 nhân dân Trà Bồng (Quảng Ngãi) nổi ậy. Phong trào lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng.

+ Ngày 17 – 1 – 1960 dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy Bến Tre, nhân dân ác xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (huyện Mỏ Cày) với gậy gộc, iáo mác, súng tự tạo, đã nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính uyền địch, giành lấy chính quyền về tay nhân dân và làm chủ thôn xã. uộc nổi dậy nhanh chóng lan ra toàn huyện Mỏ Cày và toàn tỉnh Bến Tre. hỉ trong vòng một tuần, nhân dân 47 xã đồng loạt đập tan bộ máy kìm ẹp của địch. Các thôn xã được giải phóng đã mở đại hội nhân dân, lập tòa n xét xử bọn tay sai nợ máu, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ cường hào hia cho dân cày nghèo. Lực lượng vũ trang nhân dân được hình thành và hát triển.

+ Từ giữa năm 1960 đến cuối năm 1960 phong trào Đồng khởi như nước ỡ bờ lan nhanh ra khắp các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số vùng huộc miền Trung Trung Bộ.

c. Phong trào "Đồng khởi" được xem là mốc đánh dấu bước phát triển hảy vọt của cách mạng miền Nam vì:

+ "Đồng khởi" đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới ủa Mĩ ở miền Nam, làn phá sản chiến lược "Chiến tranh một phía" của húng, phá vỡ từng mảng hệ thống chính quyền địch ở nông thôn. Nó thể iện thời kì tạm ổn định của chính quyền địch đã chấm dứt, mở ra thời kì hủng hoảng của chế độ Mĩ – ngụy ở Sài Gòn.

+ "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách ạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công liên ục, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

+ Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của cách mạng miền am, là thất bại có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của Mĩ – Diệm, tạo tiền đề uan trọng cho sự phát triển của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới.

BÀI 25

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở MIỀN NAM (1961 – 1965)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Nội dung chủ yếu của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng là:

   Đáp án - D: Tất cả các nội dung trên.

2. Nhiệm vụ cụ thể của cách mạng miền Bắc từ năm 1961 – 1965 là:

   Đáp án - A: Tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền kinh tế hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí.

3. Nhiệm vụ cụ thể của cách mạng miền Nam từ năm 1961 đến năm 1965 là:

   Đáp án - B: tiếp tục làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để giải phóng miền Nam.

4. Trọng tâm của kế hoạch nhà nước 5 năm (1961 – 1965) ở miền Bắc là:

   Đáp án - B: Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

5. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng những thành tựu miền Bắc đạt được sau kế hoạch nhà nước 5 năm 1961 – 1965?

   Đáp án - D. Kinh tế hàng hóa phát triển, hàng tiêu dùng phong phú.

6. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng nội dung chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?

   Đáp án - B: Mở cuộc vận động ngoại giao hòng cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

7. Mĩ – Diệm tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược" thực chất là :

   Đáp án - D: Trại tập trung trá hình để chính quyền địch dễ kìm kẹp.

8. Phong trào đấu tranh chính trị ở miền Nam phát triển chủ yếu ở:

   Đáp án - C: Các đô thị lớn như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn.

BÀI TẬP 2

Điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước các câu sau:

Trả lời

1 – Đ: Cách mạng hai miền Nam – Bắc có quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

2 – S: Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch nhà nước 5 năm (1961 – 1965) ở miền Bắc là ra sức phát triển nông nghiệp, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật cho nông nghiệp.

3– Sau phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960), cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam vẫn là cuộc đấu tranh chính trị chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

4 – Đ: "Ấp chiến lược" được Mĩ và chính quyền Sài Gòn coi như "xương sống" của "Chiến tranh đặc biệt" và nâng lên thành "quốc sách".

5 – S: Mĩ và chính quyền Sài Gòn tập trung vào dồn dân lập "ấp chiến lược" và chúng đã kiểm soát trên một nửa tổng số ấp, với trên 70% dân.

6 – Đ: Chiến thắng Ấp Bắc đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam, đã đánh tan chiến thuật "trực thăng vận", 'thiết xa vận" của địch, đánh sụp lòng tin của quân đội Sài Gòn vào trang bị, vũ khí hiện đại của Mĩ.

7 – Đ: Sau chiến thắng Ấp Bắc, Quân giải phóng ngày càng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn toàn vùng Nam Bộ.

8 – S: Sau chiến thắng ở Đồng Xoài (Bình Phước), toàn miền Nam dấy lên phong trào "thi đua giết giặc lập công".

9 – Đ: Sau thất bại trong xuân – hè 1965, quân đội Sài Gòn, lực lượng nòng cốt trong "Chiến tranh đặc biệt", không còn đủ sức đương đầu với các cuộc tiến công lớn của Quân giải phóng và đứng trước nguy cơ tan rã.

BÀI TẬP 3

Hãy hoàn thành hai sơ đồ dưới đây để biểu thị sự kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"

Trả lời

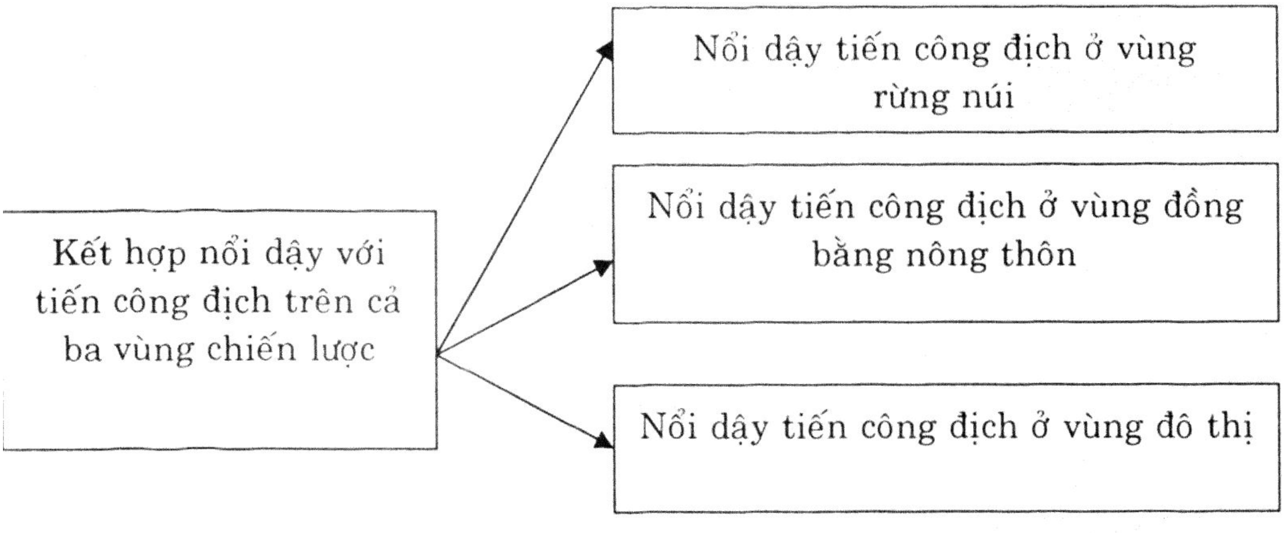
Kết hợp nổi dậy với tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược
Nổi dậy tiến công địch ở vùng rừng núi
Nổi dậy tiến công địch ở vùng đồng bằng nông thôn
Nổi dậy tiến công địch ở vùng đô thị

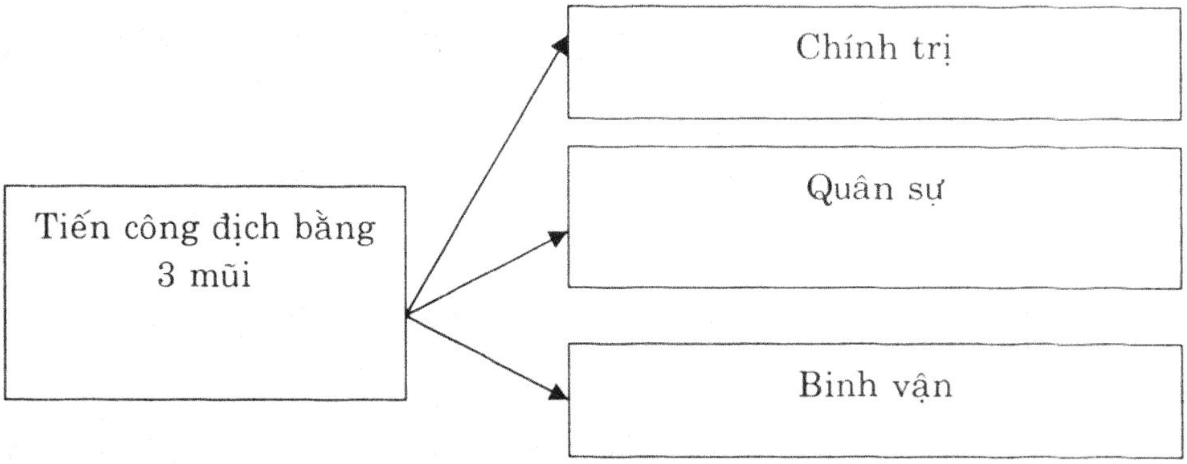

BÀI TẬP 4

Hãy ghép những thông tin ở cột A với cột B cho đúng.

A	B
1. Quân đội nhân dân Việt Nam.	a. Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc.
2. Mĩ và chính quyền Sài Gòn.	b. Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống của nhân dân lao động.
3. Được Mĩ hỗ trợ chiến đấu và chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.	c. Được xây dựng từng bước thành quân đội chính quy và bước đầu được trang bị hiện đại.
4. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất.	d. Khẳng định đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.	e. Tập trung sức vào dồn dân lập "ấp chiến lược" nhưng cũng chỉ thực hiện được một phần kế hoạch (non nửa của 16.000 ấp).

Trả lời

1 – c

2 – e

3 – a

4 – b

5 – d

BÀI TẬP 5

1. Điền mốc thời gian vào bảng dưới đây cho phù hợp với sự kiện lịch sử.

Trả lời

Thời gian	**Sự kiện lịch sử**
Từ ngày 5 đến 10 – 9 – 1960	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp.
15 – 2 – 1961	Các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành Quân Giải phóng miền Nam.
2 – 1 – 1963	Hơn 2.000 quân Sài Gòn (được cố vấn Mĩ chỉ huy, có cả lính dù cùng xe tăng, xe bọc thép, tàu chiến, máy bay lên thẳng) tiến công vào Ấp Bắc (Mĩ Tho).
8 – 5 – 1963	Hai vạn tăng ni phật tử Huế biểu tình phản đối chính quyền Sài Gòn cấp treo cờ Phật.
16 – 6 – 1963	70 vạn quần chúng Sài Gòn xuống đường biểu tình chống Diệm, làm rung chuyển cả thành phố.
1 – 11 – 1963	Mĩ giật dây các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn do Dương Văn Minh cầm đầu làm cuộc đảo chính giết anh em Diệm – Nhu.
3 – 1964	Hội nghị Chính trị đặc biệt họp.

2. Hãy hoàn thành bảng dưới đây về những trận thắng lớn của quân dân miền Nam trong đông – xuân 1964 – 1965, xuân – hè 1965.

Trả lời

Thời gian	**Các trận đánh**	**Kết quả**
Đông – xuân 1964 – 1965	Cuối 1964 ta chiến thắng lớn ở Bình Giã (Bà Rịa).	Ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.700 tên địch, bắt gần 300 tên, thu nhiều phương tiện chiến tranh.
Xuân – hè 1965	Chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước).	Từng đơn vị lớn của địch bị bị tiêu diệt gọn hoặc thiệt hại nặng. Quân đội Sài Gòn, lực lượng nòng cốt của "Chiến tranh đặc biệt", không còn đủ sức đương đầu với các cuộc tiến công lớn của Quân giải phóng và đứng trước nguy cơ tan rã. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" thất bại hoàn toàn.

BÀI TẬP 6

1. Miền Bắc đã đạt được những thành tích gì trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất?

Trả lời

a. Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng bước đầu cơ sở vật chất, kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

+ Công nghiệp được Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng. Từ năm 1961 – 1964 vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho công nghiệp là 48%, trong đó công nghiệp nặng gần 80%. Giá trị sản lượng công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960. Trong thời gian này nhiều nhà máy, xí nghiệp được mở rộng và xây dựng, nhiều khu công nghiệp ra đời như: Gang thép Thái Nguyên, Nhiệt điện Uông Bí, Khu công nghiệp Việt Trì...

Công nghiệp quốc doanh chiếm tỉ trọng 93% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp đã giải quyết 80% hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân.

+ Nông nghiệp thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã bậc cao. Đến năm 1965, có 90% tổng số hộ nông dân vào hợp tác xã, trong đó 60% là hợp tác xã bậc cao với hơn 80% tổng diện tích ruộng đất.

Nông dân bước đầu áp dụng khoa học – kĩ thuật và sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thủy nông phát triển, trong đó có công trình Bắc – Hưng – Hải. Nhiều hợp tác xã đã đạt và vượt năng suất 5 tấn thóc–ha gieo trồng.

+ Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh được thị trường, góp phần phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

+ Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn trước.

b. Phát triển văn hóa, giáo dục

+ Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh: Năm học 1964 – 1965, miền Bắc có hơn 9.000 trường học các cấp với trên 2,6 triệu học sinh, hệ đại học và trung học chuyên nghiệp có 18 trường, tăng gấp hai lần so với năm học 1960 – 1961.

+ Hệ thống y tế, chăm lo sức khỏe được đầu tư phát triển, xây dựng khoảng 6.000 cơ sở.

c. Làm nghĩa vụ hậu phương

+ Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam Trong 5 năm, miền Bắc đã chuyển vào miền Nam nhiều vũ khí, đạn dược thuốc men. Nhiều đơn vị vũ trang, cán bộ quân sự, cán bộ các ngành được đưa vào miền Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng vùng giải phóng.

d. Nhận xét

+ Mặc dù còn một số hạn chế (do tư tưởng chủ quan, nóng vội, giáo điều, nhưng những thành tựu mà nhân dân miền Bắc đạt được trong kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất đã góp phần củng cố miền Bắc về mọi mặt, giúp cho miền Bắc đủ sức đánh thắng các cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ và chi viện cho tiền tuyến miền Nam, góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước.

2. Âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" như thế nào?

Trả lời

+ Thắng lợi của nhân dân ta trong phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) đã làm thất bại chiến lược "Chiến tranh một phía" của Mĩ. Vì vậy, Mĩ đã áp dụng chiến lược mới "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) trên khắp miền Nam.

+ "Chiến tranh đặc biệt" là một loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ để chống lại cách mạng nước ta.

Như vậy, âm mưu thâm độc của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam".

+ Để tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" Mĩ đã đề ra nhiều kế hoạch: Xta-lây – Tay-lo, Giôn-xơn – Mác Na-ma-ra.

Với "Kế hoạch Xta–lây – Tay–lo", Mĩ và chính quyền Sài Gòn nhằm bình định toàn miền Nam trong vòng 18 tháng. Thực hiện kế hoạch này, Mĩ tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm, đưa cố vấn quân sự vào miền Nam, trang bị cho quân đội tay sai nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại như "trực thăng vận", "thiết xa vận", đồng thời thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mĩ ở miền Nam Việt Nam (MACV). Đáp lại sự giúp đỡ của Mĩ, Diệm ráo riết bắt lính, tăng quân và tiến hành nhiều cuộc càn quét, bình định để dồn dân lập "ấp chiến lược". Mĩ – Diệm coi việc bình định là "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Mĩ – ngụy dự định dồn 10 triệu nông dân vào 16.000 ấp chiến lược, thực chất là các trại tập trung trá hình bằng những thủ đoạn cưỡng bức tàn bạo nhằm "tát nước bắt cá", để đàn áp, tiêu diệt phong trào cách mạng và bóc lột nhân dân ta.

Mĩ – Diệm liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ đã gây cho cách mạng nhiều khó khăn, buộc chúng ta phải bằng mọi cách phá tan chiến lược này.

BÀI 26

CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1965 – 1968)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Đế quốc Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam vào những năm:

   Đáp án - C: 1965 – 1968.

2. Cùng với việc tiến hành xâm lược miền Nam, đế quốc Mĩ còn mở rộng chiến tranh:

   Đáp án - D: Tất cả các ý trên đều đúng.

3. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ được tiến hành bằng các lực lượng:

   Đáp án - D: Quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

4. Trong những năm 1965 – 1967, Mĩ tiến hành hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào "Đất thánh Việt cộng" thực chất là nhằm :

   Đáp án - D. Tất cả các mục đích trên.

5. Âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam (1965 – 1968) **không** bao gồm những ý nào sau đây?

   Đáp án - D: Tiếp tục thực hiện mục tiêu lập 16.000 ấp chiến lược trên toàn miền Nam.

6. Thắng lợi quân sự mở đầu của quân và dân ta trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ là ở:

   Đáp án - B: Vạn Tường (Quảng Ngãi).

7. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) diễn ra:

   Đáp án - A: Trên toàn miền Nam.

8. Để mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc, M đã dựng lên "sự kiện Vịnh Bắc Bộ" vào ngày:

   Đáp án - B: 5 – 8 – 1964.

9. Âm mưu của Mĩ trong việc tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất) là:

Đáp án - A: Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn nguồn chi viện từ ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; làm lung lay ý chí chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta.

10. Trong thời gian Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại, quân dân miền Bắc đã:

Đáp án - C: Vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn.

BÀI TẬP 2

Điền chữ Đ (đúng) hoặc chữ S (sai) vào trước các câu sau:

1 – Đ: Sau khi thất bại trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

2 – Đ: Trong hai mùa mưa 1964 – 1965 và 1965 – 1966, Mĩ mở hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào các căn cứ của Quân giải phóng trên toàn miền Nam.

3 – Đ: Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi, ngày 18 – 8 – 1965) đã mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam.

4 – Đ: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

5 – S: Đầu năm 1964, Mĩ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

6 – S: Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc là nhằm mục đích tiêu diệt bộ đội chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến.

7 – Đ: Ngày 1 – 11 – 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

8 – Đ: Trong thời kì có chiến tranh phá hoại, miền Bắc vẫn làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

BÀI TẬP 3

Hãy điền dấu x vào ô ☐ trước ý trả lời đúng về những điểm giống nhau (cột bên trái) và những điểm khác nhau (cột bên phải) giữa "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) và "Chiến tranh cục bộ" (1965 – 1968).

Trả lời

Những điểm giống nhau giữa hai chiến lược	**Những điểm khác nhau**	
	“Chiến tranh đặc biệt”	**“Chiến tranh cục bộ”**
☒ Đều là những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới. ☒ Đều hoạt động phối hợp phá hoại miền Bắc; phối hợp hoạt động quân sự với chính trị, ngoại giao.	☒ Lực lượng tham gia duy nhất là quân đội tay sai. ☒ Vai trò của người Mĩ trên chiến trường là cố vấn chỉ huy. ☒ Chiến tranh ở miền Nam phối hợp với phá hoại miền Bắc.	☒ Lực lượng tham gia là quân Mĩ, quân đội 5 nước chư hầu và quân đội tay sai. ☒ Quân Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu, vừa là cố vấn chỉ huy. ☒ Chiến tranh mở rộng ra cả miền Bắc bằng chiến tranh phá hoại.

BÀI TẬP 4

Hãy điền thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử trong bảng sau:

Thời gian	**Sự kiện lịch sử**
18 – 8 – 1965	Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).
Năm 1968	Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.
5 – 8 – 1964	Mĩ dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”.
7 – 2 – 1965	Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
1 – 11 – 1968	Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

BÀI TẬP 5

1. Hãy điền vào bảng sau những sự kiện về thắng lợi của quân và dân ta trên mặt trận quân sự, chính trị trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” từ năm 1965 đến năm 1968.

2. Phân tích ý nghĩa của các thắng lợi tiêu biểu sau.

Trả lời

1. Điền vào bảng những sự kiện về thắng lợi của quân và dân ta trên mặt trận quân sự, chính trị trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” từ năm 1965 đến năm 1968.

Trên mặt trận quân sự	**Trên mặt trận chính trị**
+ Mở đầu là chiến thắng ở Vạn Tường – Quảng Ngãi: Ngày 18–8–1965, Mĩ huy động 9.000 quân, 105 xe tăng và xe bọc thép, 170	+ Ở các vùng nông thôn, quần chúng nhân dân được sự hỗ trợ của lực lượng vũ

máy bay,... mở cuộc hành quân vào "Vùng đất thánh của Việt cộng". Nhưng chỉ sau một ngày chiến đấu, ta đã tiêu diệt 900 tên, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay,... Chiến thắng Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với Mĩ, chứng minh quân và dân ta hoàn toàn có khả năng đánh thắng Mĩ về quân sự, giúp Đảng ta khẳng định: "Mĩ giàu nhưng không mạnh", và nó đã mở đầu cho cao trào "tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam. + Tiếp theo là chiến thắng trong cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 – 1966) của Mĩ, đồng minh. Mĩ huy động 72 vạn quân, mở 450 cuộc hành quân "tìm diệt" nhằm vào hai hướng chiến lược là Đông Nam Bộ và Liên khu V để đánh bại quân chủ lực giải phóng. Kết quả, địch đã thiệt hại nặng nề với 104.000. tên bị loại khỏi vòng chiến đấu, riêng quân Mĩ là 42.000 tên, bắn rơi hơn 1430 máy bay,... + Trong mùa khô thứ hai 1966 – 1967, Mĩ lại huy động 98 vạn quân, mở gần 900 cuộc hành quân "tìm diệt", "bình định" nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta. Kết quả, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 150.000 tên, trong đó có 68.000 quân Mĩ, bắn rơi 1231 máy bay.	trang đã phá vỡ nhiều "ấp chiến lược", mở rộng vùng giải phóng.Trên các đô thị ở Sài Gòn, Huế và Đà Nẵng, các tầng lớp nhân dân như học sinh, sinh viên, Phật tử,... đấu tranh chính trị yêu cầu Mĩ phải rút về nước. + Từ khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, uy tín của Mặt trận ngày càng nâng cao trên trường quốc tế. Phong trào phản đối Mĩ xâm lược Việt Nam, yêu cầu quân Mĩ rút về nước diễn ra nhiều nơi trên thế giới: ở Mĩ, Anh, Pháp, các nước Đông Âu,... Con số thương vong của quân Mĩ, ngụy ngày càng tăng đã khiến tinh thần binh sĩ giảm sút nghiêm trọng. Tình hình chiến trường miền Nam và sự ủng hộ của thế giới ngày càng có lợi cho ta.

2. Phân tích ý nghĩa của các thắng lợi tiêu biểu sau.

– Thắng lợi ở trận Vạn Tường (Quảng Ngãi):

+ Chiến thắng Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với Mĩ, chứng minh quân và dân ta hoàn toàn có khả năng đánh thắng Mĩ về quân sự, giúp Đảng ta khẳng định: "Mĩ giàu nhưng không mạnh", và nó đã mở đầu cho cao trào "tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam.

– Thắng lợi trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967:

+ Cách mạng tiếp tục giữ thế chủ động tấn công.

+ So sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta.

– Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).

+ Sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc (vào ngày 1–11–1968) và phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

+ Cuộc Tổng tiến công đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải "phi Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của mình trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và thay bằng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" (từ 1969 đến 1975).

BÀI TẬP 6

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) ở miền Nam diễn ra trong hoàn cảnh nào? Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa.

Trả lời

a. Hoàn cảnh

+ Sau thắng lợi ở Vạn Tường và hai mùa khô năm 1965 – 1966 và 1966 – 1967, Đảng ta nhận định bước sang năm 1968 so sánh lực lượng đã có lợi cho ta.

+ Năm 1968 là năm Mĩ tiến hành bầu cử tổng thống, nhưng trong nước lại đang có mâu thuẫn nội bộ.

Xuất phát từ hoàn cảnh trên, ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, nhằm: tiêu diệt một bộ phận quân Mĩ, đồng minh và chính quyền ngụy, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán và rút quân về nước.

b. Diễn biến

Theo kế hoạch đã định, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân diễn ra qua 3 đợt: Đợt 1 từ 30–1 đến 25–2, đợt 2 vào tháng 5, 6 và đợt 3 vào tháng 8, 9 năm 1968.

+ Đêm 30, rạng sáng 31–1–1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân), quân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37 trong tổng số 44 tỉnh miền Nam.

Tại Sài Gòn, quân giải phóng đã tiến công tất cả các vị trí đầu não của địch, như: Tòa đại sứ Mĩ, Dinh "Tổng thống", Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất. Trong đợt 1, ta tiêu diệt 147.000 tên, trong đó có 43.000 lính Mĩ,...

Tại Huế, quân ta làm chủ toàn thành phố trong 25 ngày.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã đánh một đòn bất ngờ vào bọn Mĩ – ngụy, khiến chúng choáng váng. Tuy nhiên, do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu quân), nên sau những yếu tố bất ngờ, chúng đã nhanh chóng điều quân cứu viện phản công ta ở cả đô thị và nông thôn.

Vì vậy, trong đợt 2 và 3, lực lượng của quân và dân ta gặp khá nhiều khó khăn, tổn thất. Để giữ vững lực lượng, chúng ta đã quyết định rút ra khỏi đô thị, chuẩn bị cho các cuộc tiến công sau này.

c. Kết quả, ý nghĩa

Tuy gặp phải những tổn thất và hạn chế trong đợt 2 và 3, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của ta vẫn giành được những kết quả và ý nghĩa hết sức to lớn:

+ Cuộc Tổng tiến công đã đạt được mục đích của ta đề ra là tiêu diệt được một bộ phận lớn quân Mĩ, đồng minh và chính quyền ngụy.

+ Sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc (vào ngày 1–11–1968) và phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

+ Cuộc Tổng tiến công đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải "phi Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của mình trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và thay bằng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" (từ 1969 đến 1975).

BÀI TẬP 7

Miền Bắc đã lập được những thành tích gì trong sản xuất, xây dựng kinh tế và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ từ năm 1965 đến năm 1968?

Trả lời

+ Thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại: Trong hơn 4 năm (5 – 8 – 1964 đến 1 – 11 – 1968) quân dân miền Bắc đã bắn rơi, phá hủy 3.243 máy bay trong đó có 6 máy bay B52, 3 máy bay F111, bắn chìm 143 tàu chiến, diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái,...

+ Thành tích trong sản xuất, xây dựng kinh tế: Ta tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp.

+ Trong nông nghiệp: diện tích canh tác không ngừng được mở rộng, năng suất lao động tăng.

+ Trong công nghiệp: sản xuất công nghiệp trong một số ngành vẫn được giữ vững, công nghiệp địa phương, công nghiệp quốc phòng tăng hơn trước.

+ Trong giao thông vận tải: bảo đảm giao thông thông suốt, văn hóa giáo dục, y tế, khoa học, văn học nghệ thuật phát triển mạnh phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu.

BÀI TẬP 8

Miền Bắc đã thực hiện nghĩa vụ của hậu phương như thế nào đối với tiền tuyến miền Nam từ năm 1965 đến năm 1968? Nêu kết quả và ý nghĩa.

Trả lời

– Trong suốt những năm kháng chiến chống Mĩ, đặc biệt là các năm 1965 – 1968 chống Mĩ ác liệt, bên cạnh tăng gia sản xuất thì miền Bắc là cũng là hậu phương lớn vững chắc, có nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Miền Bắc đã chi viện cho miền Nam về bộ đội, sức người, sức của thông qua tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên đường Hồ Chí Minh trên bộ (đường mòn Hồ Chí Minh dọc theo dãy Trường Sơn) và đường Hồ Chí Minh trên biển.

– Kết quả, trong 4 năm (1965 – 1968), miền Bắc đã đưa vào miền Nam trên 30 vạn cán bộ, bộ đội tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế – văn hóa tại các vùng giải phóng; vận chuyển vào miền Nam hàng chục vạn tấn vật chất, tăng gấp 10 lần so với giai đoạn trước.

– Sự chi viện về sức người, sức của của miền Bắc cùng với thắng lợi mà quân dân miền Bắc giành được trong chiến đấu và sản xuất đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống Mĩ.

BÀI 27

CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 – 1973)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Mĩ tiến hành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" sau khi bị thất bại trong chiến lược:

   Đáp án - C: "Chiến tranh cục bộ"

2. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" được thực hiện dưới thời Tổng thống Mĩ:

   Đáp án - D: Ních-xơn.

3. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng:

   Đáp án - D: Quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự chi phối về hỏa lực, không quân của Mĩ và đồng minh.

4. Mĩ tiến hành chiến lược: "Việt Nam hóa chiến tranh" thực chất là thực hiện âm mưu:

   Đáp án - D: Tất cả các ý trên đều đúng.

5. Thắng lợi chính trị mở đầu giai đoạn chống "Việt Nam hóa chiến tranh" là sự ra đời của :

   Đáp án - D: Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

6. Năm 1972, quân và dân ta ở miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược ở khắp chiến trường miền Nam bắt đầu từ ngày:

   Đáp án - A: 30 – 3 – 1972.

7. Ních-xơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai vào ngày:

   Đáp án: 16 – 4 – 1972.

8. Chiến thắng của quân dân miền Bắc đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của Mĩ trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 được ví như trận:

   Đáp án - D: Điện Biên Phủ trên không.

9. Giônxơn tuyên bố ngừng ném bom trên toàn miền Bắc vào ngày:

   Đáp án - C: 1 – 11 – 1968.

10. Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí ngày:

    Đáp án - D: 27 – 1 – 1973.

BÀI TẬP 2

Hãy điền dấu X vào ô trước ý trả lời đúng về những điểm giống nhau và khác nhau giữa chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 – 1968) và "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969 – 1973) trong bảng dưới đây.

Những điểm giống nhau	**Những điểm khác nhau**	
	"Chiến tranh cục bộ"	**"Việt Nam hóa chiến tranh"**
☒ Đều là những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới. ☒ Đều hoạt động phối hợp phá hoại miền Bắc, phối hợp hoạt động quân sự với chính trị, ngoại giao.	☒ Lực lượng tham gia là quân Mĩ, quân 5 nước đồng minh và quân đội Sài Gòn. ☒ Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu vừa là cố vấn chỉ huy. ☒ Chiến tranh mở rộng ra cả miền Bắc bằng không quân và hải quân (cả nước).	☒ Lực lượng tham gia chủ yếu là quân đội tay sai, có sự phối hợp về hỏa lực và không quân của Mĩ và đồng minh. ☒ Mĩ vừa là cố vấn vừa chỉ huy vừa phối hợp chiến đấu. ☒ Chiến trường mở rộng ra cả miền Bắc, Lào, Cam-pu-chia (toàn Đông Dương).

BÀI TẬP 3

Hãy điền dấu x vào ô trước ý trả lời đúng về âm mưu, thủ đoạn của Mĩ nhằm phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu ba dân tộc Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia từ năm 1969 đến năm 1973 và thắng lợi chung của ba dân tộc phá âm mưu, thủ đoạn đó của Mĩ.

Trả lời

Âm mưu, thủ đoạn của Mĩ	**Thắng lợi chung của ba dân tộc**
☒ Mĩ chỉ đạo bọn tay sai làm đảo chính lật đổ Chính phủ trung lập Xi-ha-núc của Cam-pu-chia ngày 18 – 3 – 1970, chuẩn bị cho cuộc phiêu lưu quân sự mới ở Đông Dương. ☒ 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn mở cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia (4 – 1970). ☒ 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn mở cuộc hành quân "Lam Sơn – 719" chiếm giữ Đường 9 – Nam Lào (2 – 1971).	☒ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp trong 2 ngày 24 và 25 – 4 – 1970 đối phó lại âm mưu, thủ đoạn của Mĩ và để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ. ☒ Từ ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia chiến đấu đập tan cuộc hành quân xâm lược của Mĩ và quâb đội Sài Gòn. ☒ Từ ngày 12 – 2 đến ngày 23 – 3 – 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân và dân Lào chiến đấu đập tan cuộc hành quân của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

BÀI TẬP 4

Hãy điền dấu x vào ô trước ý trả lời đúng về những điểm giống nhau và khác nhau về hoàn cảnh kí, nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử giữa Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam.

Trả lời

Nội dung so sánh	**Những điểm giống nhau giữa 2 hiệp định**	**Những điểm khác nhau giữa 2 hiệp định**	
		Hiệp định Giơ-ne-vơ	**Hiệp định Pa-ri**
Hoàn cảnh kí kết	☒ Đều có thắng lợi về chính trị và quân sự trên chiến trường, có trận thắng quyết định là Điện Biên	☒ Hội nghị Giơ-ne-vơ là hội nghị quốc tế, có sự chi phối của các nước lớn.	☒ Hội nghị Pa-r là hội nghị hai bên (Việt Nam và Hoa Kì), đượ

	Phủ và "Điện Biên Phủ trên không"		quyết định bởi hai bên.
Nội dung cơ bản	☒ Đều được các nước đế quốc công nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. ☒ Đều đưa đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình. ☒ Đều đưa đến việc đế quốc xâm lược rút khỏi chiến tranh.	☒ Hiệp định Giơ-ne-vơ là hiệp định về Đông Dương. ☒ Pháp rút quân từng bước sau 2 năm. ☒ Quân đội hai bên tập kết ở hai vùng hoàn chỉnh thuộc hai miền.	☒ Hiệp định Pa-ri là hiệp định về Việt Nam. ☒ Mĩ rút quân một lần sau 2 tháng. ☒ Quân đội hai bên ở nguyên tại chỗ.
Ý nghĩa lịch sử	☒ Đều là sự phản ánh, sự ghi nhận thắng lợi giành được trên chiến trường. ☒ Đều là Hiệp định hòa hoãn đưa đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình. ☒ Đều là cơ sở pháp lí để ta tiếp tục đấu tranh.	☒ Hiệp định Giơ-ne-vơ phản ánh không đầy đủ thắng lợi của ta trên chiến trường. ☒ Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, so sánh lực lượng thay đổi không có lợi cho ta.	☒ Hiệp định Pa-ri phản ánh đầy đủ thắng lợi của ta trên chiến trường. ☒ Sau Hiệp định Pa-ri, so sánh lực lượng có lợi cho ta.

BÀI TẬP 5

Hãy điền dấu x vào các cột trống bên phải về thắng lợi của quân và dân ta trong đấu tranh chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh" (1969 – 1973) của đế quốc Mĩ là thuộc thắng lợi về quân sự, chính trị hay ngoại giao.

Trả lời

STT	Thắng lợi	Quân sự	Chính trị	Ngoại giao
1	Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời ngày 6–6–1969.		x	
2	Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia họp ngày 24 và 25–4–1970 để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.		x	x
3	Đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mĩ và quân Sài Gòn (từ 30 – 4 đến 30 – 6 – 1970)	x		

4	Đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn – 719" chiếm giữ Đường 9 – Nam Lào của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn (từ 12 – 3 đến 23 – 3 – 1971).	x		
5	Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ở các thành thị, đặc biệt là phong trào học sinh, sinh viên ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.		x	
6	Phong trào của quần chúng nổi dậy chống "bình định", phá "ấp chiến lược" ở nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị.		x	
7	Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 mở đầu ngày 30 – 3 ở miền Nam.	x		
8	Đập tan cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 của Mĩ (trận "Điện Biên Phủ trên không") từ 18 đến 29 – 12 – 1972.	x		
9	Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27 – 1 – 1973).		x	x

BÀI TẬP 6

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam diễn ra như thế nào? Nêu kết quả và ý nghĩa.

Trả lời

– Ngày 30 – 3 – 1972, ta chủ động mở cuộc tiến công chiến lược xuân – hè 1972 chống Mĩ, ngụy trên khắp chiến trường miền Nam và diễn ra trong cả năm 1972. Hướng tiến công chủ yếu là Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Sau 3 tháng tiến công, ta tiêu diệt và làm tan rã 20 vạn quân ngụy, giải phóng một vùng đất rộng lớn với trên 1 triệu dân. Nhưng do lực lượng của Mĩ – ngụy còn đông và mạnh nên sau đòn tấn công bất ngờ này, chúng tổ chức ngay cuộc phản công. Chúng đã tiến hành "Mĩ hóa" cuộc chiến tranh, bằng cách đẩy mạnh hơn nữa cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, gây lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc từ ngày 6 – 4 – 1972.

– Ý nghĩa: Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã tạo ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, giáng một đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) và quốc sách "bình định" (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam cùng với chiến thắng trong trận "Điện Biên Phủ trên không" ở miền Bắc đã buộc Mĩ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, phải kí Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút hết quân về nước sau 2 tháng.

BÀI TẬP 7

Miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội từ năm 1969 đến năm 1973?

Trả lời

+ Trong nông nghiệp, Chính phủ đề ra một số chủ trương khuyến khích sản xuất, tích cực áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật với nhiều biện pháp thâm canh tăng vụ,... Kết quả, nhiều hợp tác xã đạt 5 tấn thóc–1 ha gieo trồng trong 1 năm. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

+ Trong công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp bị máy bay Mĩ tàn phá được khôi phục và đi vào hoạt động. Nhiều công trình quan trọng được gấp rút xây dựng và hoàn thành, đi vào sử dụng như nhà máy thủy điện Thác Bà (Yên Bái).

Năm 1971, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 14,2 % so với năm 1968.

+ Hệ thống giao thông vận tải tiếp tục được sửa chữa và làm mới thêm, phục vụ vận chuyển, đưa bộ đội, lương thực, thuốc men,... cho tiền tuyến.

+ Văn hóa, giáo dục và y tế cũng được coi trọng, đời sống nhân dân ổn định.

Những thành tựu của nhân dân miền Bắc trong việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội từ năm 1969 đến năm 1973 đã tạo niềm tin và cơ sở vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đi đến thắng lợi.

BÀI TẬP 8

Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ (từ ngày 6 – 4 – 1972 đến ngày 15 – 1 – 1973) đã trải qua những nấc thang như thế nào? Nêu âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến tranh phá hoại lần này.

Trả lời

– Các nấc thang của chiến tranh phá hoại:

+ Để hỗ trợ cho cuộc càn quét phá hoại ở chiến trường miền Nam trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", từ ngày 6 – 4 – 1972, Mĩ đã cho không quân, hải quân đánh phá một số nơi ở Khu IV cũ.

+ Ngày 16 – 4 – 1972, Ních-xơn tuyên bố chính thức tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

+ Ngày 9 – 5 – 1972, tuyên bố phong tỏa cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch và vùng biển miền Bắc Việt Nam.

+ Từ tối 18 – 12 – 1972 đến hết ngày 29 – 12 – 1972, Ních-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng.

+ Đến 15 – 1 – 1973, Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động phá hoại miền Bắc, đi đến kí kết hiệp định Pa-ri.

– Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ: Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của Mĩ vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất cả về quy mô, tốc độ và cường độ đánh phá. Mĩ sử dụng phổ biến, tập trung các loại máy bay hiện đại nhất như B52, F111, để nhằm cứu vãn tình thế thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pa-ri.

BÀI TẬP 9

Quân và dân miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của Mĩ cuối năm 1972 như thế nào? Nêu kết quả và ý nghĩa.

Trả lời

– Diễn biến: Từ tối ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972, quân Mĩ đã ném bom xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 với 10 vạn tấn bom đạn, có sức công phá tương đương 5 quả bom nguyên tử mà Mĩ đã ném xuống thành phố Hi-rô-si-ma của Nhật Bản năm 1945.

– Kết quả, ý nghĩa: Nhân dân miền Bắc đã đánh trả những đòn đích đáng và đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", bắn rơi 81 máy bay Mĩ (trong đó có 34 máy bay B52 và 5 máy bay F111), buộc chính phủ Mĩ phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Đến ngày 15 – 1 – 1973, Mĩ tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động phá hoại miền Bắc, đi đến kí kết Hiệp định Pa-ri.

BÀI TẬP 10

Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương từ năm 1969 đến năm 1973 trong tình hình chiến tranh như thế nào, từ đó đặt ra yêu cầu gì? Nêu kết quả và ý nghĩa.

Trả lời

– Tình hình chiến tranh và yêu cầu được đặt ra:

+ Miền Bắc vừa phải chiến đấu tự bảo vệ mình chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mĩ, vừa ra sức sản xuất và chi viện cho đồng bào miền Nam, phục vụ công cuộc kháng chiến chống Mĩ, tiến tới giải phóng miền Nam khi thời cơ đến.

+ Tuy bị đế quốc Mĩ phá hoại bằng không quân và hải quân, nhưng miền Bắc ngày càng lớn mạnh và vững chắc thêm, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cho tiền tuyến miền Nam, thúc đẩy cách mạng miền Nam.

+ Bên cạnh việc làm nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam, nhân dân miền Bắc còn phải làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia. Như vậy, lúc này yêu cầu chi viện là rất lớn.

– Kết quả:

+ Số lượng bộ đội, cán bộ thanh niên xung phong lên đường vào Nam đánh giặc ngày càng tăng: trong 3 năm (1969 – 1971), hàng chục vạn thanh niên nhập ngũ, trong đó có 60% lên đường bổ sung cho các chiến trường. Năm 1972 có 22 vạn thanh niên miền Bắc vào các chiến trường tham gia chiến đấu chống Mĩ.

+ Số lượng vật chất (vũ khí, đạn dược, lương thực,...) đưa vào chiến trường miền Nam ngày càng nhiều: Từ năm 1972 tăng 1,6 lần so với năm 1971,...

– Ý nghĩa: Những thắng lợi về quân sự của nhân dân miền Bắc trong việc chống lại chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mĩ cũng như thành tích chi viện về sức người, sức của cho miền Nam càng chứng tỏ sự lớn mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời tạo nên niềm tin cho nhân dân miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đi đến thắng lợi cuối cùng.

BÀI TẬP 11

1. Hãy trình bày những nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27 – 1 – 1973).

2. Phân tích ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam.

Trả lời

1. Nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27 – 1 – 1973):

Sau 202 phiên họp công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng (từ ngày 13 – 5 – 1968), ngày 27 – 1 – 1973, Hiệp định Pa-ri đã được kí kết với các nội dung chính:

+ Mĩ buộc phải cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

+ Mĩ phải rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu, phá hủy các căn cứ quân sự, cam kết không dính líu hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam.

+ Mĩ và Chính quyền Sài Gòn công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là một bên của miền Nam Việt Nam, công nhận thực tế ở miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng.

+ Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và thường dân bị bắt cho nhau.

+ Mĩ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

2. Phân tích ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam.

+ Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam được 12 nước họp tại Pa-ri công nhận là một văn bản mang tính pháp lí quốc tế, là thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao của ta.

+ Thắng lợi của Hiệp định Pa-ri năm 1973 cũng là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta trên hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc: Thời kì "đánh cho Mĩ cút" đã kết thúc, tạo cơ sở thuận lợi để ta tiếp tục "đánh cho ngụy nhào", hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc.

+ Tạo điều kiện hòa bình cho miền Bắc khôi phục, phát triển kinh tế, tăng cường tiềm lực hậu phương vững chắc và chi viện cho miền Nam chiến đấu.

BÀI 28

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam?

   Đáp án - A: Khắc phục hậu quả chiến tranh.

2. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta vào ngày:

   Đáp án - D: 29 – 3 – 1973.

3. Sau Hiệp định Pa-ri năm 1973, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là:

   Đáp án - A: Đấu tranh chống địch "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

4. Sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa địch và ta có lợi cho ta như thế nào sau Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam?

a) Về phía địch

Đáp án - B: Sau khi rút về nước, quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ không có khả năng quay trở lại, viện trợ của Mĩ cho chính quyền Sài Gòn giảm dần.

b) Về phía ta

Đáp án - A: Lực lượng cách mạng ở miền Nam không giảm, mà tăng nhanh sau Hiệp định Pa-ri.

5. Nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng miền Nam sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 – 1973) là:

Đáp án - D: Tất cả các ý trên.

6. Trong chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam điểm nào dưới đây khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn và linh hoạt của Đảng?

Đáp án - D: Tất cả các ý trên đều đúng.

7. Trước tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam

Đáp án - D: Trong hai năm 1975 và 1976.

8. Tây Nguyên được giải phóng vào ngày:

Đáp án - D: 24 – 3 – 1975.

9. Huế được giải phóng vào ngày:

Đáp án - C: 26 – 3 – 1975.

10. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi vào ngày:

Đáp án - C: 30 – 4 – 1975.

BÀI TẬP 2.

Hoàn thành bảng kiến thức về thành tích của miền Bắc trong từng nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, trong chi viện cho tiền tuyến miền Nam từ năm 1973 đến năm 1975 và ý nghĩa của những thành tựu đạt được đó.

Trả lời

Nhiệm vụ	Kết quả đạt được
Khắc phục hậu quả chiến tranh	Giữa năm 1973 đã căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thủy lôi, bom mìn do Mĩ thả trên biển, trên sông, đảm bảo việc đi lại bình thường.

Khôi phục và phát triển kinh tế–xã hội	– Đến năm 1974, miền Bắc đã khôi phục xong các cơ sở kinh tế, hệ thống thủy nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hóa,... – Năm 1973 tổng sản lượng lúa đạt 5 triệu tấn; năm 1974 là 4,5 triệu tấn; giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp tăng 15% so với năm 1973,... Đời sống nhân dân được ổn định.
Thực hiện nghĩa vụ hậu phương	– Đưa vào các chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn,... – Đưa vào chiến trường miền Nam 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng,... chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy.

BÀI TẬP 3

Điền kiến thức phù hợp vào bảng sau về âm mưu và hành động của địch ở miền Nam sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

Trả lời

Âm mưu và hành động của đế quốc Mĩ	**Âm mưu và hành động của Chính quyền Sài Gòn**
Mĩ vẫn giữ lại ở miền Nam nước ta hơn 2 vạn cố vấn quân sự, tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.	+ Ngang nhiên phá hoại Hiệp định, tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", liên tiếp mở những cuộc hành quân "bình định – lấn chiếm" vùng giải phóng của ta. + Thực chất của những việc làm trên là phá hoại Hiệp định Pa-ri, tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

BÀI TẬP 4

1. Điền kiến thức phù hợp vào 2 cột bên phải về nhiệm vụ, mục tiêu, thành tích trong chiến đấu và sản xuất của quân và dân ta ở miền Nam từ sau khi có Nghị quyết 21 (7 – 1973) của Đảng đến đầu năm 1975.

Trả lời

Nội dung	**Nhiệm vụ, mục tiêu**	**Thành tích**
Chiến đấu ở	Kiên quyết đánh trả ngụy quân, ngụy quyền, bảo	Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, ta mở các hoạt động quân sự ở Đông Nam Bộ, giành chiến thắng ở Phước Long (6 – 1 – 1975),

tiền tuyến	vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở các cuộc tiến công địch để mở rộng vùng giải phóng.	giải phóng Đường 14 và toàn tỉnh Phước Long với 5 vạn dân.
Sản xuất ở địa phương	Đồng thời với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn dự trữ chiến lược cho cuộc chiến đấu hoàn thành giải phóng miền Nam.	Năm 1973, diện tích gieo trồng ở các vùng giải phóng thuộc đồng bằng sông Cửu Long tăng 20% so với năm 1972. Nhờ sản xuất phát trển, đóng góp của nhân dân cho cách mạng ngày càng tăng. Năm 1973, nhân dân khu IX (miền Tây Nam Bộ) đã đóng góp 1,7 triệu giạ lúa (bằng 34.000 tấn) và 6 tháng đầu năm 1974 đã đóng góp được 2,4 triệu giạ lúa (bằng 48.000 tấn). Các ngành sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, các mặt hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế cũng được đẩy mạnh.

2. Phân tích ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (6 – 1– 1975).

Trả lời

Chiến thắng Phước Long (12 – 12 – 1974 đến 6 –1 – 1975) đã loại khỏi vòng chiến đấu 3.000 tên địch, giải phóng Đường 14 và hoàn toàn tỉnh Phước Long với 5 vạn dân. Chiến thắng Phước Long thể hiện sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của quân ta, đồng thời là biẹu hiện suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, tạo thế và lực mới cho ta trong việc tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

BÀI TẬP 5

Trình bày tóm tắt Diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 qua ba chiến dịch: Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trả lời

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 được diễn ra trong gần hai tháng, trải qua 3 chiến dịch lớn là Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh, với phương châm: thần tốc, táo bạo, bất ngờ và chắc thắng.

** Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4–3 đến ngày 24–3–1975)*

+ Thực hiện kế hoạch của Bộ Chính trị, quân ta tập trung chủ lực mạnh và vũ khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn đánh vào Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của địch. Ngày 10–3–1975, ta đánh trận mở màn ở Buôn Ma Thuột và giành thắng lợi nhanh chóng, giải phóng hoàn toàn thị xã.

+ Ngày 12–3–1975, địch cho quân phản công chiếm lại Buôn Ma Thuộ nhưng không thành, hệ thống phòng thủ của chúng ở Tây Nguyên bị run chuyển, quân địch hoảng loạn và bỏ hàng ngũ tháo chạy về duyên hải miề Trung. Trên đường rút chạy, chúng lại bị quân ta truy kích tiêu diệt.

Kết quả, đến ngày 24–3–1975 ta kết thúc chiến dịch Tây Nguyên thắn lợi, giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên với 60 vạn dân.

** Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ ngày 21–3 đến ngày 29–3–1975*

+ Chớp thời cơ chiến lược sau chiến thắng ở Tây Nguyên, Bộ Chính tı kịp thời đưa ra kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước hê là giải phóng Huế – Đà Nẵng.

Ngày 19–3–1975, quân ta tiến công và giải phóng Quảng Trị, buộc địc phải bỏ chạy và co cụm vào Huế– Đà Nẵng.

+ Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21–3–1975, quân ta đánh thẳn vào căn cứ của địch. Ngày 25–3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sa (26–3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

+ Cùng thời gian này, quân ta tiến hành giải phóng thị xã Tam Kỳ Quảng Ngãi, Chu Lai và hình thành thế bao vây, uy hiếp Đà Nẵng. Đ Nẵng trở thành thành phố lớn thứ hai ở miền Nam bị rơi vào thế cô lập vớ hơn 10 vạn tên địch, chúng trở nên hỗn loạn, mất tinh thần chiến đấu. Lú này, Mĩ phải dùng máy bay trực thăng để di tản cố vấn Mỹ và một phầ lực lượng ngụy quyền.

Ngày 29–3–1975, quân ta từ 3 phía Bắc, Tây và Nam đồng loạt tiế thẳng vào thành phố. Đến 3 giờ chiều, thành phố Đà Nẵng hoàn toàn đượ giải phóng.

** Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26–4 đến ngày 30–4–1975)*

+ Sau chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịc giải phóng Sài Gòn mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh". Cả nước đều ra quâ với khí thế chiến thắng và tư tưởng "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng".

Chiến dịch được bắt đầu bằng đợt tiến công của quân ta vào Xuân Lộ và Phan Rang. Đây là những căn cứ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gò từ phía Đông. Nhiều cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, nội bộ của Mĩ – ngụ ngày càng trở nên hoảng loạn. Trước tình hình đó, ngày 18–4–1975 Tổn thống Mĩ phải ra lệnh di tản người Mĩ ra khỏi Sài Gòn. Ngày 21–4, Nguyễ Văn Thiệu phải tuyên bố từ chức Tổng thống.

+ Đúng 17h chiều ngày 26–4, quân ta từ 5 hướng được lệnh đồng loạt n súng tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não củ chúng. 10h 45 ngày 30–4–1975, xe tăng của ta húc đổ cánh cổng sắt Din Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính quyền Trung ương Sài Gòn. Dương Vă Minh vừa lên giữ chức Tổng thống Sài Gòn (thay cho Nguyễn Văn Thiệ ngày 28–4) phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Đúng 11h 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng giải phóng bay trên tòa nhà Phủ Tổng thống ngụy, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử .

+ Thừa thắng, lực lượng vũ trang của nhân dân các tỉnh còn lại cũng đứng lên giải phóng theo phương thức "xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh".

Đến ngày 2 – 5 – 1975, Châu Đốc là tỉnh cuối cùng của miền Nam nước ta được giải phóng.

BÀI TẬP 6

Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

Trả lời

a. Nguyên nhân thắng lợi

* *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi trước hết do có sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo. Đó là đường lối tiến hành cùng một lúc hai chiến lược cách mạng ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đây là sự sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam trong tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.

+ Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn, có tinh thần đoàn kết nhất trí, lao động cần cù và chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước do Đảng lãnh đạo, những truyền thống đó lại được phát huy cao độ, vì vậy sức mạnh dân tộc Việt Nam được phát huy đến mức cao nhất.

+ Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc được bảo vệ vững vàng đã trở thành hậu phương vững chắc, đáp ứng ngày càng lớn yêu cầu chi viên sức người, sức của cho miền Nam.

* *Nguyên nhân khách quan:*

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta thắng lợi còn có tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước trên bán đảo Đông Dương là Việt Nam, Lào và Cam–pu–chia; sự đồng tình, ủng hộ giúp đỡ to lớn về vật chất và tinh thần của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô và Trung Quốc; phong trào phản đối chiến tranh Mĩ xâm lược Việt Nam của nhân dân thế giới và nhân dân Mĩ.

b. Ý nghĩa lịch sử

* *Đối với trong nước:*

+ Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ cứu nước, đồng thời kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 – 1975), chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị củ chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến, rửa sạch nổi nhục và nỗi đau mấ nước hơn 1 thế kỷ qua. Trên cơ sở đó, hoàn thành về cơ bản cách mạng dâ tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ thành công chủ nghĩa xã hội miền Bắc, xóa bỏ mọi cản trở trên con đường thống nhất nước nhà.

+ Thắng lợi này đã mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên độc lập dân tộc và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mộ trong những thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước củ dân tộc ta.

** Đối với thế giới:*

+ Thắng lợi của nhân dân ta và thất bại của đế quốc Mĩ có tác động lớ đến nội bộ nước Mĩ và cục diện thế giới, có ảnh hưởng và là nguồn cổ vũ t lớn đối với phong trào cách mạng trên thế giới, các dân tộc đang đấu tran chống chủ nghĩa đế quốc để tự giải phóng cho mình.

+ Thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứ nước đã được Đảng ta khẳng định "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc t như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về s toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đ vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiệ có tầm quan trọng quốc tế và có tính thời đại sâu sắc".

Chương V

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

BÀI 29

VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng

1. Nước ta bước vào kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hộ từ khi:

   Đáp án - D: Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nướ năm 1975.

2. Quá trình Việt Nam hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nướ đã trải qua những bước như:

   Đáp án - E: Tất cả các ý trên đều đúng.

3. Việc thực hiện những nhiệm vụ cấp bách trước mắt và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ có ý nghĩa:

Đáp án - D: Cả A, B, C đều đúng.

4. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thành lập ngày:

Đáp án - C: Ngày 2 – 7 – 1976.

BÀI TẬP 2

Điền kiến thức phù hợp về tình hình hai miền Bắc và Nam sau đại thắng mùa xuân năm 1975 vào bảng sau.

Trả lời

Miền	Thuận lợi	Khó khăn
Miền Bắc	Đã trải qua hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây những cơ sở vật chất – kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội	Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ác liệt của Mĩ đã tàn phá và gây hậu quả nặng nề với miền Bắc.
Miền Nam	Hoàn toàn được giải phóng, chế độ thực dân mới cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn sụp đổ.	Chiến tranh đã gây nên những hậu quả nặng nề, kinh tế lạc hậu, mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài, bao di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại,...

BÀI TẬP 3

Điền vào bảng những nhiệm vụ và thành tựu của cách mạng miền Bắc trong năm đầu sau đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Trả lời

Nhiệm vụ	Thành tựu
Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – văn hóa.	+ Giữa năm 1976, căn bản hoàn thành nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, sản lượng các ngành kinh tế đã đạt và vượt mức trước chiến tranh; sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển mạnh. + Làm nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả nước và làm nghĩa vụ quốc tế với Lào và Cam-pu-chia trong thời kì mới.

BÀI TẬP 4

Điền vào bảng những nhiệm vụ và thành tựu của cách mạng miền Nam trong năm đầu sau đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Trả lời

Nhiệm vụ	**Thành tựu**
Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, kết hợp với nhiệm vụ ổn định tình hình ở những vùng mới giải phóng.	+ Thực hiện tiếp quản vùng mới giải phóng. + Thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp. + Tổ chức nhân dân ở các thành thị, các “ấp chiến lược” hồi hương, chuyển về nông thôn. + Tuyên bố xóa bỏ quan hệ bóc lột phong kiến, bước đầu thực hiện chính sách ruộng đất, đem lại quyền lợi cho nông dân. + Khôi phục sản xuất các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp... + Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế,.. được tiến hành khẩn trương từ những ngày mới giải phóng.

BÀI TẬP 5

Quốc hội khóa VI kì họp thứ nhất (từ ngày 24 – 6 đến ngày 3 – 7 – 1976) đã có những quyết định gì về một nước Việt Nam thống nhất và về c cấu tổ chức Nhà nước Việt Nam thống nhất đầu tiên?

Trả lời

a) Về một nước Việt Nam thống nhất:

+ Thông qua nhiều chính sách quan trọng (chính sách đối nội, đối ngoại).

+ Quyết định tên nước: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ ngày 2 – – 1976); Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, thủ đô là H Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

b) Về cơ cấu tổ chức Nhà nước Việt Nam thống nhất đầu tiên:

– Ở Trung ương: Bầu các cơ quan, chức vụ cao nhất của Nhà nước, bầ Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

– Ở địa phương: Quốc hội quyết định tổ chức thành ba cấp chính quyền.

BÀI 30

VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 – 1986)

BÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

. Việt Nam chuyển sang giai đoạn cả nước làm cách mạng xã hội chủ nghĩa:
Đáp án - D: Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời năm 1976.

2. Mục tiêu và mối quan hệ giữa các mục tiêu đó trong giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam là:
Đáp án - D: Cả A, B, C đều đúng.

3. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước được đề ra ra tại:
Đáp án - C: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 – 1976).

4. Khó khăn lớn nhất của nước ta khi tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa là:
Đáp án - C: Một nước có nền sản xuất nhỏ là phổ biến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

5. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội được đề ra tại Đại hội V có điểm khác so với đại hội IV là:
Đáp án - D: Cả A, B, C đều đúng.

BÀI TẬP 2

Điền vào bảng sau những kiến thức phù hợp về nhiệm vụ, mục tiêu của hai kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 – 1980) và (1981 – 1985)

Trả lời

Các kế hoạch	Nhiệm vụ, mục tiêu
Kế hoạch nhà nước 5 năm 1976 – 1980	Là xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nhằm 2 mục tiêu cơ bản: xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.
Kế hoạch nhà nước 5 năm 1981 – 1985	"Phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân" nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế xã hội, đáp ứng được những yêu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.

BÀI TẬP 3

Trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1976 – 1980, cách mạn xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu và gặp khó khăn, hạ chế gì? Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế.

Trả lời

a) Thành tựu đạt được

– Trong khôi phục kinh tế: phục hồi và phát triển các cơ sở kinh t công – nông nghiệp, giao thông vận tải bị địch đánh phá, làm cho năng lự sản xuất của các ngành kinh tế được nâng lên.

+ Nông nghiệp: Diện tích gieo trồng được mở rộng: 2 triệu ha, năng suấ lao động tăng.

+ Công nghiệp: Gấp rút khôi phục và xây dựng các nhà máy phục v cho sự phát triển công nghiệp: xi măng, điện, cơ khí, điện lực, đường, giấy kéo sợi.

+ Giao thông vận tải: Miền Bắc đã phục hồi, xây dựng gần 1.700 k đường sắt, 30.000 đường ô tô, cầu cảng,... Tuyến đường sắt thống nhất từ H Nội đến thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trở lại sau 30 năm gián đoạn.

– Trong cải tạo quan hệ sản xuất: cải tạo các thành phần kinh tế t nhân, đi đến xây dựng hai thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh và kin tế tập thể. Chuyển các xí nghiệp, nhà máy tư bản thành các xí nghiệp quố doanh và công ti hợp doanh. Vận động nhân dân đi vào con đường làm ă tập thể trong các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã...

– Trong văn hóa, giáo dục: Đẩy mạnh phát triển phong trào bình dâ học vụ thu hút đông đảo người tham gia. Tăng cường giáo dục tiểu học trung học, đại học (1976 – 1980: 15 triệu học sinh bằng 1–3 dân số). M mang y tế phòng bệnh, chữa bệnh.

b) Khó khăn, hạn chế

+ Kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể luôn bị thua lỗ. Kinh tế thươn nghiệp bị ngăn cấm không phát huy được tác dụng và phát triển được dẫ đến sự mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế. Thu nhập quốc dâ giảm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, những hiện tượng tiêu cự nảy sinh ngày càng nhiều do nền kinh tế quan liêu, bao cấp.

c) Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế: Do nền kinh tế vố nghèo nàn lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng và chính sác cấm vận của Mĩ đã cản trở các nước khác hợp tác kinh tế với ta. Song nguyên nhân chủ yếu là do những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong việ chưa nắm bắt được quy luật phát triển kinh tế từ nền sản xuất nhỏ lên sả xuất lớn, chủ trương cải tạo, xây dựng kinh tế, đề ra những chỉ tiêu quá lớ ề quy mô và quá cao về tốc độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất rong nông nghiệp và công nghiệp,... Sự chỉ đạo đó thể hiện tư tưởng chủ uan, nóng vội, duy ý chí trong việc đề ra các biện pháp tổ chức và chỉ đạo hực tiễn quản lí kinh tế – xã hội, gây nên tình trạng khủng hoảng về kinh ế – xã hội ở nước ta.

ÀI TẬP 4

Trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1981 – 1985, cách mạng ã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu và gặp khó khăn, hạn hế gì? Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế.

Trả lời

a) Thành tựu đạt được

– Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp: đã chặn được đà giảm út của những năm 1976 – 1980. Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm ,9% so với 1,9% của thời kì 1976 – 1980. Sản xuất lương thực từ 13,4 triệu ấn lên 17 triệu tấn. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,5% o với 0,6% trong thời kì 1976 – 1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân àng năm 6,4% so với 0,4% trong 5 năm trước.

– Trong xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật: Có bước phát triển đáng kể ới việc xây dựng các công trình mới...

– Trong hoạt động khoa học – kĩ thuật: Các hoạt động khoa học – kĩ huật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông ghiệp.

– Văn hóa – xã hội: có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng ền văn hóa mới, con người mới.

b) Khó khăn, hạn chế: Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tuy có đạt ược nhiều thành tựu, song về cơ bản vẫn chưa thực hiện được sự ổn định ình hình kinh tế – xã hội.

c) Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

+ Khách quan: Sự chống đối, phá hoại của các thế lực thù địch.

+ Chủ quan: Sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lí của Đảng, Nhà ước, đặc biệt là trong việc đưa ra các chính sách kinh tế, thể hiện tính chủ uan duy ý chí, nóng vội đối với những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

ÀI TẬP 5

Điền vào các cột trống những số liệu phù hợp để so sánh kết quả thực iện kế hoạch nhà nước 5 năm 1981 – 1985 với kế hoạch nhà nước 5 năm 976 – 1980.

Trả lời

Nội dung	Kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980	Kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985
Sản xuất nông nghiệp (chung)	Tăng bình quân hàng năm 1,9%.	Tăng bình quân hàng năm 4,9%.
Sản lượng lương thực	13,4 triệu tấn.	17 triệu tấn.
Sản xuất công nghiệp	Tăng bình quân hàng năm 0,6%.	Tăng bình quân hàng năm 9,5%.
Thu nhập quốc dân	Tăng bình quân hàng năm 0,4%.	Tăng bình quân hàng năm 6,4%.

BÀI TẬP 6

Điền kiến thức, sự kiện vào cột bên phải sao cho phù hợp với nội dung ở cột bên trái về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta trong những năm 1975 – 1979.

Trả lời

Nội dung	Kiến thức, sự kiện
Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam	+ Đầu tháng 5 – 1975, Pôn Pốt cho quân đổ bộ chiếm đảo Phú Quốc, đảo Thổ Chu. + Ngày 22 – 12 – 1978, chúng dùng pháo binh, bộ binh, xe tăng đánh vào Tây Ninh. Mở đầu cuộc xâm lược biên giới phá Tây Nam nước ta. + Kết quả: Ta đã đập tan mưu đồ xâm lược ngay khi chúng đặt chân vào nước ta, đồng thời thể theo nguyện vọng của nhân dân Cam-pu-chia, quân đội ta phối hợp với lực lượng cách mạng Cam-pu-chia tấn công tiêu diệt chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 7 – 1 – 1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.
Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc	+ Ngày 17 – 2 – 1979, quân đội Trung Quốc huy động 32 sư đoàn tấn công dọc biên giới phía Bắc nước ta, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). + Nhân dân ta, nhất là nhân dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc đã chiến đấu anh dũng, đến 18 – 3 – 1979, quân Trung Quốc đã phải rút khỏi nước ta. + Ý nghĩa: bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc trước mọi âm mưu thù địch của kẻ thù.

BÀI 31

VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)

ÀI TẬP 1

Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

. Nguyên nhân quan trọng nhất đưa đến công cuộc đổi mới là:

Đáp án - C: Đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng mà trước hết là khủng hoảng về kinh tế – xã hội.

. Đường lối đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng được hiểu là:

Đáp án - D: Tất cả các ý trên.

. Công cuộc đổi mới được đề ra từ

Đáp án - C: Đại hội VI (12 – 1986) của Đảng.

. Biến đổi của tình hình thế giới có tác động mạnh nhất đến nước ta đầu những năm 90 của thế kỉ XX là:

Đáp án - D: Sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

. Ý nào sau đây **không** phải là mục tiêu kinh tế – xã hội của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1991 – 1995?

Đáp án - C: Nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

. Sự kiện nổi bật trong quan hệ đối ngoại của nước ta những năm 1991 – 1995 là:

Đáp án - D: Ý B và C đúng.

. Thành tựu lớn nhất sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 1995) là:

Đáp án - C. Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động quốc tế.

. Nhiệm vụ trọng tâm của những năm tiếp theo, kể từ năm 1986 trở đi la:

Đáp án - C: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

ÀI TẬP 2

Điền kiến thức vào bảng sau về bối cảnh trong nước và thế giới khi ước ta chuyển sang thực hiện đường lối đổi mới từ Đại hội VI (12 – 1986) ủa Đảng.

Trả lời

Bối cảnh Việt Nam	Bối cảnh thế giới
+ Trải qua 10 năm thực hiện hai kế hoạch 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976–1980 và 1981–1985), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu và tiến bộ đáng kể trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội và trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Song, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn và yếu kém, chủ yếu là do sai lầm khuyết điểm gây ra, dẫn đến khủng hoảng kinh tế – xã hội.	+ Sau nhiều thập kỉ phát triển, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã lâm vào thời kì khủng hoảng trầm trọng, đang đứng trước những khó khăn lớn và có nguy cơ sụp đổ nếu không có sự điều chỉnh trước sự biến động của tình hình thế giới. Nhiều nước trên thế giới sau một thời gian chịu tác động, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 họ đã áp dụng những thành tựu của khoa học, kĩ thuật và vượt qua, phát triển nhanh chóng. + Xu thế chung của thế giới lúc bấy giờ là "quốc tế hóa", là cải cách mở cửa để phát triển kinh tế. Năm 1978, Trung Quốc đã tiến hành cải cách nền kinh tế, xây dựng "chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc" và bước đầu đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Như vậy, "Đổi mới" là vấn đề sống còn của nước ta bấy giờ, cũng là xu hướng tất yếu của thời đại.

BÀI TẬP 3

Điền kiến thức vào bảng về nội dung đường lối đổi mới kinh tế, chính trị của Đảng đề ra từ Đại hội VI (12 – 1986).

Trả lời

Đổi mới kinh tế	Đổi mới chính trị
Đảng chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường; xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ; phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan kinh tế đối ngoại	Đảng chủ trương xây dựng nước Việt Nam thành một nước có nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị.

BÀI TẬP 4

Điền kiến thức phù hợp vào bảng về nhiệm vụ, mục tiêu của ba kế hoạch nhà nước 5 năm (1986 – 1990), (1991 – 1995) và (1996 – 2000).

Trả lời

Các kế hoạch 5 năm	Nhiệm vụ, mục tiêu
Kế hoạch 5 năm 1986 – 1990	+ Phải tập trung sức người, sức của thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của 3 chương trình kinh tế: sản xuất lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất hàng xuất khẩu.
Kế hoạch 5 năm 1991 – 1995	+ Phải đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát; ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội; ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Song, để thực hiện được mục tiêu trên thì cả nước phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, tiếp tục 3 chương trình kinh tế (sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu).
Kế hoạch 5 năm 1996 – 2000	+ Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu đạt và vượt mục têu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, đi đôi với giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội. Cải thiện đời sống của người dân và nâng cao tích luy từ nội bộ nền kinh tế. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

BÀI TẬP 5

Điền kiến thức phù hợp vào bảng về thành tựu, khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1986 – 1990.

Đáp án

Thành tựu	Khó khăn và hạn chế
+ Về sản xuất lương thực thực phẩm: Từ chỗ thiếu ăn triền miên (năm 1988 phải nhập 45 vạn tấn gạo từ nước ngoài) thì năm 1990 chúng ta đã đáp ứng được nhu cầu lương thực trong nước, có dữ trữ xuất khẩu ra nước ngoài, đời sống nhân dân được ổn định.	+ Nền kinh tế mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao, hiệu quả kinh tế thấp...

+ Về sản xuất hàng tiêu dùng: Hàng hóa trên thị trường ngày càng trở nên dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, sản phẩm mẫu mã ngày càng cao. Phần bao cấp của Nhà nước về vốn, giá vật tư, tiền lương giảm đáng kể. + Về sản xuất hàng xuất khẩu và kinh tế đối ngoại: Từ 1986 đến 1990, hàng xuất khẩu của nước ta tăng gấp 3 lần, trong đó đáng chú ý là xuất khẩu lúa gạo, dầu thô. Nhập khẩu được giảm đi đáng kể, tiến dần tới mức cân bằng giữa xuất khẩu và nhập khẩu. + Chúng ta đã kiềm chế được một phần lạm phát, nếu chỉ số tăng giá bình quân trên thị trường năm 1986 là 20% thì năm 1990 chỉ còn 4,4 %. Những thành tựu, ưu điểm và tiến bộ trong kế hoạch 5 năm (1986 – 1990) đã chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, cần tiếp tục phát huy hơn nữa.	+ Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của một bộ phận nhân dân b giảm sút. + Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp. Những hiện tượng tham nhũng, ăn hối lộ, mất dân chủ trong xã hội còn nặng nề và phổ biến.

BÀI TẬP 6

Điền kiến thức phù hợp vào bảng về thành tựu và tiến bộ, khó khăn và hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1991 – 1995.

Đáp án

Thành tựu và tiến bộ	**Khó khăn và hạn chế**
+ Nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân 8,2% / năm; công nghiệp tăng bình quân 13,3% / năm, nông nghiệp là 4% năm,... + Về tài chính, tiền tệ: nạn lạm phát ở mức cao đã bị đẩy lùi (năm 1991 là 67,1%, đến năm 1995 còn 12,7%). + Về xuất khẩu đạt 17 tỉ USD, đáng chú ý là những mặt hàng tăng khối lượng xuất khẩu như lúa gạo, dầu thô, cà phê, may mặc, hải sản,... Quan hệ mậu dịch của nước ta đã mở rộng ở hơn 100 nước trên thế giới, tiếp cận với nhiều tổ chức kinh tế và thị trường mới. + Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm tăng nhanh, bình quân 50%. + Thu nhập quốc dân tăng lên không ngừng, đời sống nhân dân được cải thiện. Mỗi năm chúng ta đã giải	+ Nước ta vẫn là một trong những nước nghèo trên thế giới, lực lượng sản xuất nhỏ bé, cơ sở vật chất – kĩ thuật lạc hậu... + Tình trạng tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, làm ăn phi pháp chưa được ngăn chặn. Những hiện tượng tiêu cực nghiêm trọng

quyết được việc làm cho hơn 1 triệu lao động. Tình hình an ninh chính trị, xã hội được ổn định và giữ vững. + Năm 1995, nước ta gặt hái thành công trong quan hệ đối ngoại: Mĩ đã phá bỏ cấm vận kinh tế và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta (tháng 7–1995); tháng 7–1995, Việt Nam chính thức ra nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Những kết quả đạt được trong 10 năm đổi mới và thực hiện kế hoạch 5 năm (1991 – 1995) đã tạo cơ sở vững chắc cho nước ta tiếp tục phát huy trong kế hoạch 5 năm tiếp theo.	kéo dài trong bộ máy nhà nước. + Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa các tầng lớp nhân dân tăng nhanh...

BÀI TẬP 7

Điền kiến thức phù hợp vào bảng về thành tựu và tiến bộ, khó khăn và hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1996 – 2000.

Đáp án

Thành tựu và tiến bộ	**Khó khăn và hạn chế**
– Trong 5 năm, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân 7% / năm, công nghiệp tăng 13,5% / năm, nông nghiệp tăng gần 6% / năm. Chúng ta tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu lúa gạo, vươn lên hàng thứ hai thế giới (sau Thái Lan). – Các ngành kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. – Những hoạt động xuất nhập khẩu không ngừng tăng lên: xuất khẩu đạt hơn 51 tỉ USD, bình quân hàng năm tăng 21% với 3 mặt hàng chủ yếu là lúa gạo, cà phê (xuất khẩu đứng thứ hai thế giới) và thủy sản. Chúng ta nhập khẩu hơn 60 tỉ USD, tăng hơn 13%,... – Về giáo dục, đến năm 2000 chúng ta đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ trên cả nước. Một số tỉnh và thành phố đang hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. – Về quan hệ đối ngoại, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút hàng hàng chục tỉ USD từ nước ngoài.	– Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Kinh tế tập thể chưa mạnh. – Một số vấn đề văn hóa xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. – Tình trạng tham nhũng chưa được khắc phục triệt để.

HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP LỊCH SỬ 12

(Chương trình nâng cao)

PGS.TS. TRỊNH ĐÌNH TÙNG (Chủ biên)
ThS. NGUYỄN MẠNH HƯỞNG – ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 39714896: (04) 39724770; Fax: (04) 39714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Chịu trách nhiệm nội dung
Biên tập: TÚ OANH
Trình bày bìa: QUỐC VIỆT

Đối tác liên kết xuất bản:

CÔNG TY SÁCH – THIẾT BỊ GIÁO DỤC ĐỨC TRÍ

Mã số: 2L-124 ĐH2009
In 2000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty in TNHH In Bao bì Hưng Phú
Số xuất bản: 377-2009/CXB/02-59/ĐHQGHN, ngày 07/5/2009
Quyết định xuất bản số: 124 LK-XH/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2009